



**ĐÔNG HỒ * VŨ HOÀNG CHƯƠNG
HỒ HỮU TƯỜNG * TẠ TÝ
NGUYỄN MẠNH CÔN * VÕ HỒNG
THANH TÂM TUYẾN * NGUYỄN SA
DOÃN QUỐC SỸ * TRẦN DẠ TỪ
NGUYỄN ĐÌNH TOÀN * Y UYÊN
DƯƠNG NGHIỆM MẬU * TRẦN
THIỆN ĐẠO * MAI TRUNG TĨNH
ALAIN ROBBE GRILLET * ILYA
EHRENBURG * MỖ LÀNG VĂN**

**HÀ - NỘI, QUÊ HƯƠNG
TRONG TRÍ NHỚ**

tập san VĂN số 42



Paris * 03.2025

Bìa: Đèn Ngọc Sơn * Hà-nội
Nguồn: Thư Ấn quán

tập san VĂN số 42

**Tập san Văn * Năm thứ hai
Số 42 ra ngày 15-11-1965**

Độc trong số này:

Thư gửi bạn đọc	11
1. Lý Bạch	13
Tĩnh dạ tứ, thơ	
2. Hồ Hữu Tường	16
Phố Sinh Từ (tùy bút)	
3. Vũ Hoàng Chương	51
Tâm sự phố phường, thơ	
4. Nguyễn Mạnh Côn	55
Nhớ về Hà-nội (đoản tác)	
5. Mai Trung Tĩnh	101
Lúc trở về, thơ	

6. Tạ Tỵ	104
Tiếng nói (đoản tác)	
7. Nguyễn Sa	122
Bao giờ, thơ	
8. Võ Hồng	127
Nhớ về Hà-nội (bút ký)	
9. Trần Dạ Từ	145
Tỏ tình trong đêm, thơ	
10. Doãn Quốc Sỹ	150
Tiếng hát của Hiền (đoản tác)	
11. Dương Nghiễm Mậu	172
Quyên, dĩ vãng một Hà-nội (truyện)	
12. Cao Xuân Tú	201
Mùa thu mơ xứ, thơ ca	
13. Y Uyên	208
Cỏ heo may Hà-nội	

14. Nhã Ca	248
Về thăm tuổi nhỏ, thơ	
15. Nguyễn Đình Toàn	254
Hà-nội trong trí nhớ (tùy bút)	
16. Đông Hồ	267
Lá tươi đại học, thơ	
17. Thanh Tâm Tuyền	270
Ung thư (truyện dài)	
18. Tú Kếu	318
Chém treo ngành (thơ trào phúng)	
19. Mỗ Làng Văn	323
Quét sân đình (truyện phiếm)	



Tòa soạn và Trị sự : 38, Phạm
Ngũ Lão, Saigon. Đ.T.: 23.595

Tập san xuất bản do nghị định số 64/
BTT/NĐ, ngày 4/12/1963

* Chi phiếu đề tên ông Nguyễn Đình
Vượng (chủ nhiệm kiêm chủ bút)

* Thư từ, bản thảo, đề tên ông Trần
Phong Giao (thư ký tòa soạn)

* Giao thiệp trực tiếp : ông Gia Tuấn
(phụ tá thư ký tòa soạn)

* In tại nhà in riêng của báo VĂN.

* Quản lý : Cô Nguyễn thị Tuấn.

Thân gửi bạn đọc,

Không kể những người sinh trưởng ngay trong lòng Hà-nội, bất cứ khách viễn phương nào có dịp ghé thăm Hà-nội, đều không thể không mến yêu thành phố cổ kính đó. Và khi rời xa Hà-nội, không ai là không mang trong lòng trọn vẹn cái hình ảnh thân yêu của một quê hương trong trí nhớ. Trong những trang sau, bạn đọc sẽ tìm thấy một cây bút đến từ Bến Nghé, một người đến từ miền duyên hải Trung-phân, nhiều người đã từng say mê chiến đấu chống quân xâm lược Pháp để bảo vệ thủ đô, nhiều người khác đã lớn lên trong

Thư gửi bạn đọc

không khí tao loạn của một thành phố còn mang trên nó nhiều sắc màu của một cố đô ngàn năm văn vật... Nhiều khuôn mặt, nhiều tiếng nói, nhưng chung một niềm thương – niềm thương gửi về Hà-nội, miền quê hương trong trí nhớ.

VĂN số 43 sẽ là số đặc biệt của đệ Tứ tam cá nguyệt 1965. Với chủ đề 200 NĂM NGUYỄN DU, VĂN số 43 sẽ trình bày nhiều tài liệu văn học hiếm, quý, nhiều sáng tác thật đặc sắc của những cây bút quen thuộc. VĂN số 43 còn chắc chắn sẽ làm hài lòng những bạn yêu thơ, nhất là thể thơ lục bát.



Tĩnh dạ tứ

靜夜思

Cảm nghĩ trong đêm thanh tĩnh

Thơ Trung Quốc, Thịnh Đường,

Lý Bạch

靜夜思

床前明月光，

疑是地上霜。

舉頭望明月，

低頭思故鄉。

Phiên âm

Sàng tiền minh nguyệt quang,
Nghị thị địa thượng sương.
Cử đầu vọng minh nguyệt,
Đê đầu tư cố hương.

Dịch nghĩa

*Đầu giường ngó bóng trăng soi,
Mặt thêm ngỡ bóng sương rơi mơ
màng
Ngẩng đầu trăng sáng như gương,
Cúi đầu ngao ngán quê hương ngàn
trùng.*

Trần Phong Giao
phỏng dịch

Thuở nhỏ, Lý Bạch thường lên đỉnh núi Nga Mi ở quê nhà ngắm trăng. Từ năm 25 tuổi, ông đã xa quê và xa mãi. Bởi vậy, cứ mỗi lần thấy trăng là nhà thơ lại nhớ tới quê nhà.

Phố Sinh Từ

tùy bút của HỒ HỮU TƯỜNG

Ngu-Í, nay đang nhờ bác sĩ giám đốc của Dưỡng-trí viện Biên-hòa săn sóc cho, mỗi lần bệnh trở lại, nói cho đúng hơn là sắp trở lại, thì lộ ra vài triệu chứng, mà ta dễ nhận là báo hiệu cho vài tháng mệt lo, cho vợ. Tội nghiệp cho “thím Cá” ! Trong vài tháng ấy, thím phải một mình kê vai gánh trọn nợ gia đình, thêm đồng tiền cơm cho chồng ở Biên-hòa, còn mỗi tuần phải suy nghĩ mưu chước nào để năn nỉ cho ông chồng tuân kỷ luật của bác sĩ. Bởi vì Ngu-Í là một con bệnh được bác sĩ, là một người

sính văn nghệ, chiều chuộng đủ điều, và mỗi tuần cấp cho giấy phép về Sài-gòn, để “tắm ao văn nghệ cho mát long”, nghĩa là đi viếng khắp anh em một tua, rồi trở về bệnh viện. Giờ đi, giờ về, thầy có ghi trên giấy phép, thế mà Nghê-Bá-Lí nhà ta “lưu luyện hồng trần”, chẳng muốn sốt sáng về cảnh tiên cho đúng hẹn. Trong những triệu chứng báo hiệu trước ấy, thế nào cũng có việc đến nhà anh em mà nói toạc ra những điều ầm ỨC trong lòng.

Đối với tôi, Ngu-Í không vui, vì tôi có “cái tật làm cái gì hay khẩn đó, rồi bỏ mứa mà chẳng hoàn tất”. Thường thì không sao, lâu lâu, chàng mới nói phớt qua cái tật ấy, gọi là phê bình thân hữu. Nhưng một hôm chàng đến nhà tôi mà trút tâm từ hơn vài giờ về vấn đề này. Tôi biết rằng ông bạn sắp làm khổ cho vợ. Song tôi nghĩ rằng bạn tôi có lý.

Có lý, thì có lý bề ngoài! Chớ viết văn đâu phải dễ, mà hễ muốn, thì làm ngay được ? Nhiều người than phiền sao nhà văn hào Nguyễn Du lại không rán tự mình xây cốt chuyện riêng cho mình, lại đi lấy một cuốn tiểu thuyết tồi của Tàu, là Thanh Tâm tài nhân mà dịch ra ? Các nhà phê bình ấy nào có hay rằng văn từ đâu phải dễ tìm ? Tôi vốn xây mộng viết sáu bài tùy bút, về văn chương, gọi là ghi chút kinh nghiệm Bài Ấch xào măng là bài khai mào. Và chương trình dự định, là phải cố năm bài nối theo, để trình bày văn tâm, văn tứ, văn học, văn khí và văn tài, cho trọn vẹn câu “ vành ngoài một chữ, vành trong bốn nghề ”. Té ra, lòng thì muốn vậy, song đâu phải dễ tìm từ ? Suốt mấy tháng nay, đề thi có, mà tôi vì không khác một thí sanh, ngồi ngậm viết mà nhìn tờ giấy trang, tìm tứ không ra.

Té ra anh Phong-Giao, lại cũng anh ấy nữa, mớm cho tôi một cái tú. Vừa gặp tôi, anh nổi với giọng mạnh dạn của tuổi trẻ :

– Tôi đến nhà anh hai lần mà tìm anh, không gặp.

– Chi vậy ?

– Để nhờ anh viết một ít trang hồi ký về Hà-nội.

Đùng một cái, tôi liền có một cái tú, để viết một bài tùy bút, trong năm bài mà lòng dự định muốn viết về văn chương. Vậy, độc giả nên xem đây là một bài tùy bút, chứ chẳng phải là một thiên hồi ký. Tôi ở Hà-nội từ nửa năm 1945 cho đến đầu năm 1948. Trong khoảng ấy, biết bao việc trọng đại đã xảy ra, thiếu gì mẫu chuyện lý thú đã thấy, sao chẳng chọn

một chuyện trọng đại và lý thú mà kể lại, kể làm chi “cái không có gì hết” đã xảy ra ở phố Sinh-tử ? Xin lỗi độc giả, bởi vì tôi không viết hồi ký, mà tôi cho dòng tư tưởng tôi, tùy theo ngòi bút dặt dẵn, mà hiện ra trên giấy đó.

✱

Tháng 11 năm 1945. Anh Phạm Ngọc Khuê, vừa đi, bác sĩ, đến từ thất của anh Lê Văn Vàng, là chủ nhà xuất bản Tân Việt, tìm tôi, bảo lấy hết đồ đạc mà theo anh, lại không cho biết lý do chi cả. Gia tài tôi chỉ có một cái va-li, bao giờ cũng sẵn. Anh tác giả của bài thơ “con trâu”, e tôi cưỡng lại, xách nó ngay, đem ra mà đặt lên chiếc xe tay chờ sẵn và kéo tôi lên cùng ngòi :

– Chúng mình đừng chần chờ mà lỡ tàu.

Vé đã mua trước. Chúng tôi vừa lên toa, thì còi đã thổi, xe lửa đã xình xịch rời ga hàng Cỏ. Chúng tôi đến Nam-định vào ban đêm, đến trọ một nhà quen của Khuê, mà chủ nhà, vì lên Hà-nội làm gì đó trong chính phủ, nên bỏ trống, đã giao chìa khóa cho Khuê. Đến sáng hôm sau, Khuê cũng chẳng cắt nghĩa làm sao, đưa giấy viết cho tôi mà nói :

– Anh không nên ra khỏi buồng. Tôi có việc đi từ sáng cho đến trưa, rồi lại ra đi cho đến tối, sau khi dùng cơm trưa. Anh ở nhà viết cho xong một quyển sách, mà tôi vừa ký hợp đồng để “lancer” một nhà xuất bản. Nhan đề là : Muốn hiểu chính trị.

Cơm thì có người mang đến cho

hai chúng tôi ăn. Ngồi trong buồng một mình, tôi viết suốt ngày. Tối thì hai anh em tán gẫu để xả hơi, nhưng Khuê không khi nào các nghĩa hành động của mình và cứ giải thích rằng :

– Tôi có việc mà tới đây, sẵn dắt anh theo để anh có yên tĩnh mà viết.

Sau một tuần, Khuê mới than :

– Tôi chạy kiếm mấy hôm nay, không tìm được một nơi nào để mở phòng thuốc mà ở trên gác có chỗ kín đáo, để cho anh ở.

Tôi vội ngăn lại :

– Có tiền thì đừng có dại mà bỏ ra mở phòng thuốc bây giờ ! Thế nào cũng có đánh nhau, chùng ấy chỉ còn có bỏ mà chạy. Vốn liếng đã mắc kẹt, có phải là bỏ uổng không ?

– Còn anh ?

– Tôi thì sao ?

Chùng ấy Khuê mới thú thật. Trong Nam, Thân đã bị giết ở Quảng-ngãi ; Phương, Thạch, Sổ đã bị giết ; Chánh và Hùm vừa bị bắt và chắc cũng sẽ có chung một số phận. Ngoài này, công an vừa được lệnh ruồng bắt tôi, “nếu toan thoát thì cứ việc bắn”. Nên Khuê mới tính mở phòng xem mạch, cốt để giấu tôi. Tôi cãi lại :

– Anh mở phòng xem mạch ở đây để chứa tôi, thì đích thị là “lạy ông tôi ở bụi này”. Muốn trốn cho kỹ, thì về ở ngay Hà-nội, nơi nhà một người thường, mà chẳng ai tò mò hỏi tới tông tích của mình, và chẳng có một mặt khả nghi nào đến viếng, lôi cuốn công an theo rình mò, làm cho bại lộ tôi đi.

Thế là chúng tôi về Hà-nội, Khuê đưa tôi vào một căn phố ở hẻm Sinh-tử, cả ngày không có ai lai vãng, đến quá khuya mới có người về, lật đặt thay đồ ngủ, để sớm lại đi. Ở lâu, tôi mới biết người ấy là Phạm Ngọc Khôi, vừa làm công chức, vừa làm đạo diễn cho một ban ca kịch, nên mới đi sớm về khuya và cả tháng chưa nói với tôi một câu. Mỗi ngày hai lượt, tôi đi độ năm mươi thước theo phố Sinh-tử, mà đến nhà của họa sĩ Hoàng Tích Chù để ăn cơm, Thế là mỗi ngày bốn lượt tôi đếm bước trên con đường mà Tú Uyên gặp Giáng Kiều lần đầu, tại Quảng-văn Đình...

✱

Ngay bữa đầu, khi Khuê dài tôi đi trên phố Sinh-tử, để cho biết nhà anh Hoàng

Tích Chù, việc Tú Uyên gặp Giáng Kiều nơi này đã được nhắc lại. Và Khuê bí mật nói :

– Rồi đây, anh sẽ gặp nàng Giáng Kiều của anh !

Nhưng bị hỏi vặn, Khuê cứ núp sau câu “thiên cơ bất khả lậu”.

Họa sĩ Hoàng Tích Chù là em ruột của Hoàng Tích Chu – nhà báo đã gây được một cuộc cách mạng trong thuật viết câu Việt-nam. Trước kia, các cụ thường viết những câu dài lê thê, luộm thuộm, và vì vậy mà tối nghĩa. Hoàng Tích Chu cố xúi cho những câu ngắn, gọn và sáng nghĩa. Nhờ Chu mà miếng đất dọn sẵn, để cho Tự-lực Văn-đoàn gieo hột lên mọc thành đám mạ xanh tươi. Anh thì là một nhà báo. Em là một họa sĩ. Sở trường của Hoàng Tích Chù

là vẽ và trang trí cho những ban kịch, với một lối độc đáo. Nhưng nghệ thuật hào nhoáng này không để dành lâu, nên anh lại thừa lúc có thời giờ mà sáng tác những bức sơn mài. Và Chù cũng đã nổi danh về những bức tranh sơn mài này.

Đến nhà anh Chù, tôi ngạc nhiên ngay bởi một đứa con gái, tuổi độ năm sáu, tóc hoe như của trẻ con Bắc Âu, nước da trắng hồng, cặp mắt xanh đục và mũi cao. Nó quẩn quít anh Chù mà nó gọi bằng ba. Thấy tôi ngạc nhiên, anh Chủ cắt nghĩa :

– Con riêng của nhà tôi !

Và một tiểu thuyết được anh Chù kể lại, thỉnh thoảng Khuê chêm vào một vài câu tả cho tế nhị. Một nhà nho kia, ở vùng thôn quê, không giàu của, song có hai nàng con gái rất đẹp. Nàng lớn tuổi

qua cặp kê, đứa em còn nhỏ xiu. Ông mịch lòng với lũ cường hào sao đó, bị chúng phao là cách mạng, âm mưu khuynh phúc chính phủ bảo hộ, nên bị bắt giam ở Hà-nội. Người con gái bán hết đồ đạc, cụ bị ít tiền đến thành, mà lo cho cha. Tiền đã hồi lộ sạch, mà ông bố vẫn bị đưa ra tòa. Có người mách cho một viên trạng sư nổi tiếng, người Pháp, nàng tìm đến, nằn nì nhờ trạng sư biện hộ, hứa sẽ về quê bán hết ruộng mà đền ơn, nếu ông thân được cứu. Vừa gặp nàng, trạng sư bị sét đánh ngay. Chàng bèn vào nhà lao mà gặp ông nhà nho, trình bày tình trạng cho thấy cái viễn đồ có thể bị một hai mươi năm khổ sai. Rồi chàng đề nghị :

– Nhưng tôi phải lòng con gái ông lắm. Tôi sẽ rán mà biện hộ cho ông. Rủi ông bị án, thì công tôi bỏ. May ông được

thả ra, thì ông gả con gái ông cho tôi. Ông bằng lòng vậy, thì tôi làm trạng sư cho ông.

Ông lão nghĩ nếu mình bị vài mươi năm tù, biết đâu cả hai đứa con gái lại sẽ khỏi hư ? Sau khi dò hỏi ý con, ông bằng lòng. Một mặt, vị trạng sư lo đưa người vợ đảm về Pháp, một mặt, dùng đủ phương pháp để thành công, hầu đoạt giải thưởng, là một nàng đẹp dễ.

Trạng sư ta được toại nguyện. Cuộc hôn nhân, không chính thức, giữa một trạng sư Pháp và một con gái nhà nho Việt đã đem lại kết quả là một cái thai, thi chiến tranh Đức Pháp lại bắt đầu. Trạng sư bị động viên, không biết sống chết thế nào, giặc giã bao lâu và may mà sống sót được, chưa dễ được người vợ đảm có hôn thê lại để cho trở qua Đông-dương nữa. Trong lúc sắp chia ly, không

biết gởi tình nhân và hòn máu bỏ rơi của mình cho ai, chàng đành hỏi ý nàng. Thì nàng thổ lộ :

– Trước kia, tôi thâm yêu tha thiết một chàng sinh viên. gốc ở cùng làng và hẹn lòng khi chàng học xong, thì chúng tôi kết làm đôi bạn. Rồi nhà tôi sanh biến. Muốn cứu cha, tôi đành hy sinh mảnh thân. Nay cha đã cứu, hiếu đã đền. Ởn chàng, thiếp cũng trả. Nay tình cảnh chàng thế ấy, xin chàng mời sinh viên, ý trung nhân của thiếp, đến mà hỏi coi người có chê thiếp là gái mất trinh chẳng, và có vui lòng cho thiếp theo hầu hạ người trọn đời chẳng ?

Sinh viên nghe báo cáo, ngạc nhiên vì mình đã được thâm yêu mà không dè. Trạng sư năn nỉ chàng gánh giùm gánh tình của mình. Chàng chịu. Chàng ấy không ai lạ hơn là họa sĩ Hoàng Tích

Chù. Chù nói dối với mẹ là đã lỡ dan díu với một cô gái đẹp cùng làng. Bà cụ cũng chịu con, mà nhận dâu. Song đến khi sanh ra đứa “cháu nội” tóc hoe, mắt xanh, mũi lõ, thì bà cụ nhứt định là con dâu mình chỉ là thứ đàn đấm đã mê hoặc con mình. Chỉ có chút điểm ấy thôi, bằng không thì gia đình họa sĩ Chù thật là hạnh phúc.

✱

Chị Chù làm cơm xong, bưng lên. Chị ăn mặc thật nông dân, áo nâu sòng, đầu chít khăn mỏ quạ. Tôi nghĩ rằng chị ăn mặc như vậy cốt cho mẹ chồng dịu bớt mặc cảm đối với chị. Nhưng lớp ăn vận nâu sòng, quá quê mùa, không giấu được một sắc đẹp rất lộng lẫy. Vừa thấy Khuê, chị cười rất duyên dáng :

– Sao, có bằng lòng gọi tôi bằng chị không ?

Khuê cũng cười nụ, đáp :

– Chị là vợ của anh Chù, thì tất nhiên tôi phải gọi chị bằng chị rồi. Còn vấn đề cô Thanh, không nên chị à.

– Sao lại không nên ? Anh góa vợ, có ai ngăn anh ? Nó đẹp chừng ấy, không xứng đáng làm là bác sĩ sao ? Nó không đòi anh nuôi nó ; nó làm thợ bạc, có nước chạm tài hoa, cũng đủ nuôi thân nó rồi. Nó không phải kén một ông chồng bác sĩ để cho có tiền và có địa vị. Nó thích có chồng viết văn cho hay, mỗi chữ dùng ngân lên trong trẻo, mỗi câu đọc như hát một bài nhạc, mỗi tư tưởng cho cao siêu, như cô đọng một kiệt tác vào.

– Thưa chị, tôi cho là không nên, bởi

vì, điều thứ nhứt, tôi viết quá cầu thả, không đáp được lòng mong mỏi của cô Thanh. Và quan trọng là điều thứ hai, là cô yếu điệu, mảnh mai, còn tôi thì kén một người vợ mạnh khỏe, to lớn, đầy đà. Trong một cuộc hôn nhân, mà cả đôi bên đều thất vọng, ắt sẽ không có hạnh phúc.

– Thế thì tội nghiệp cho nó lắm ! Nó kén chồng quá, chắc chắn phải ở vậy, nếu không có nhà văn lý tưởng nào...

Khuê nheo mắt, ranh mãnh, chặn ngang :

– Tôi yêu cầu chị sang qua đề khác.

Trên đường về, Khuê giờ chuyện khi này :

– Chị Chù đã lỡ “lậu thiên cơ”, âu là tôi nói hết. Nàng Giáng Kiều không ai lạ hơn là cô Thanh. Cô đẹp lắm hơn

chị Chù nhiều. Cô có nho học, sính thơ văn. Từ ngày ông bố ra tù, gia đình sa sút, cô không ra tỉnh để theo Tây học, lại tập tành nghề thợ bạc, là thủ công nghệ gia đình đặc biệt của vùng. Cô có hoa tay nên chạm khéo lắm. Những cái hộp, tác phẩm của cô, sắp vào hạng nhứt nhì. Hơn tháng trước đây, chị Chủ đem vấn đề hôn nhơn của cô mà đặt với tôi, thì không biết sao, tôi lại nghĩ đến anh. Tây đã đánh chiếm Nam bộ, nước bị cắt đôi. Gia đình anh còn mất thế nào, không biết, Dầu có còn, họa may chiến tranh chấm dứt, anh mới có hi vọng gặp lại. Mà biết chừng nào ? Rồi từ đây tới đó, anh sống làm sao, khi mà không ai che chở đùm bọc ? Cô Thanh là người lý tưởng, dám hy sanh để che chở đùm bọc cho anh. Anh nay có mấy ngàn đồng, đem ra mua nguyên liệu cả cho cô sản xuất nghệ phẩm. mở rộng qui mô làm ăn. Anh ần

trong nhà, viết lách, tác phẩm của anh, sẽ xuất bản dưới những bút hiệu khác nhau. Anh đã thấy rõ chưa, kế hoạch tôi đã nghiền ngẫm kỹ lưỡng. Tôi đã chuẩn bị mà xúi cho một bạn trẻ dựng nhà xuất bản Minh-Đức, sẵn cho anh đấy. Anh sẽ là Tú Uyên. Cô Thanh sẽ là Giáng Kiều. Chỉ còn chờ kỳ ngộ tại Bích Câu mà thôi. Và cuốn sách đầu tiên của nhà Minh Đức, là Muốn hiểu chính trị, sẽ là món sính lễ, để nạp cho cô Thanh... quăng phao câu mà chọn anh vậy !

*

Cảnh Bích Câu không đâu khác hơn là nghệ sở của họa sĩ Hoàng Tích Chù. Đó là một cái buồng nhỏ hẹp, nơi góc dựng ngổn ngang đồ nghề để trang trí sân khấu. Nơi một bàn, anh Chù đương

rị mọ lo cho một bức sơn mài, trình bày một thiếu nữ Việt-nam, dài các, đẹp, mặc một cái áo dài thêu kim tuyến, nằm mơ mộng. Tôi thường đến, trước giờ cơm, đứng sau lưng anh xem anh cầm cục than mà mài lên sơn, để làm bật nổi những nét vàng son, mà anh đã cho vùi trước dưới lớp sơn. Vừa làm, anh vừa nói :

– Tôi sáng tác ra bức tranh này, sau khi nghe một buổi nói chuyện của họ. Họ đòi nghệ thuật phải phụng sự cho tranh đấu, cho khoa học, cho đại chúng, cho dân tộc. Tôi nghĩ khác. Tôi cho rằng nghệ sĩ có một mong muốn tha thiết, cần nói cái mong muốn ấy. Trong văn chương, anh gọi cái đó là văn tâm. Tôi xin bắt chước mà đặt ra một danh từ mới, mà gọi là nghệ tâm

– Nghệ tâm của anh, trong bức tranh này, là thế nào ?

– Tôi không thích thấy nghệ thuật bị trói buộc trong chỉ thị. Tôi thích cho nghệ thuật được tự do sáng tác, để nói được tiếng nói trung thực của lòng mình. Rồi tôi cũng bắt chước mà tạo ra một danh từ mới, là nghệ tử, để gọi một cái mà chúng tôi đã biết trong nghề từ lâu. Thiếu nữ này tượng trưng cho cái Hứng của nghệ thuật. Nàng đương mơ mộng tự do. Và sở dĩ tôi lại dùng hình thức của sơn mài, bởi vì sơn mài mới là nhẫn nại, là công phu. Phải mất nhiều tháng mới hoàn tất một bức được. Đúng với cái nhận xét, là thiên tài chỉ là một sự nhẫn nại dài đằng đẳng. Nhà văn muốn văn mình hay, cần phải gọt giũa từng chữ, từng câu, năm lần, mười lần. Họa sĩ muốn cho bức sơn mài mình đẹp phải cầm cục than mà

mài cho lộ những màu sắc cho hợp với ý mình.

Anh Chù lấy tay khoát nước cho trôi lớp than, làm lộ một điểm vàng lóng lánh. Tôi thấy đã đẹp rồi, nhưng anh cầm bức tranh, nghiêng qua, nghiêng lại, ngắm nghía. Chưa được vừa lòng, lại mài nữa. Thấy anh vậy, tôi lại nghĩ đến tôi. Tôi bước vào làng báo tháng 5 năm 1930, ban đầu viết bằng tiếng Pháp, ở Paris, năm sau về nhà viết bằng tiếng Việt. Trong mười lăm năm rưỡi, tôi cũng viết ít cuốn sách mỏng vào loại khảo cứu. Dẫu viết báo hay viết sách chi, tôi luôn cầm đầu mà viết một mạch, chẳng có dàn bài, tư tưởng cứ để cho ngòi bút dắt dẫn. Mà nhứt là không khi nào nhần nại và công phu để gọt giũa từng chữ, từng câu, từng ý. Viết xong, đọc lại một loạt, bôi một đôi chữ thừa, thêm chữ, vì

viết quá lẹ, mà sót đi. Biết mình “ấu tả” đã thành tật rồi, tôi chối cái danh từ “văn sĩ” mà người ta gán cho tôi. Tôi cho là văn sĩ phải gồm đủ năm yếu tố của văn chương, mà có đủ : tâm, tứ, học, khí và tài. Nhứt là tài, vì cái tài là tổng hợp bốn yếu tố đầu với nhân nại và công phu. Tôi thiếu nhân nại và công phu, làm sao gọi là có văn tài được ?

Bây giờ, thấy anh Hoàng Tích Chù cầm cục than mà mài nhẹ nhẹ, bỗng nhiên, tôi gặp nàng Giáng Kiều bước vào cái nghệ sở nhỏ hẹp,

Nàng Giáng Kiều, đến nghệ sở đặt ở một cái hầm của phố Sinh-tử, xin lỗi các độc giả, không phải là cô Thanh, em chị Chù. Nay, gần hai mươi năm đã qua, tôi chưa hề gặp cô Thanh bao giờ. Có lẽ, anh Khuê quảng cáo nồng nhiệt về tài, sắc, đức, hạnh có Thanh, làm cho tôi mơ

tưởng cô rồi mơ ước ấy làm cho tôi gặp Giáng Kiều của tôi. Điều ấy hai mươi năm qua, phân tích lòng tôi, đến nay tôi cũng chưa đáp nổi. Nhưng điều quan trọng, là cảnh Bích Câu, ấy là nghệ sở của Hoàng Tích Chù ; và duyên kì ngộ, ấy là Tú Uyên của thế kỷ XX, là tôi, lại gặp Giáng Kiều ở phố Sinh-tử.

Nàng không đến, hiện thân có da thịt.

Vốn là nàng tiên, Giáng Kiều đến mà chỉ để cho một mình tôi thấy nàng mà thôi. Bởi vì nàng bấy giờ có tên là Nàng Thơ.

Bởi cái tật viết “ấu tả” của tôi, tôi không làm thơ được Tôi có hai ông bạn là Đông Hồ và Vũ Hoàng Chương, ông nào ông nầy ốm o, gầy đét, thế mà cả hai đều có một nghị lực phi thường, có một

sức nhằn nại làm cho tôi phải phục. Họ gọt giữa từng chữ, từng tú, từng câu, từng vần mà làm những bài thơ ! Mỗi lần cầm viết chạy bon bon trên giấy, tôi không khỏi nhớ tới họ, để mà ghen tài... nhằn nại và công phu của thi sĩ. Vì lẽ đó, mà đời tôi vô phước, chỉ gặp nàng, mà người Pháp gọi là “la folle du login” (sự Tưởng tượng) chứ chưa hề luôn gặp được Nàng Thơ.

Cuối năm 1945. tại một hẻm ở phố Sinh-tử, tôi gặp Nàng Thơ được một lần. Tình duyên ấy sao khỏi ghi đậm trong lòng tôi. Nên chi, khi Phong Giao bảo tôi ghi “ký ức nào đẹp đẽ nhất” của tôi về Hà-nội, tôi chẳng dừng được. phải nhắc tới một mối tình, với Nàng Thơ mà tôi không mong có ngày tái ngộ.

✱

 háng sáu năm 1939, sau một cơn khủng hoảng tri thức dữ dội, tôi rời bỏ chủ nghĩa Mác-Lê. Nói cho đúng hơn, tôi lấy cái quyết định phải “đoạn tuyệt” với cái ý thức hệ ấy. Ai đã có mắc nghiện nặng, thấy đều biết, bằng thực nghiệm rằng việc cai thuốc là một việc cực kỳ khó. Tôi có biết một người ghiền á phiện, ở tù vài lần, mỗi lần bị hoàn cảnh bắt buộc phải ly dị với nàng tiên nâu, đến khi có lại tự do, thì chấp nối lại tình duyên cũ. Chủ nghĩa Mác-Lê một thứ ma túy nặng nề, độc địa hơn. các thứ ma túy. Cả triệu người đã nghiện nó, có mấy ai đã đoạn tuyệt với nó được? Thế nên, từ năm 1939 đến năm 1941, tôi đã để ngót bốn năm để làm cuộc “thẩm phán nội tâm”, xét nét từng giáo điều, từng lý thuyết, mấy lượt vào ra cái mê

ly đồ của duy vật luận biện chứng pháp, đi xem coi mình còn có thể, như người ghiền á phiện nói trên, hễ có cơ hội là kết nối tình duyên cũ với ma túy.

Chắc chắn lòng rồi, từ năm 1943, tôi mới vạch lối cho mình, cho tương lai mình. Và từ khi cộng sản đoạt lấy chính quyền. tôi không dám chắc thoát khỏi tử thần được tới ngày nào, nên tôi nuôi lòng tóm tắt mấy năm suy tư của riêng mình thành một tài liệu, ngắn mà cô đọng đầy đủ tư tưởng, gọi là cái “ di chúc cho hậu thế ”. Văn tâm đã có, và như thế đó. Nhưng dùng hình thức nào ?

Dùng hình thức biện luận thông thường, như Marx đã làm vào giữa thế kỷ XIX với bao nhiêu tác phẩm, việc ấy đòi hỏi một công trình mấy mươi năm (Marx làm từ 1845 đến 1883, trong 38 năm mà hãy chưa xong ; mà Việt-Minh

dùng tôi sống được bao ngày ? Việc ấy đã đòi hỏi Marx phải sống khít một bên thư viện khổng lồ là British Museum chứa gần mười triệu quyển sách để lấy tài liệu, thì nay, đòi hỏi tôi phải sống ít nữa tại Washington, bên cạnh thư viện của Quốc hội Hoa Kỳ. (Library of Congress), mà tôi thì trốn chui trốn nhủi, không có một cuốn sách hay để đọc, làm sao nổi ? Việc ấy đã đòi hỏi Marx cô bạn giàu có, nuôi đủ ăn trong mấy mươi năm, để chuyên tâm nghiên cứu, còn tôi có ai nuôi ? Và việc ấy đã đòi hỏi Marx có sẵn một số độc giả hưởng ứng còn tôi chẳng có ma nào thêm... Vì lẽ đó mà cái văn tâm kia, không sao thể hiện được.

Bây giờ, nhìn anh Hoàng Tích Chù cầm cục than mài nhẹ nhẹ, tôi lại thấy thiếu nữ ở trong tranh lồm cồm ngồi dậy, cười duyên với tôi, mà nói :

– Thiếp là Nàng Thơ, cảm vì chàng thắc mắc hơn hai năm nay, mà đến nói với chàng. Chàng dùng lời của biện luận, tất lời phải đủ để chứng minh và đòi hỏi mấy chục quyển sách dày. Điều ấy chàng làm không nổi. Chàng nên dùng ý của thơ. Độc giả gặp một ý, rồi tùy nơi nội tâm mình, mà cảm nhiều hay ít. Một chữ của thơ, cắt nghĩa cả một tác phẩm cũng được. Một câu của thơ, đem bàn luận là cả một công trình. Biện luận chỉ nằm trong trí, dễ lãng quên. Thơ len tận đáy lòng, ghi ấn tượng khó gột. Vậy chàng nghe lời thiếp mà làm thơ đi.

Tôi đáp :

– Nhưng tôi phải cái bệnh ầu tả, viết hồi hả cho xong...

– Chàng hãy rán một lần. Mỗi ngày chàng chớ nên bơi mực lên mười lăm

trang giấy, như cái tạt của chàng hay làm. Chàng chỉ viết một trang thôi. Chàng không biết gọt giũa. Thì chàng nên noi gương họa sĩ, rì mọ cầm cục than mà mài từ ngày này sang ngày kia. Mỗi trang, chàng viết, rồi gọt giũa cho kỹ, sửa chữa cho gắt, rồi chép lại. Chàng làm như vậy mười lần, đủ mười lần.

– Nhưng tôi không quen luật bình trắc, chưa từng biết gieo vần.

Nàng thơ cười duyên, nói :

– Âm điệu, vần, nhịp là thú phấn son, là thú trang sức, là quần áo để làm cho tăng sắc đẹp. Nhưng tự chúng nó, chúng nó không phải là sắc đẹp tự thân. Cô gái đẹp cũng có chút nhờ phấn son trang sức, quần áo. Nhưng nàng Vô Diễm, mẫu nghi thiên hạ, phấn son thiếu gì, trang sức có thua ai, quần áo chắc chắn là hơn

của thiên hạ, mà nàng nào có tránh được cái danh Vô Diễm của nàng ? Còn pho tượng nữ thân Venus ở Milo, chống có phấn son, trang sức và áo quần, mà vạn thế vẫn cho là đẹp... Âm điệu, vắn, nhịp là phấn son, trang sức, quần áo, để tăng vẻ đẹp của Hồn Thơ. Hồn Thơ có đẹp, thêm những cái ấy, có tăng thêm vẻ đẹp. Nhưng nếu được tuyệt đẹp như nữ thần Vénus, thì cho nàng trần truồng như pho tượng ở Milo, thì nàng càng thêm quyền rũ.

Tôi dự dự, không dám quyết. Nàng Thơ giục :

– Hành động thì chàng cả quyết, cho đến liều lĩnh. Sao mà ngồi viết, đối với chàng không phải là kẻ thù địch đông đảo, đầy mưu mô xảo quyệt và có phương tiện dồi dào để diệt chàng, đối với chàng chỉ có tờ giấy trắng, sao chàng lại sợ ?

– Tôi chỉ sợ tôi không có văn tài !

Nàng Thơ giận dữ, rầy :

– Văn tài là gì ? Văn tài chỉ là văn tâm, văn tử, văn tứ , văn học và văn khí, nhờ nhần nại và công phu tổng hợp mà nhồi nắn lại. Thiếp chỉ gặp chàng một lần, lần thứ nhứt và cũng là lần...

Tôi không dám để cho nàng quá giận dữ mà buông ra tiếng chẳng lành là : chót. Tôi liền hứa vâng lời.

✱

Từ ngày gặp gỡ nàng Giáng Kiều của tôi và mang tên là Nàng Thơ, tôi riu riu tuân lệnh. Mỗi ngày viết không đầy một trang, một bài thơ dài, bằng văn xuôi, chẳng nhờ âm điệu, chẳng tựa nơi vần,

chẳng thể theo nhịp. Hoàn toàn là văn xuôi. Khởi từ đầu tháng 12 năm 1945, đến tháng bảy năm 1946, tôi mới viết xong bài thơ bằng văn xuôi ấy. Tôi đặt cho cái nhan đề là Tương lai Văn-Hóa Việt-nam. Nhà xuất bản Minh-Đức giao cho Tô Ngọc Vân trình bày theo thể thức một tập thơ.

Sau ngày công bố, một số nhà văn thân cộng làm một bữa tiệc nhỏ, hình như có Nam Cao, Tô Hoài mà tôi mới gặp lần đầu. Giữa hai đĩa thịt gà xé phay, nhà thơ Lưu Trọng Lư, đi ngà ngà, nói :

– Bấy lâu nay, anh em ở Trung, ở Bắc có thành kiến rằng người Nam bây giờ không thể làm văn được. Không dè anh Tường, dùng hình thức thơ bằng văn xuôi, lại quyến rũ được đến những người không đồng ý kiến với anh, là chúng tôi. Từ rầy về sau, mình phải dè dặt, mà chớ

nên bảo người Nam không thể làm văn.

Tôi nhắc lại câu này không phải có mục đích mượn lời của Lưu Trọng Lư, để tự đề cao lấy tôi. Tôi chỉ tha thiết nhic cho bạn trẻ rằng một thằng “ấu tả” như tôi, mà biết tuân lệnh Năng Thơ, đem văn tâm, văn tứ, văn học và văn khí gộp lại, nhờ nhần nại và công phu nung nấu cho, thì ít nữa, cũng có chút ít văn tài, để cho ngay đối phương mình cũng công nhận có phần quyền rũ.

HỒ HỮU TƯỜNG

GIAO ĐIỂM XUẤT BẢN

CON ĐƯỜNG

truyện dài mới nhất của

NGUYỄN ĐÌNH TOÀN

168 trang ; Giá : 56\$

tâm sự phố phường

VŨ HOÀNG CHƯƠNG

*Tâm sự chìm sâu bụi phố phường
Nghẹn ngào hơi thở lớp tang thương
Hỡi ơi ! Hà-nội bao đêm trắng
Từng đón lòng ta mỗi ngã đường*

*Vì ta nghe thấu vào hơi thở
Nhìn thấu vào tâm sự bốn phương
Tiềm thức đêm đêm trời rộng mở
Ta chờ linh cảm ý quê hương*

*Không gian từng kết hình trong
mộng.*

Và sắc thời gian ở chiếu giường

Sông núi xa xưa về hiện bóng

Hồn say ta vượt hết biên cương.

Lẽ đâu, và nữ nào, ta để

*Cố quận riêng mình xót nhiều
nhường!*

Trận gió ghê tanh mùi chiến địa

Thành máy giộn đỏ máu tà dương

Hỡi gươm đáy sóng rùa chân tháp !

Ta hiểu rồi, Người, nỗi đoạn trường !

*Gió lại còn tanh mùi phấn sáp
Và mây còn đỏ máu hiền lương*

*Ngõ cụt nào kim trắng lạnh lắm ?
Ngã ba này nữa xám mầu sương !
Thanh bình cõi ấy xa nghìn dặm
Gạch ngói nằm rên rỉ vết thương*

*Từng con mắt gỗ hoen giòng lệ
Tiếng khóc thầm dâng mỗi nách
tưởng*

*Đá cũng nhàu gan bia Tiến - sĩ
Cây vườn Bách - thảo tóc phai hương*

Chợt tiếng ai gào muôn điệp khúc

Tự hồ Tây lại, Đống - đa sang

Cầu Long - biên với cầu Thê - húc

Bền sắt tươi son hện đá vàng

Tâm sự bấy lâu đà cởi mở

*Thanh bình không phải giấc mơ
suông !*

Đêm nay Hà-nội đàm hơi thở

Vào nhịp cười say một gã cuồng.

VŨ HOÀNG CHƯƠNG

Trích trong Hoa đăng, Văn hữu
Á-châu xuất bản Sài-gòn, 1959, tr. 83-84

NGUYỄN MẠNH CÔN

NHỚ VỀ HÀ-NỘI

Hà-nội ! Tôi muốn hiểu tại sao, mỗi khi nhắc đến Hà-nội, từ đâu đó trong tim tôi lại dâng lên một mối cảm hoài man mác. Nói rằng tiếc, rằng thương, chưa chắc đã đúng bao nhiêu. Vì tuổi trẻ của tôi tuy có đẹp, — vì tuổi trẻ ấy đã mất rồi tôi cũng không muốn dối lòng rằng quá khứ thanh niên ấy chẳng có gì đáng được gọi là tươi tốt. Còn nói rằng Hà-nội mang nhiều kỷ niệm yêu thương, nên cứ mỗi lúc nghĩ đến người xưa, thì tất nhiên kẻ vong tình đến đâu cũng phải bùi ngùi se sắt... nếu

nói thế, tôi thiết tưởng cũng không đúng bao nhiêu. Vì thật sự tôi là kẻ suốt đời thèm khát mà không được yêu — nghĩa là yêu được một tâm hồn hay thân thể diễm kiều nào.

Nói như thế nghĩa là tôi có rất ít kỷ niệm có thể làm cho tôi rung động về đô thành Hà-nội. Nhưng tôi vẫn không sao ngăn chặn được cái cảm giác bồi hồi khó tả của một người đang lúc phân vân : nửa muốn gặp để thỏa tình ao ước; nửa muốn không, vì một niềm suy tư tàn nhẫn. Rằng bao nhiêu tình cảm là bấy nhiêu bị lừa. Tình cảm chỉ là một thói quen thống trị, một sự man trá khổng lồ. Nếu người ta hỏi từ thuở lớn lên mà không nghe nói, không đọc sách nói về thương yêu, thì bạn hay tôi liệu có tự gán cho mình cái bốn phận phải phục tùng chế độ, hay tự huyễn hoặc chính mình

về một thứ sĩ mê hoàn toàn nhục thể hay không ? Tôi có cảm tưởng như đã có lúc tôi tin theo một lời nói vô tình. Nhưng chỉ trong một khoảnh tháng năm ngắn ngủi mà thôi : tôi không cãi được, những tôi cũng không thể không nhìn ngược đường đi, đoạn ngắn nhất cũng không thiếu gì bằng chứng....

Tôi muốn thật với tâm tôi. Vả lại thà không biết không sao, còn đã trót biết, tôi cam nhận trả lời. Quê hương tôi kia ! Tổ quốc tôi đây ! Hà-nội phải chăng là biểu tượng của một tự ái nghèo nàn, ở những kẻ hẹp hòi ích kỷ ? Vì đáng lẽ hôm nay tôi phải ghét bỏ, thâm thù Hà-nội. Vì đã hơn mười năm rồi mà Hà-nội chẳng hề nổi loạn. Thủ đô của quê hương đã chấp nhận kỷ luật, đã hòa theo kẻ thắng trận rồi sao ?

Tôi không biết, và có biết cũng thiếu dữ kiện đáng tin. Và có dữ kiện đáng tin cũng phải nhận ngay trong tâm tư của tôi cũng đã có nhiều phần thay đổi. Giá được về Hà-nội hôm nay, tôi đi chắc gì tìm thấy những xúc động mà tôi chờ đợi ?

Một lô câu hỏi về Hà-nội tương tự như nhau. Tôi không còn được yên ăn, yên ngủ. Tôi phải cố trả lời. Để ít nhất cũng được yên tâm. Cái đáng xấu hổ trong con người không phải là sự sai lầm hay bị đánh lừa nơi tình cảm. Tôi chỉ sợ một điều, là đã biết rồi mà không dám nói. Hà-nội ! Hà-nội ! Có thật không, mi có một linh hồn, quần quít lấy hồn ta và bắt nó phải thương yêu quý mến ?

★

Tôi không thể trả lời, nếu không tìm về quá khứ.

Bấy giờ cách bây giờ đúng 31 năm. Tôi học chăm, thì trượt một lần ở trường Hàng Than, lúc đó còn mang tên Jambert. Tôi lên tám đã ở Hà-nội với mẹ rồi, số 15, rue de la Mission (Phố Nhà Thờ). Kỷ niệm còn nhớ được gồm một ngõ hẻm sạch sẽ, một ngôi nhà thờ vắng vẻ, một căn phòng rộng chỉ có hai mẹ con. Năm lên chín tôi được biết bà nội tôi mất. Mẹ tôi nghỉ việc một năm. về ở với ba tôi ở Tiên-du. Kỷ niệm : núi Chè, chùa Bách môn, chùa Phật tích, đồi Lim có cái lăng xây bằng đá tổ ong và hai con ngựa. Kỷ niệm : trèo cây sấu ăn quả non, trèo mái nhà ăn vụng thực địa đang phơi, đánh vắng đồng bạc hoa xòe dọc theo cái sân quần vợt nơi đầu nhà mà mất. Một đồng bạc hồi bấy giờ là 1 phần 3 giá tiền mua

một chức lý trưởng, hay 2 phần 3 tiền cơm trợ của một cậu học trò nghèo. Nhớ như thế để thấy rõ rằng tôi chậm lớn, chưa biết tiêu tiền. Ngày tết Nguyên đán tôi rủ người anh họ ra hàng cỏ Ba Chia, mua rượu bia thử uống say rồi mở cửa nhà giam ngay trong sân Huyền, đóng cửa cài then, leo lên sàn lim ngủ suốt buổi chiều mồng Một. Tôi thật ngây thơ, chưa biết khinh nhà tù, đài các với lính lệ, lính cơ có phận sự hầu hạ trong nhà.

Tôi nhớ mình học dốt, nhưng không hiểu sao – có là vì “lễ độ” với Huyện quan chăng? — thầy giáo trưởng huyện bảo tôi học giỏi, khuyên mẹ tôi khai tăng tuổi cho tôi đi thi kéo hoai. Ngày sinh của tôi được đổi từ 25 tháng Năm lên 15 tháng Ba. Tôi được sang ở Hà-nội, trọ học nhà thầy Ngô văn Minh. Con thầy đánh cờ cao, rủ tôi đánh cờ ăn tiền. Tôi

thua, không giả được tiền mua chịu kẹo, hình như xuýt (hay đã ?) bị lột áo một lần. Kết quả là tôi thi trượt. Trượt phần chữ Pháp vì dốt – tôi còn nhớ bài dictée có chữ vellon mà tôi không hiểu nghĩa là gì. Còn phần chữ Việt, thì làm hỏng cả hai bài tính. Từ hôm sang ở Hà-nội, tôi luôn luôn bị chèn ép, khinh miệt (nhà quê !) và bị lạc lỏng trong ngôi trường quá to, trong lớp học quá rộng. Tôi lại mang tật nói lắp khá nặng, nhiều lần bị mắng oan, không cãi được thành lời.

Tôi rời khỏi Hà-nội. Mẹ tôi sang đón, trả tiền mua chịu kẹo cho con. Mấy tháng sau, mẹ tôi đi làm trở lại và được đổi về làng Ô-mễ. Trường làng — gọi là École subsentionnée de Ô-mễ — có lớp Ba. Tôi học thầy giáo Vũ văn Tước. Thầy dạy cả từ lớp năm trở lên. Tôi là học trò “đã p”, chắc học khá, và bướng, nên thấy

ghét. Một hôm thấy đọc đôi câu đối cho tôi viết lên bảng đen :

Hỏa tại thạch trung, lưu thủy để
thiên niên bất diệt

Nguyệt cư thiên thượng, chiếu giang
tâm vạn đại vô cùng

Tôi viết chữ thạch đúng. nhưng thầy bảo sai, lấy phấn viết thêm cho nét phẩy thò đầu lên trên gạch ngang. Tôi thưa thầy chữ đó là chữ hữu. Thầy mắng tôi hỗn và đánh roi mây túi bụi. Tôi đem bài về mách mẹ, mẹ tôi mời thầy đến phân trần, thầy chịu là mình sai, nhưng lại càng ghét tôi thêm. Một hôm trời mưa, thầy che ô, lội bùn đi trước, một đứa bạn tôi đi sau. Tôi gọi nó bảo nó chờ tôi. Thế mà nó thưa tôi chửi thầy. Thầy lại đánh tôi bằng roi mây túi bụi. Sau bắt tôi đôi chỗ xuống ngồi bàn cuối. Tôi không đọc

được chữ viết trên bảng. Thầy bảo tôi giả vờ. Rồi gần như ngày nào cũng đánh. Tôi đau lắm nhưng không dám mách mẹ nữa, sợ mẹ tôi buồn. Tôi cố giấu vết roi trên mông dít và trên lưng Thầy Tước đánh tôi dữ quá đến nỗi tôi thành quen, có khi oan, khi ứng, nhưng không bao giờ cãi được, mà cũng xuýt xoa “con lạy thầy” như lệ thường.

Tôi trở nên câm nín, lặng lẽ, ít khi dám vui đùa mạnh mẽ, như chạy thi, đá bóng, với các bạn. Vì hễ có bất bình, có đứa nào mách, là tôi lại phải đòn. Giờ ra chơi, tôi hay đứng một mình trong sân sau mà nhìn xuống một cái ao rộng. Đến cuối năm học. tôi lại trượt kỳ Sơ học yếu lược lần thứ hai. Nhưng may nhờ báo chí phản đối bài toán phải làm theo règle de trois (quy tắc tam suất) nên ông Kiểm học Vũ văn Sáu, tục gọi Sáu Lọ, cho thi

lại. Tôi đậu được cả hai phần Pháp-Việt, mặc dù làm tính vẫn sai, viết dictée mất đến 4 phốt rưỡi.

Đến bây giờ tôi cũng không biết tại sao tôi đậu được. Hơn ba mươi năm vẫn quên không hỏi cha mẹ vợ tôi xem ông bà có vị tình mẹ tôi mà xin hộ hay không. Mẹ tôi vốn là bạn cũ, từ khi đẻ tôi, với ông bà Giáo Thảo. Hai ông bà cũng dạy ở trường tỉnh, nhà ở phố Jules Piquet. Tôi có theo mẹ đến chơi một hai lần, lần nào cũng khép nép ngồi yên trên ghế cho đến lúc ra về. Bộ sa-lông, cái sập, cái tủ trà có cửa kính đẩy ngang là những thứ mà ba tôi có, mà mẹ tôi không có. Tôi được gần bố rất ít, nên không quen với những đồ vật sang trọng.

Ngày thi viết, mẹ tôi đưa tôi đi. Giấy ráp đem về, ông Giáo bảo sai hết. Mẹ tôi thất vọng nên, một tuần sau, cho tôi đi

xem bảng vào vấn đáp một mình. Anh Phúc kéo chiếc xe nhà cũ, sơn đen, đưa tôi lên tỉnh, định xem bảng xong là về ngay. Mẹ tôi cho tôi một hào ăn quá. Nhưng đi qua cầu Bảng có bánh chưng ngon, tôi bỏ ra năm xu, mua năm chiếc. Tôi ăn một, cho Phúc hai, – vì anh ta phải kéo xe – còn hai cái để dành cho mẹ. Nhất định để dành cho mẹ, nên bảng ra chậm, 11 giờ mới có yết thị hẹn đến 3 giờ chiều, tôi phải chờ, đói lắm tôi vẫn không chịu bóc ăn. Có 5 xu đã uống nước đá « ca-la đình » hai lần, mỗi lần mất 2 xu. Còn một xu đã cho Phúc mua thuốc lá phì phèo.

Đến 12 giờ, Phúc đói quá, rên khừ khừ. Tôi định liêu, bảo Phúc kéo xe đến nhà ông bà Giáo. Ông giáo hỏi truyện đầu đầu. Tôi nuốt nước bọt mấy lần định xin ăn chịu theo kiểu « rồi mẹ cháu già

tiền ông bà ». Nhưng may tôi nơi lập, mấy lên mở miệng ú ớ không xuôi nên lại thôi. Lần sau cùng, vừa nhất định nói thì bà Giáo hỏi ăn cơm chưa.

Mâm cơm đặt giữa sập, có giò chả, canh, cá kho. Ông Giáo xin lỗi đi ngủ. Bà Giáo ngồi tiếp khách. Tôi được ăn rồi mới thấy mình dơ dáng đại hình. Thành thử cầm bát cơm lên tay mà ngượng không đưa được lên nồm. Bà Giáo tưởng tôi làm khách, giục mãi. Tôi giả vờ ngẫm cái bát để khen nó đẹp. Cái bát sứ, có những vết nhỏ hình lá cây bằng chất gì trong trong như thạch. Tôi hỏi bà giáo trả lời không biết. Tôi được dịp trầm trồ khen để chữa thẹn. Không ngờ đến mười bốn năm sau, tôi cưới nhà tôi về, bà mẹ vợ còn nhớ tặng cho con rể một đôi bát đã dùng để ăn cơm hôm ấy. Và rồi từ đúng hai mươi năm nay, tôi vẫn quên chưa hỏi

nhà tôi xem ai là người để ý đến việc tôi khen kiếu bát đẹp. Bởi tôi còn quên chưa kể rằng ngoài bà Giáo còn có những người nấp sau cánh màn trúc nhìn ra thỉnh thoảng lại cất tiếng cười khúc khích. Những người đó là ba cô con gái lớn của ông bà Giáo : họ thấy tôi dám một một mình đến kiếm bữa cơm, đều lấy làm phục cái đức tính “trơ” và liều của tôi. Họ không thể biết tôi xấu hổ đến chín cả người. Và họ cũng không thể biết một người trong bọn họ sẽ phải đem cả cuộc đời mà bồi thường cho tôi sau này.

Kết quả của buổi chiều hôm ấy là tôi được vào vấn đáp. Tôi dễ dàng vượt qua mấy bộ môn chính. Nhưng đến môn chữ Hán là môn tôi giỏi nhất thì lại trượt. Chỉ vì ngồi xa bảng đen quá, tôi chép đầu bài, bao nhiêu chữ “huyết” đều chép thành chữ “điên”. Tôi biết tại tôi không nhìn rõ.

Nhưng tôi không biết mình có tật, mà lại tưởng người khác có còn mắt tinh hơn mắt của mình.

Tôi phải đợi năm mươi ba tuổi, theo mẹ xuống Thụy-anh, mới được thầy giáo cho biết tôi cận thị, tôi cần phải đeo kính. Mẹ tôi gửi tôi về ba tôi ở Nam Trực. Ba tôi cho xe nhà – xe hơi – đưa về tỉnh Nam-định, nhờ bác sĩ Rongier xem giúp. Tôi chờ ngoài sân đến ba tiếng đồng hồ ông bác sĩ mới đến. Ông cho gọi tôi vào, hỏi bằng tiếng Pháp, tôi không nghe được một chữ nào. Ông quay sang nói tiếng Việt, tôi nghe rõ, mà vẫn không trả lời được. Ông lắc đầu, gọi y tá vào, bảo lấy kính cho tôi đeo thử.

Lần đầu tiên tôi nhìn qua mảnh thủy tinh, thấy sáng cuộc đời. Người y tá đứng bên bảng chữ, chỉ từ hàng nhỏ xuống hàng lớn. Tôi đọc được hết, nhưng không

nói gì, vì không thấy ai hỏi han gì. Ông bác sĩ có vẻ sốt ruột, đổi mắt kính luôn luôn. Rồi đến lần sau cùng – tôi nhớ thật rõ – người y tá chỉ chữ Z dưới hàng lớn nhất, bằng cả bàn tay. Tôi vẫn im. Ông ta có vẻ cáu, hỏi gay gắt :

– Đến chữ này mà không thấy sao ?

Tôi run rẩy trả lời :

– Thưa có. Chữ N.

Bác sĩ. Rongier lắc đầu, xếp lại hòm kính. Ông viết thư trả lời ba tôi :

– Con của quan lớn bị bệnh gì tôi không hiểu. Tôi khuyên quan lớn nên cho nó đi Hà-nội nhờ nhà chuyên môn xem lại.

✱

Tôi nhớ định ninh cầu truyện khám mắt, mua kính, vì sau đó một tháng, tôi đến bác sĩ Nguyên, được nghe nói tiếng Việt, và được xác nhận số kính 4.5. Ngày bắt đầu đeo kính, tôi tuy nhìn sang bên cạnh, nên thấy trời đất lộn nhào hết cả. Nhưng chỉ một lát sau tôi đã biết tôi chỉ có quyền nhìn qua tâm điểm của mắt kính mới tránh được mép kính làm cong hình các đường thẳng.

Tôi bắt đầu cuộc đời hoàn toàn mới. Nhìn rõ mặt thầy, mặt bạn ; nhìn rõ bài trên bảng, tàu bay tí trên mây, tôi trở lại có tự tin rất nhanh, rất bừa bãi. Có thể nói tôi không ngại miệng lúc nào. Và tôi tỏ ra có một trí thông minh sắc sảo, một đầu lưỡi nhanh và nhọn. Tôi cãi với thầy, với bạn, với mẹ tôi. Không bao lâu sau, mẹ tôi đã phải lo tôi “hữu tài vô hạnh”. Lẽ tất nhiên không ai hiểu trạng thái tâm lý

của tôi bấy giờ chỉ là sự tháo khoán của nhiều năm ứ đọng những tinh thần tự ti pha lẫn với mặc cảm tự cao. Vì mấy năm sau khi thi đậu bằng Sơ-học Yếu lược, tôi càng thất bại ở ngoài, càng thu gọn suy tư vào trong. Tôi học nhiều, tiến bộ được nhiều và nghỉ ngơi nhiều. Năm học lớp Nhì năm thứ Hai, tôi viết không có lỗi bài dictée của kỳ thi Diplôme nổi tiếng là khó. Lên lớp Nhất, tôi làm bài luận Pháp văn có khi dài đến cả 4 trang giấy. Còn luận Việt-văn thì khỏi nói. Không biết tôi làm thế nào mà kéo sẽ tiếng “gầm thét của Hách-cửu-la¹ kiệt sĩ khi bị dính máu độc của con rắn bảy đầu ở núi Lết-na” vào bài tả cảnh bãi bể buổi chiều. Còn bài tả một đám ma, tôi nhớ, vâng, nhớ lắm, tôi kéo đến 4 tờ feuilles doubles² và bị thầy Nguyễn Lương cho zéro vì không

1 Hercule, theo bản dịch của Nguyễn văn Vĩnh.

2 Tức 16 trang, mỗi trang 32 dòng.

có một câu nào nói đến đám ma – chỉ toàn những “luận thuyết” về cái chết !

Còn một điều lạ nữa là tôi thích – mê thì đúng hơn – đọc tiểu thuyết, nhưng tôi cũng mê cả làm tính và học địa dư. Chương trình địa dư của hai năm sau cùng ban tiểu học gồm cả Ngũ đại châu và nước Việt-nam. Tôi thích học địa dư đến nỗi không cố ý mà thuộc cả vị trí từng nước (lúc bấy giờ mới có vài chục “nước” thôi !) theo kinh tuyến và vĩ tuyến. Đọc tin thời tiết, tôi có thể xác định thuộc lòng được vị trí của một trận bão. Còn tính thì suốt năm tôi không chịu làm trên giấy ráp bao giờ : tất cả các bài tính, về phân số hay về giao thông, tôi toàn làm nhẩm rồi cho kết quả lên giấy. Chắc chắn cũng có lúc tôi làm sai, nhưng tôi đã trở nên kiêu ngạo quá. Đến gần cuối năm học lớp Nhất, tôi gần như

không chú ý gì đến sự học hành nữa. Tôi bắt đầu đọc tiểu thuyết của Lamartine, André Theuriet... Chắc hẳn có nhiều đoạn tôi không hiểu rõ. Nhưng tôi vốn thích học cả văn phạm và giỏi làm concordance des temps³ nên rất có thể tôi đã nắm được ý chính của các tác giả, với một số sai lầm tối thiểu. Tôi không còn nhớ rõ điểm này. Tuy nhiên, tôi vẫn lấy làm lạ rằng tại sao, vào tuổi ấy, tôi lại ghét truyện Paul et Virginie của Bernadin de Saint-Pierre và thích René⁴ của Chateaubriand.

Có một cái gì làm cho tôi chóng lớn lên về tình cảm. Hoặc vì gia đình lục đục, cha mẹ không yên ; hoặc: vì tuổi thơ ấu gặp nhiều oan ức, tôi một phần vẫn say sưa với những thành công trong mấy lớp

3 Phối hợp thời gian của động từ.

4 Một truyện tình ngây thơ của hai trẻ nhỏ, một truyện tình tội lỗi giữa hai anh em ruột.

tiểu học, nhưng vẫn có một phần khác thích yêu hưởng một mình những cảnh đẹp nơi quê hương. Huyện Thụy-anh ở ngay bờ bể. Rất nhiều ngày tôi dậy sớm, đi thong thả trên con đê xuống Quang-lang, rồi từ Quang-lang ra bãi cát.

Mặt trời mọc khi nước lên có một vẻ đẹp mà buổi chiều không có. Nhưng cũng nhiều hôm nước xuống, để trơ cả bãi cát mênh mông. Nước đọng từng vũng nhỏ, mỗi vũng lại in hình một mảnh trời như gấm nền xanh lơ thêu hoa bằng mây ngũ sắc. Trời chiếu xuống nước đẹp hơn trời trên đầu. Tôi thong thả đi trong phong cảnh không có gì làm biên giới. Tôi nhớ những đoạn văn ca tụng bãi bể. Không có đoạn nào nói về một cậu bé thích đi chơi một mình như thế.

Mẹ tôi cũng có tâm hồn rất lạ. Trái với tôi ngày nay, không dám thả con đi

chơi trong thành phố, mẹ tôi không sợ tôi lạc, hay gặp tai nạn vì đại đột. Buổi tối, tôi thơ thẩn trên các đồi cát, nghe tiếng sóng ì ầm và hứng từng đợt nước do những con sóng lớn đánh lên tung tóe. Tôi không biết sợ. Vì còn mãi tìm trong tôi những cảm xúc của Chateau-briand khi tả cảnh bao la của Mỹ-châu.

Nhưng tôi không thấy gì đúng như văn chương kể lại. Bãi bể tuy có đẹp, nhưng không có lời nào nói lên được vẻ đẹp ấy. Bài luận của tôi có thể dài đến mấy trang là nhờ có những chiếc thuyền đánh cá bập bênh, những cột lưới “reo” ở mãi ngoài khơi xa tít. Tôi phải bịa thêm nhiều tình cảm mà tôi không có. Một cái gì bắt đầu tách con người tôi ra khỏi ngoại vật. Tôi lớn lên trên bãi bể. Năm mười chín tuổi, từ Hà-nội về theo mẹ,

tôi vẫn một mình ra ngồi trên đồi cát. Để vẫn thấy giữa mình với phong cảnh không có gì liên hệ với nhau.

Sự dứt đoạn hết sức nghiêm trọng. Ngay từ thuở thiếu niên tôi đã dám xác nhận một điều là đời sống hay cái chết của con người chẳng ăn thua gì đến tạo vật. Tôi chỉ có một mình. Tôi chỉ sống một mình.

✱

Cảm tưởng ấy (mà tôi chưa biết tên là cô đơn) theo tôi lên Hà-nội Một ngày đầu tháng Chín, khoảng 5 giờ chiều, người phu chuyển xe hàng “Con Ngựa trắng” giao trả cho tôi chiếc xe đạp hiệu Griffon cột trên mui xe. Tôi mới biết đi xe đạp, phải ghêch “pê-đan” vào bờ hê,

ngồi lên yên, đạp theo chị tôi đi xe kéo về nhà “Cụ Củ”. Phố phường Hà-nội năm 1934 còn vắng vẻ, nhưng tôi không phải không liêu.

Tôi làm quen với thành phố bằng cách đi xuyên qua ngõ Yên-thái. Ngõ thật hẹp, xe chạy hai chiều phải men khít vào nhau. Không hiểu sao tôi không ngã. Nhưng hình ảnh của sự khó khăn, cùng cái cảm giác xông pha không tới tôi từ bấy giờ. Tôi quả là một đứa trẻ vừa liêu vừa rât.

Ngày mở đầu thời kỳ “du học” của tôi không có gì thơ mộng. Cụ Củ ngồi cạnh bàn đèn, dạy tôi cách ăn ở. Cụ đối với tôi là ông, chú của mẹ. Cụ gọi tôi bằng mình.

– Nghe nói mình học sáng lắm. Bà Huyện rất sợ mình đua anh đua em,

không chịu học. Bà có một mình mình. Mình học thành tài thì bà sướng, mình lêu lổng chơi bời thì bà khổ. Con người ta có tài phải có hạnh. Hữu tài mà vô hạnh chỉ trở nên một Nguyễn hữu Cầu. Mình có biết Nguyễn hữu Cầu không ?

Tôi thừa có rồi ngồi im. Nhưng trong bụng tôi, tôi vẫn ghét Phạm Đình Trọng. Mà không hiểu tại sao tôi ghét Trọng. Có thể vì Trọng làm quan. Vì trong họ ngoại tôi có nhiều người làm cách mạng chống Pháp, trong họ nội tôi lại chỉ có nhiều người đỗ đạt làm quan. Tôi hình như có cái gì canh cánh bên lòng. Mặc dù tối không dám hỗn với ba tôi, nhưng tôi nghĩ mình sẽ sung sướng hơn nếu ba tôi là Nguyễn Thái Học.

Tuổi thơ ngày càng thần thánh hóa những người yêu nước. Mà ai đã dạy chúng tôi yêu nước ? Chính người Pháp.

Lịch sử Pháp nói có nhiều thiên anh hùng ca cảm động. Lịch sử Việt-nam chỉ kể qua loa thôi. Tôi thích nhất truyện. Roland chết ở Roncevaux, truyện cậu bé đánh trống và truyện cậu bé giữ ngựa bắt chột lọt vào tay địch. Họ đã hô : “Vive la France !” Tôi mong ước có ngày đến lượt tôi dám hô : “Việt-nam vạn tuế !” Tôi giàu tưởng tượng, thấy nhiều quân địch vây quanh, có nhiều súng ống. Tôi thấy lạnh ở sống lưng, biết mình sợ. Nhưng vẫn thích được có tên trong những quyển sử ký bìa dày, và được vẽ – thật đẹp – đứng giữa một đám quân thù thật xấu.

Mộng ước anh hùng rất nhiều. Tiếc thay tôi đã bắt đầu năm học một cách vụng về, cay đắng. Một kỷ niệm ba mươi năm chưa phai. Trong một góc sân trường Gia-long, không nhớ tôi đã trêu chọc gì, hay chỉ vì bộ váy nhà quê của tôi

làm cho anh bạn tỉnh thành ấy khinh bỉ. Anh ta tên là Thanh. Thanh hỏi tôi gì đó. Tôi không nhớ trả lời những gì. Thanh bỗng nhiên đánh tôi một cái tát, rồi đá tôi một cái vào đít. Tôi cúi đầu về phía trước, tay chống xuống đất. Nhiều bạn học xúm lại cười cợt. Tôi không dám đánh lại. Không nghĩ đến đánh lại. Không phải vì Thanh lớn hơn, khỏe hơn. Mà vì Thanh mặc quần áo tây, đi giày tây. Tôi chưa thấy ai mặc quần áo tây, kể cả các quan. Trừ quan Sứ. Quần áo tây là biểu hiện của một thứ uy quyền cao lạ. Người mặc quần áo tây chắc phải tài giỏi lắm. Tôi sợ sự tài giỏi ấy, vì từ khi bắt đầu biết nghĩ, tôi còn phục người tài giỏi hơn cả bậc anh hùng.

Bị đánh xong, tôi cúi đầu vào lớp học, cúi đầu xuống ngăn bàn, khóc. Không phải vì đau, không phải vì nhục. Tôi chỉ

ấm ức vì không biết tại sao Thanh lại đánh tôi. Thanh học Năm thứ nhất A bay C, tôi học lớp B. Không lần nào tôi gặp lại, và chắc có gặp cũng không dám nhắc lại để hỏi vì sao Thanh đánh tôi. Cảm tưởng rõ rệt của tôi là tôi bị đánh oan. Phản ứng xác thật nhất của tôi là xin cho kỳ được tiền may một bộ quần áo tây. Một bộ “tropical laine” có ô vuông nhỏ, giá tới 4 đồng 75 xu một thước. Vải mua tại nhà Gô-đa, đưa may ở hiệu có tiếng nhất Hà-nội hồi bấy giờ : hiệu Chu Mậu, Tôi cứ tưởng vải tốt, hiệu sang, là quần áo tự khắc đẹp. Không ngờ tôi còn gặp nhiều khó khăn. Ông Chu Mậu bắt tôi mặc sơ-mi đến thử áo. Tôi đi may một sơ-mi. Sau lại phải đi giấy tây để thử quần. Tôi đóng một đôi giấy. Ông Mậu bảo tôi thắt cà-vạt cho đúng áo. Tôi lại mua một cà-vạt. Mỗi thứ một, đều thuộc hạng sang nhất thành phố. Tôi thắng bộ vào, ngắm

nghĩa mãi, rồi cởi ra, xếp vào hòm. Lúc bấy giờ tôi đã biết “tây-nhất-bộ”, là tây “cổ”, dù sang đến đâu vẫn là cổ. Tôi lập tức chán ngay bộ quần áo mới. Nhưng ít ra, khi trở lại với cái quần trắng, tấm áo dài, đôi “xăng-đan” đế kép, tôi không còn xấu hổ vì mình nhà quê như trước.

Năm thứ Nhất ban trung học chỉ để lại cho tôi có một trận đòn “kỷ niệm” của Thanh. Rất tiếc cho tôi là Thanh học không giỏi. Nhiều người bạn học lớp Thanh bảo tôi rằng Thanh là con một gia đình quyền quý. Thanh giỏi võ, ngang tàng, nhưng không chịu học. Thanh ăn chơi khét tiếng trong trường. Trái hẳn với tôi. Suốt năm đầu ở Hà-nội, tôi bỏ rơi hẳn bộ quần áo tây. Tuyệt nhiên không đua ăn, đua diện với anh em, tôi chúí đầu vào học. Các giáo sư như Nguyễn Dương, Ngô-duy Cầu, Phan Thanh mở

đường cho tôi đi thẳng vào khu vườn văn chương Pháp ngữ. Nhất là giáo sư Nguyễn Dương với cái ví dụ ghê gớm của ông về luân lý :

– Một cô gái đẹp đi phía trước, anh và tôi đi phía sau, anh có vị tình thầy trò mà nhường bước tôi không ?

Giáo sư chỉ từng người bắt trả lời. Người nói có, người nói không. Đến lượt tôi, tôi nói tôi không biết, vì chỉ bao giờ ở tình cảnh ấy xảy ra tôi mới biết tôi sẽ xử trí ra sao, Giáo sư Dương lại dạy về chữ hiếu.

– Cha mẹ ngủ với nhau vì khoái lạc. Trước khi ngủ không kịp nghĩ đến con. Vậy có quyền kể công sinh dưỡng hay không ?

Các bạn tôi phần nhiều trả lời có –

vì xin nhớ bảy giờ cách bảy giờ hơn 30 năm. Đến lượt tôi, tôi xin phép hỏi lại :

– Thưa thầy, thầy có con chưa ?

Cả lớp ồ lên cười. Thầy Dương chưa có vợ, lẽ dĩ nhiên không phải trả lời. Nhưng không hiểu sao ông bảo tôi “ma-lin !” rồi cho ngồi xuống.

Những tư tưởng của thầy Dương không có sách nào dám nói tới, phải đợi năm sau, tôi mới biết thầy là người cộng sản, và biết luôn cộng sản là gì. Nhưng ngay năm ấy, tôi bắt đầu học tập thứ lý luận tàn nhẫn, bằng vào chúng có vật chất hiển nhiên rất dễ đánh đổ những lập luận bị bó buộc nhiều bởi những thói quen, lễ thói không được giải thích. Tôi nhờ thế mà lớn lên rất nhanh trong suy tư, mặc dù tình cảm còn rất nặng, vẫn

đòi hỏi tôi phải có một tình yêu lãng mạn kiểu Graziella.

Tôi sẽ yêu một người em họ. Nhưng đó là câu truyện của Năm thứ Hai.

*

Sự chờ đợi suốt một Năm thứ Nhất làm cho tôi sốt ruột khi Năm thứ Hai bắt đầu. Tôi có cảm tưởng hy vọng làm nghệ sĩ sẽ tan biến đi, nếu tôi không tìm thấy ngay một tình yêu tha thiết. Tôi sẽ không xứng đáng là một nghệ sĩ như Lamartine. Tôi sợ sự thất vọng ấy. Nhưng nhìn sang bốn phía, tôi chỉ thấy có chị tôi cùng mấy cô bạn của chị. Mấy cô đều bình thường nhưng giá có người để ý đến tôi, mỉm cười với tôi, có lẽ tôi cũng sẵn sàng tin tưởng rằng tình yêu đã bắt đầu chớm

nở. Tôi sẽ đáp lại bằng một tình yêu cao thượng, hơn hẳn Lamartine. Tôi sẽ hy sinh cho “nàng” tất cả (mặc dù tôi chẳng có gì!).

Nhưng chờ đợi mãi rồi cũng phải được. Một buổi sáng mùa Đông, người em họ con đầu lòng của ông cậu ruột tôi gọi tôi dậy để cùng đi Hà-nội. Cầu tôi có cái ấp nhỏ bên kia cầu. Em họ tôi, tên là Vũ, theo đạo Thiên Chúa từ lâu. Và rất ngoan đạo nên chủ nhật nào cũng sang xem lễ tận bên nhà thờ Cửa Bắc. Tôi gặp Vũ từ nhỏ – nàng hơn tôi năm, sáu tuổi – và biết nàng không đẹp. Tôi không hề để ý đến Vũ, cho đến sáng hôm ấy, tôi nằm trên sàn, Vũ bỏ tóc xõa, tay cầm đèn con, cúi xuống gọi tôi. Tôi mở mắt, thấy Vũ mỉm cười. Ánh sáng còn mờ mờ trong căn phòng rộng. Khí trời hơi lạnh. Hai má Vũ ửng hồng. Trên nền đen bản bật

của mái tóc, tôi thấy đôi mắt của Vũ đẹp như một bầu trời đầy sao, Vũ mỉm cười như Greta Garo trong phim *La chair et le diable*.

Tôi bắt đầu yêu Vũ, bắt đầu dò tìm trong bản thân mình những xúc động còn nhớ trong tiểu thuyết. Một thứ tình tuyệt vọng, vì, cố nhiên, anh em họ ruột không lấy được nhau. Tôi cũng không được phép tỏ tình với người tôi yêu. Tôi câm nín đi, về. Mỗi buổi chiều thứ Bảy cuốc bộ từ các phố hàng Đào, qua hàng Càn, hàng Buồm, hàng Ngang, chợ Đồng-xuân, hàng Khoai, qua cầu Sông Cái, rồi đi cho hết khúc đê dài, đến nhà ông cậu. Thường nhớ bữa cơm tối. Nhưng dù sao cũng kịp giờ Vũ cầu kinh trước khi đi ngủ. Tôi hồi hộp đứng bên ngoài cánh cửa nhắc vào trong :

– Mai Vũ đi lễ, gọi tôi với nhé.

Vũ lễ phép trả lời : – Vâng.

Tiếng vâng êm ái như của người đã biết được yêu và đang yêu lại. Tôi quay ra, tìm đến cạnh đứa em trai của Vũ còn lớn hơn tôi ba tuổi. Tôi nằm xuống, nhắm mắt, say sưa chờ đợi sáng mai. Và sẽ cầm đèn con, để xoa tóc, mỉm cười mà gọi người yêu nàng. Vũ sẽ cười, đẹp như Greta Garbo trong phim *La chair et le diable*.

Nhưng có lẽ Vũ đã biết. Hay nàng chỉ khó chịu vì cái nhìn say đắm của tôi ngay khi tôi mở mắt. Vũ chỉ đứng thẳng mà gọi, hoặc đôi khi đá vào tay, vào vai tôi. Tôi không lấy thể làm giận, bởi tôi đã quyết hy sinh cho người yêu. Buổi sáng sớm mùa Đông, vào những ngày mưa phùn, gió rất lạnh. Tôi đã nói có việc phải về tất nhiên phải lên đường. Con đê dài và cây cầu bắc ngang sông cộng lại

thành hơn bốn nghìn thước. Tôi không tiền, tôi nhiều lần phải đi bộ về Hà-nội. Mưa mỏng như tơ, nhưng đi lâu nước cũng ngấm qua quần áo. Tôi rét tím cả người, tê dại cả da mặt. Nhưng vẫn ấm trong lòng, vừa đi vừa đánh nhịp bằng tên nàng. Cho đến lúc bất thần quên rét, tôi đứng lại trên cầu, nhìn về phía người yêu, nơi bờ sông lở dưới một lùm cây màu xanh nhạt.

Cảnh vật mờ sau màn mưa trắng đục. Thình không mờ ảo, hai đầu cầu mất hút trong im vắng hoàn toàn. Một cảm giác êm ái, bao la thấm vào hồn tôi như quen thuộc lâu ngày. Tôi là người trở về đâu đó nơi quê hương, gốc tích. Hạnh phúc tràn lên thân thể. Tôi băng khuâng cất bước, từ bấy giờ không quên niềm hạnh phúc yên vui tuyệt đối.

Tôi yêu Vũ bằng trọn cả nguồn xúc động trong lành như thế. Một buổi tối Vũ bỏ ra sân, tôi len vào phòng lấy được chuỗi tràng hạt mang hình thánh nữ Thérèse de l'Enfant-Jésus. Tôi đeo chuỗi hạt và cổ, rồi nhất định thoái thác không chịu trả lại nó cho Vũ. Sáu buổi tối trong tuần không sang Gia-quất, tôi len lén mở cặp lấy ra xem, đếm từng hạt, hôn hít từng đoạn, say sưa như những tình nhân trong truyện của André Theuriet.

✱

Tôi lớn dần trong tình yêu Vũ. Tôi không hề nghĩ đến một sự gần gũi nào cụ thể hơn một vẻ đẹp của Garbo buổi sáng sớm mùa Đông năm ấy. Nhưng không hiểu sao, có một buổi sáng khác dưới Thụy-anh, tôi đem tập giấy viết thư màu

tím ra viết cho Vũ một bức thư tỏ tình hợp lệ. Vũ trả lời, cấm tôi không được viết nữa cho nàng. Tôi bắt đầu một giai đoạn thất tình trọn vẹn. Tôi cao trọc đầu, đêm thức khuya làm thơ, ngày ra bãi bể thả dài thi với gió.

Nỗi đau thương của tuổi mười lăm kéo dài đến năm mười sáu. Tôi bỏ học từng đoạn, dùng tiền học đi ciné. Rồi cả tháng bị mới ra khỏi lớp, tôi vào vườn Bách-thú đếm gốc cây, đến thư viện đọc sách về chiến tranh hay cách mạng, hoặc, sau cùng, về nhà anh rể tôi nghe đĩa Tino Rossi. *“Tôi đã mơ một đóa hoa không bao giờ tàn, tôi đã mơ một tình yêu lâu dài mãi mãi”*. Tiếng hát êm ả, dịu dàng. Lời hát còn say người hơn tiểu thuyết. *“Nếu có phải già từ những giấc mộng yêu đương, ta hãy còn có để đền bù những kỷ niệm xa xưa”*. Tôi hát, hát một mình trên căn

lầu vắng. Tiếng hát không hay, nhưng cả tâm hồn đang đau thương đặt vào tiếng hát. Người em gái của anh rể tôi thấy mũi lòng trước mối tình cao thượng. Nàng bỏ việc dưới bếp lên ngôi đan áo len bên cửa sổ. Tôi đến gần nàng lúc nào, tôi cầm tay nàng lúc nào, tôi hôn nàng hôm nào, chúng tôi cũng không nhớ.

Nàng là Phúc hơn tôi một tuổi. Phúc vẫn tóc, nhuộm răng đen. Nhưng tôi yêu nàng. Tôi đã yêu nàng, tất cả các cô gái mới, tóc quăn, răng trắng, đều không địch lại. Bởi vì đâu ? Vì tôi đã bỏ tiểu thuyết của Henri Bordeaux để đọc sang Paul Bourget. Paul Bourget, sau đó, phải nhường chỗ cho André Gide. Gide nhường chỗ cho Karl Marx. Rất nhiều món không tiêu hóa, dồn ở trong một tâm hồn. Tôi yêu một mình nàng và khinh tất cả những cô gái khác. Rất có thể vì người

yêu của tôi có một vẻ đẹp yêu kiều. thùy mị. Nhưng cũng có thể vì phản ứng báo thù. Tôi chỉ gan lì với thầy, với bạn – bạn trai. Còn bạn gái, tuy có nhiều, nhưng mỗi lần họ đến nhà trọ thăm tôi, tôi chỉ có vừa đủ thì giờ để giảng cho họ những bài toán khó, hay làm giúp bài luận khô khan. Tôi không dám nhìn thẳng họ với tất cả vẻ nghiêm trang của đôi mắt kính trắng. Kính cận thì không cho phép tôi liếc ngang từ năm mười ba tuổi. Cô bạn đẹp nhất lớp đến lấy sách của tôi đem về nhà để bắt tôi đến đòi mới trả. Thì tôi giận, không chơi với nữa.

Vì thế nên tôi chỉ yêu một mình Phúc. Thuở nhỏ không được học nhiều, Phúc viết thư còn lỗi. Nhưng đã có tôi giỏi thay cho cả Phúc. Tình yêu chân phương, có những buổi chiều cùng ngồi tính toán sổ gia đình cho cuộc xum họp

ngày mai. Phúc biết thân phận con đàn của gia đình công chức nhỏ. Nàng không hề đòi hỏi gì tôi. Nhưng tôi đã biết nghĩ. Năm mười tám tôi về Thụy-anh xin mẹ tôi cho phép lấy nàng làm vợ. Mẹ tôi bằng lòng nhưng gia đình cản trở. Tôi không đủ can đảm gây đau buồn cho mẹ. Tôi lánh mặt người yêu. Cho đến hôm nàng sai em đi gọi tôi. Tôi theo chân cậu Đắc vào sân sau. Đắc đứng lại dưới chân cầu thang. Tôi lên gác. Hai cánh cửa đóng sập lại. Phúc gối vào lòng tôi mà khóc. Phúc sắp phải lấy chồng. Tôi lặng người, tay vuốt tóc nàng đầm đìa nước mắt. Rồi bất chợt, Phúc ngẩng mặt nhìn lên, đòi lấy cây kim cài ca-vát có đầu ngọc trai của tôi để làm kỷ niệm. Tôi nghĩ đến tương lai của nàng, không chịu. Hai đứa tôi giành giật nhau trên giường lâu lắm. Tôi ngã đè lên Phúc nhiều lần. Tôi hiểu ý muốn dâng hiến sau cùng của

tình yêu. Nhưng nghiêng rằng chống cự. Tình yêu trong lòng tôi không bao giờ không trong sạch. Tôi nghĩ xa hơn, đến những ngày mà tình cảm nào của tuổi trẻ cũng chỉ là kỷ niệm.

Tôi ra về dưới ánh trời chiều. Thấy mình ngốc, nhưng tin mình làm phải. Đêm hôm ấy tôi nằm mơ, thấy lạc vào một cảnh đời rộng rãi. Giữa không gian như có tiếng nhạc trong lành. Tôi đến chân một hàng rào bên trong có nhà mái tranh, vách đất. Lần thứ hai tôi có cảm giác trở về nơi quê hương, gốc tích. Tôi khẽ gọi, trong thâm tâm là gọi “Phúc”, mà lên tiếng lại thành những tiếng êm đềm. “Gypt ! Gyps !” Tên người nào quen thuộc tự ngàn xưa. Hạnh phúc, như nước trong, lại tràn khắp lên thân thể. Tôi thức tỉnh từ lâu vẫn còn giữ nguyên niềm xúc động yên vui khôn tả.

 ồi hai mươi năm năm sau tôi chưa quên nguồn vui trong giấc mơ đêm ấy. Suốt cuộc đời trôi nổi đã từng trải không biết bao nhiêu gian nguy, tôi tuyệt nhiên không bao giờ biết sợ. Tôi chào đón một ngày về, về nơi quê hương êm ái mà tôi đã cảm thấy hai lần. Tôi không biết đó là hồn của núi sông hay chỉ là một ảo tưởng của tinh thần sau những con xúc động mãnh liệt. Tôi không muốn lý luận về cái mà tôi chỉ được thấy trong tâm linh.

Nhưng điều mà tôi biết rõ là đã hai mươi năm năm qua, tôi chưa trọn niềm ước ao trở về cội gốc. Tất cả mọi việc tôi làm, không một việc nào mà tôi giữ quyền chủ động, mà có khả năng khuấy

động nguồn vui tôi đoán thấy trong thâm tâm. Không một hình ảnh nào tràn lấn được bầu trời mưa sương trên cầu Sông Cái. Không một sắc đẹp nào làm phai mờ được nét mặt của người yêu đắm đìa nước mắt. Không phải vì tôi cố muốn trung thành với quá khứ. Quá khứ của tôi còn nhiều việc đáng nhớ hơn nhiều. Nhưng tất cả chỉ là hình ảnh vô tình. Một đôi khi có kèm theo xúc động như những trận yêu đương cuồng bạo. Hay những xót xa nghiền nát tim gan. Tôi đã nói tôi là kẻ rất liều trong cơn lãng mạn. Nhưng sau đó là thôi, không một lần hối tiếc.

Câu chuyện cũ không đáng gì nhắc lại, mà bao lâu tôi không quên, vì, theo tôi nghĩ, tôi đã được hai lần thỏa mãn đáo để cả tâm hồn. Tâm hồn người có hai phần riêng biệt. Sự sướng thỏa của

xác thân đem những cảm khoái mê chìm, đắm đuối. Nhưng thấy thế rồi thôi. Khi xác thân có đổi thay, có lớn, có già rồi chết, thì cảm khoái kia không giữ được lâu dài.

Khác hẳn với trường hợp anh hồn cảm thông được cảnh trí chung quanh. Sự thay đổi không bao giờ đến vì tinh thần không biến chuyển theo thời gian. Tôi muốn nói đã có cuộc giao hoan giữa linh hồn tôi và linh hồn của con sông, cây cầu, hay của tấm tình yêu bằng thuần trong sạch. Cái gì bền là cái theo người ta suốt cả một đời. Tôi đã gặp. Tuổi ấu thơ đưa đến thanh xuân đã chuẩn bị cho hai lần thỏa ước. Tôi biết tôi mang nhiều nghịch tính trong bản thân : từ tấm bé đã biết nhiều kháng đối. Giữa thầy, giữa bạn, giữa sách vở, học hành. Tình ái rất có thể như một cuộc giá theo tiểu thuyết.

Nhưng vẫn có một phần giao cảm với vô cùng xác thật.

Hà-nội đối với tôi, có giá trị của hai lần xuất hiện chân tâm như thế.

NGUYỄN MẠNH CÒN

ĐI TÌM MỘT
CĂN BẢN TƯ TƯỞNG
BẠN ĐÃ ĐỌC CHƯA
MỖI TÌNH MẬU HOA ĐÀO
của NGUYỄN MẠNH. CÔN

- Một Vũ trụ quan nghiêng về Khoa học
- Một Nhân sinh quan thuần túy Việt-nam
- Một quan niệm Triết-học hoàn toàn mới

GIAO ĐIỂM

XUẤT BẢN

(chỉ cái gân một trăm cuốn là hết)

Giá : 66 đ.

lúc trở về

MAI TRUNG TĨNH

Thế nào thì rồi cũng phải trở về

Lúc trở về là phút huy hoàng hơn cả

Hay chính lúc tình hòn đòi chết

Ngàn mai tôi sẽ trở về

Người ta quay lại một con đường

*Những bước chân như nói chuyện
cùng hàng gạch*

Người ta nhìn lại vườn hoa

Kỷ niệm khơi lên trong từng bồn cỏ

Người trở lại mái nhà xưa

*Những ngày ấu thơ vừa phảng phất
Người ta thấy chiếc giường cuối
phòng*

Lòng nghe buồn nằm ngủ

Cho tâm hồn bé lại

Cho cuộc phiêu lưu chấm dứt

Tôi khóc soi gương

Trán hằn sâu vết nhăn

Đôi mắt nhìn ngơ ngác

Méo mó nát môi cười

*Lịch sử đi trên mình in thành dấu
tích*

Tôi giữ gìn như di vật ngàn đời

Lịch sử quay cuồng và chóng mặt

Tôi thành yên lặng muốn vô tri

Lịch sử chất đầy bom những đạn

Tôi nghe thân thể nặng hơn chì

Tôi biết kể gì cho người sau đến hỏi

*Chuyện ngày xưa, chuyện buổi lên
đường*

Tôi sẽ ngồi im mà chẳng nói

Bởi hồn tôi mệt lắm khóc tang thương.

tiếng nói

đoản tác của TẠ TỴ

Năm nào cũng vậy – kể từ mười năm – mỗi khi chợt nhìn thấy mầu trời Sài-gòn cao và xanh hơn, lúc đêm về gió thấy lạnh hơn, tự nhiên lòng tôi lại nao nao như tiếc nuối một cái gì gần như tuyệt bóng.

Cũng vào dịp đó, đáng lẽ vợ tôi phải đoán được nỗi buồn đứt ruột ấy, phải tránh cho tôi những cảm xúc vò xé tâm tư của kẻ vạn lý tha hương thì chính nàng, lại vô tình như thời gian, khơi dậy tự đáy sâu dĩ vãng, những hình bóng tưởng đã chết chìm trong cuộc sống đầy ưu tư, phần nộ. Đã nhiều lần, tôi định

nói thẳng cho nàng biết, đừng bao giờ nhắc lại những hành động độc ác ấy nữa, vì làm như thế, tức là nguyên rủa và cố tình bắt tôi phải tin rằng, tôi đã bị cuộc sống đánh lừa bằng say mê giả tạo. Cuộc sống thâm kín riêng tư, cùng những năm tháng lê thê kéo dài trong mười mùa mưa nắng, đã hơn một lần, tôi cầm nui và tự đánh cắp hy vọng bằng ảo ảnh xa vời.

Tôi cũng biết, vợ tôi, người đàn bà phương Đông thuần túy, với những yêu chiều trọn vẹn mà riêng nàng, cho thế là giữ trọn đạo vợ hiền. Nhưng sự yêu chiều ấy có những ngày, những giờ, những phút không đúng chỗ để những ấn tượng hung

[thiếu trang 38, 39]

Còn tôi, giờ đây nhìn lại thân phận mình tả tơi qua bao nhiêu cơn lốc thời đại. Tâm trạng, tuy không mang nỗi buồn xa đất mẹ như con ngựa Hồ, nhưng mỗi mùa nghe hơi lạnh từ cửa ải xuôi về, lại muốn bắt chước con ngựa Hồ hí lên vài tiếng, ngẩng cao đầu để đón bắt, may ra ở gió có hòa lẫn hương vị thương yêu. Cái làm cho tôi thấy đau hôm nay, không phải đã mang tâm trạng của kẻ lưu đầy, vĩnh viễn đứng trên đất ngoại để nhìn về cố quốc, mà chính vì mình vẫn sống trên mảnh đất ruột thịt, ở trong lòng tổ quốc mến yêu. Tại sao khí hậu thiên nhiên lại tạo cho mình cái mặc cảm sâu xú ? Cái mặc cảm ấy càng lún sâu vào tâm tư như

hòn đá quăng xuống vũng lầy, rồi bị vòng xe thời gian nghiền mãi, nghiền mãi để mất dấu trên mặt đường. Nhưng nó đã ghim sâu vào lòng đất như một vết tích.

Tâm hồn tôi đã mang vết tích. Nó trở thành ung nhọt, mỗi năm mỗi lần nó tấy lên làm nhức nhối, tê điếng thịt da, tắc nghẹn suy tư. Đã nhiều lần, tôi thét lên những tiếng thét bi phần đòi trả lại quê hương, đòi trả lại dĩ vãng, tuy chẳng đáng quý là bao nhiêu, nhưng nó có giá trị đối với riêng tôi, vì chính nó đã nuôi dưỡng, che chở tôi suốt khoảng thời gian thơ ấu.

Tôi từ bỏ nó khác nào tôi từ bỏ chính thân tôi. Vì thế, tôi phải trở về. Nếu tôi trở về trong một mùa xuân nào đó, với mái tóc kín mầu sương phủ, với những ngón tay run rẩy, với từng bước chân nặng nề thì cũng được đi.

Tôi sẽ lần theo Quốc lộ số 1 để tiến vào Hà-nội. Tôi sẽ nhắc đến Liễu. Tôi gọi tên nàng trong không gian miền Bắc. Gửi gió mang đến với nàng hơi thở của tôi để thay cho lời hứa vì hoàn cảnh, vì ngoại vật làm cho không giữ vẹn thủy chung. Tôi sẽ đi từng cửa Ô để hỏi han về thời gian hưng phế.

Cửa Ô cầu Rền bờ ngõ nhìn tôi. Tôi sẽ nói với nó rằng : – Ta đây, ta đây, ta đây, người quên rồi sao ? Người có nhớ chăng, cách mấy chục năm ta với người đối với nhau như tình ruột thịt. Đôi bàn chân bé bỏng của ta đã qua lại đây nhiều lần. Ta biết trời nắng với bụi mù làm nhức mắt, trời mưa với bùn lầy lội ngập đến nửa chân. Chính người đã quật ngã ta xuống mặt đường giữa chiều 30, làm bắn hết bộ quần áo mới, mà mẹ ta đã dành dụm bao ngày mới may được cho

ta mặc Tết. Bữa ấy, ta bị trận đòn đau, chắc người còn nhớ ? Và chính người đã ru ta bằng tiếng đàn, nhịp phách ở suốt khoảng đường thanh xuân, ta đã cắn vào để hoài phí tuổi trẻ. Còn điều này nữa, của Ô ơ ! Giữa đêm hấp hối của thủ đô Hà-nội, người đã mở rộng cửa cho ta đi tìm lối sống, đi tìm kiêu hãnh của kiếp người ngẩng mặt. Người nhớ chứ ? À, nhớ rồi, hay lắm, vậy thì bao nhiêu tủ nhục trong thời gian xa nhau, chúng mình hãy quên đi, quên đi... Tôi cúi đầu chào nó.

Tôi tìm đến Ô Quan Chưởng trong đêm mưa phùn, gió thổi buốt xương – Tôi vỗ vào từng viên gạch lở lói, từng tầng rêu nhầy nhụa để hỏi thăm thời gian khuất mặt – Gió từ sông Hồng hun hút rú qua vòm cong của cửa Ô như than thở. Hai lễ cổng rãnh mở ra như hai vết

thương từ bao lâu chưa hàn miệng. Một con đường đất đỏ gồ ghề, ngập rác rưởi thu hẹp lối đi, thu ngắn tầm nhìn chạy theo gờ đất, có mọc che khuất những mái nhà nghiêng nghiêng đổ xuống đêm dài hiu hắt. Ô Quan-chưởng không quên tôi. Nó gọi tên tôi trong con mắt đỏ đọc, nhấp nháy, đung đưa trước bức tường trắng lạnh với màu cửa hắc ín đen ngòm như miệng vực. Với chiếc cầu thang khắp khểnh, rã rời. Với nồi nước tẩy trần cuối năm đặt giữa sàn gỗ âm ỉ vì ghi nhận quá nhiều nét sống, quá nhiều vui buồn thế sự.

Tôi ôm mặt chạy ra mé sông. Vì là mùa xuân nên dòng nước sông Hồng bớt đỏ. Nương theo bờ đê, bãi cát vàng chạy dài im vắng. Vài con thuyền cắm bến nằm ép mình vào nhau để tránh rét. Nhịp cầu Long-biên tro tro với từng nhịp

đều đều chắn ngang trước mặt. Nhìn qua bờ bên kia, ruộng dâu xanh ngắt nõn nà như tấm lụa của nhà ai vừa mới nhuộm xong phơi uốn éo theo dòng nước chảy. Ngọn núi Ba vì chìm trong mưa dày đặc.

Tôi đi trong giá lạnh tìm về ô Yên-phụ. Tôi dừng lại ở đầu Ô. Con đường dốc đổ xuôi vào thành phố với hai hàng cây trụi lá. Tôi nhớ ra rồi. Chính ở cái đầu của ô này. Chính con đường dốc đó, một bên là hồ Trúc-bạch, một bên là hồ Tây và đồng cuối con đường kia là chùa Trấn quốc. Đã nhiều lần tôi đi. Những chiều hè. Những đêm trăng. Những ngày hò hẹn. Cho đến phút này, từng tiếng nói ân tình vẫn vọng đến tai tôi mà thanh âm nghe ngọt ngào triu mến như thuở nào mong đợi. Đi qua cửa Ô tôi gặp những vườn hoa cúc. Màu cúc đại đoá vàng chói rục rỡ trong mưa bay,

hương thơm mùa cúc làm tôi ngây ngất. Tôi định ngắt một bông gửi tặng Liễu để làm quà, nhưng chợt nhớ ra miền Nam với nắng vàng chói lọi, với trời cao ngăn ngắt, với gió biển ào ạt thì hoa nào mà giữ được hương sắc ? Tôi úp mặt xuống mầu hơi mát rượi. Thề xác tôi chơi với. Tôi nhớ từng con đường làng lát gạch năm xưa. Chính con đường này, lúc bé, mẹ tôi đã dắt tôi theo lần thứ nhất trong đời để mua hoa cúc bày Tết. Tôi chạy tung tăng giữa vườn hoa nở ngào ngạt hương bay. Tôi ngắt trộm những nụ cúc mới hé, thu vào bọc áo để rồi lát nữa tiếc thương mầu hoa đã biến sắc.

Trong lúc mẹ tôi chọn cúc, thường rất lâu, tôi lên ra ven hồ Tây nhìn mầu nước xanh trải rộng dưới từng nhịp cầu ao run rẩy theo bước chân người. Nhưng thích thú hơn cả vẫn là hình ảnh chiếc

thúng câu bé tí teo, một lão chài đầu râu trắng xóa gõ nhịp vào gờ thúng để đuổi cá mắc lưới. Hình ảnh ấy khắc sâu vào tiềm thức và nó thường trở về khi men đời cay đắng đã dâng ngập cuống họng. Hồi lão chài vô danh đang ẩn nấu ở trong tôi, hãy bán cho tôi cuộc sống ấy, tôi sẽ trả lão tất cả thân phận tôi với bao nhiêu phụ tùng dằng buộc của cuộc sống vô bờ !

Tôi lẳng lặng đi theo con đường nhựa chạy hút sâu theo gờ đường của một Đường đường Cơ-đốc-giáo. Tôi đi chào của Ô Cầu Giấy với màu hoa học trò tuổi nhỏ ngày xưa. Ngày xưa, mỗi lần trốn học tôi thường đến cửa Ô này để tâm sự với mấy ngôi mộ cũ, với tân lá me trải rợp như khu rừng. Tôi thích ngôi lên đầu ngôi mộ đá xanh, mang tên một sĩ quan xâm lăng Pháp đã bị quân Cờ-đen

giết chết, băm xác thành nhiều mảnh, ở cuối thế kỷ trước. Tôi nhìn những sợi dây xích to bằng cổ tay quây xung quanh ngôi mộ, như xiết chặt linh hồn hẩn vào nỗi tủi nhục vĩnh viễn.

Cửa Ô này ngày xưa, thi sĩ Tản-Đà thường qua lại mỗi lần xuôi được thăm quê miền núi Tản, sông Đà.

Những trận gió cuối năm thổi ào ạt quất tung những chiếc lá vàng cuối mùa rơi lả tả trên mặt đường lầy lội. Những chiến lá vàng đẹp như những cánh thơ rớt từ trời cao đã nhiều lần tôi đuổi bắt. Tôi đã đuổi bắt những mộng đời trong tuổi hoa niên giữa lòng Hà-nội. Tôi đã tiêu phí ngày xanh như một tên triệu phú vung vãi bạc vàng để mua vui thể sự. Tôi dần thân trong say mê tràn dâng sức sống và đôi lúc bị chìm đắm trong vũng lầy thời đại. Nhưng đến giờ phút

này, tôi muốn được biết sự hoang phí ấy thời gian đã lấy mất gì và tôi còn được những gì ?

Tôi đi qua xóm Dạ-lạc trên đường về Nam-phố. Tiếng ca nhi đã chết cùng nhịp phách tự mấy chục năm đột nhiên vùng dậy đón chào. Bến Tầm-dương, bến Tầm-dương nào đó, với chàng Tư Mã áo xanh chết lịm trên hai lễ đường gió bụi, giữa không gian trắng xóa mưa bay. Tôi đi với nỗi cô đơn, nghẹn ngào. Những chiếc cột đèn đường ngơ ngác nhìn tôi như nhìn một du khách. Tôi gọi những tên tuổi quen thuộc thuở xa xưa, trong khoảng thời gian chúng tôi đối mặt. Hồi những người bạn đời đã cùng tôi đi suốt đêm dài năm cũ, mang lửa dục vọng đi đốt nỗi buồn tuổi trẻ, giờ này đâu cả ? Hay các người đã chìm sâu vào bụi đường dưới những lớp sơn vôi tàn úa rồi sao !

Tôi cúi đầu đi chập chờn trong lối
ngõ âm thầm mang nỗi sầu ngàn kiếp.
Bỗng có tiếng ai gọi:

– Này, cái lão già kia, đi tìm gì mà
ngẩn ngơ vậy ?

– Tôi đi tìm tôi.

– Lão nói gì lạ thế ? Thôi em đoán ra
rồi, lão đi tìm năm mồ phải không ?

– Không, không, tôi hãy còn trẻ mà,
đừng nhìn mái tóc mà đoán nội tâm. Có
phải tiếng Lệ Thu đấy chẳng, nghe quen
quá.

– Lệ Thu nào nhỉ ? Có phải Lệ Thu
của xóm Dạ-lạc mà năm xưa lão đã gối
đầu lên cánh tay nàng để nghe mưa rơi
ngoài phố lạnh ? Có phải tiếng ngâm thơ
của nàng đã ru hồn lão vào nỗi đau thế hệ
? Có phải Lệ Thu đã anh dũng cầm súng

chiến đấu với quân thù trong đêm tháng chạp không ? Có phải cái thể xác nồn nà ấy, cái giọng ngâm thơ buồn đứt ruột ấy đã bị tan nát vì những viên đạn xâm lăng như bắn chằng ? Có phải người ca nhi ấy ?... Ở cùng một đêm tháng chạp... có phải... có phải...

Tiếng nói chìm dần, chìm dần rồi im bật như tắc nghẹn và tan biến vào bóng đêm đông đặc – chỉ còn lại tiếng chân tôi lê rời rạc trên mặt hè nhầy nhụa.

Để tránh ý nghi u buồn ray rứt trong tâm trạng của kẻ trở về đất cũ, tôi quay mình chạy trốn không dám đi sâu thêm vào lòng của Ô đau khổ nhất.

Tôi trở về nhà. Căn phòng năm xưa tôi ở. Tôi đi men theo con đường cũ. Cảnh vật có đổi thay nhưng không thể xóa nhòa vết tích, vì quá quen thuộc. Tôi

luồn tay qua khe cửa, mở chốt cổng. Tôi đi thẳng lên lầu. Tôi đun nước bằng cái hỏa lò than xinh xắn. Tôi ngồi vào cái ghế mây cũ kê sát góc nhà, gần chiếc cửa sổ lớn, vừa uống trà vừa nhìn mưa bay mờ phố. Ngày mai tôi sẽ đi mua cành đào với mẫu hoa phơn phớt hồng như má Liễu hôm nào, và một giò thủy tiên để đón xuân về với nhớ thương xé ruột. Căn phòng nhỏ bé của tôi đã bị mất nhiều nếp cũ, nhưng tôi sẽ sửa soạn lại như xưa. Tôi sẽ hỏi từng viên gạch men trắng lạnh xem nỗi tủi hờn của chúng có nặng hơn tôi ? Tôi cậy từng lớp vôi xem có bao nhiêu thay đổi? Tôi đi bốn góc nhà rình nghe chúng tâm sự gì với nhau khi gặp lại tôi, sau thời gian cách xa đằng đằng Chúng nói với nhau rằng :

– Khi hăn ra đi tóc còn đen nhánh, mà nay trắng gần hết rồi nhỉ ? Chắc

hắn không còn phá phách như xưa nữa.
Chúng mình sẽ buồn.

– Này, các người hãy im mồm. Ta còn đủ sức để đi dạo suốt thành phố. Ta sẽ bỏ các người vắng lạnh hơi người giữa những đêm dài rét mướt. Ta sẽ đi tâm sự với nước hồ Gươm. Ta thả những con thuyền vàng nhờ gió đẩy ra tới tháp Rùa. Đêm mai, tôi sẽ đón giao thừa trên cầu Thê-húc. Tâm hồn ta sẽ tan biến vào hương sắc của mùa xuân vĩnh viễn đang in trên má, trên môi của từng cô thiếu nữ đang thì. Ta sẽ đi giữa suối hoa đào, giữa rừng hoa cúc Ta sẽ đi, ta sẽ đi.... Các người hãy tin như vậy.

✱

Hỡi người em bé bỏng phương Nam !

Cứ mỗi năm, lời hứa lại trôi qua

trên đầu ngọn tóc. Anh ngồi đếm tuổi đời trắng dần mang vết tích thời gian. Anh đi trong cô đơn và suy nghĩ về thân phận con người với ngàn vạn khổ đau. Anh biết lắm, mùa xuân đã về trong lòng trái dừa, ở những cánh hoa mai nở vàng đầu khe, ngọn núi. Mùa xuân đã về trong mắt, trên môi em đang cười ở phương trời nào đó. Chả biết lấy gì để khuấy khoả nổi hờn vạn lý. Anh bắt chước còn ngựa đất Hồ hí lên vài tiếng khi mùa gió Bắc gửi từ cửa ải xuôi về.

TẠ TỴ

Một đóng góp rục rĩ vào
văn học nghệ thuật miền Nam

NGHỆ THUẬT

tuần báo

Chủ nhiệm kiêm chủ bút

MAI THẢO

Tổng thư ký tòa soạn

THANH NAM

bao giờ

NGUYỄN SA

Cả những người rời Hà-nội ra đi, và cũng có những người ở lại Hà-nội.

Theo những tin tức lọt được ra ngoài bức màn tre, chúng ta được biết những người ở lại đã bị tước đoạt hết mọi của cải riêng tây, về tinh thần cũng như đời sống vật chất.

Mai Thảo thì “thương xót tâm trạng suy nhược của những người hình như vì bất lực muốn an phận với một thân phận những con người đã bị tước đoạt hết, những con người đáng lẽ phải tự qui định bằng một cuộc nổi loạn cách mạng.”

Nguyễn Mạnh Côn thì vừa nghi ngờ, vừa chua xót, “ vì đã hơn mười năm rồi mà Hà-nội chẳng hề nổi loạn. Thủ đô của quê hương đã chấp nhận kỷ luật, đã hòa theo kẻ thắng trận rồi sao ? ”

Nhà thơ Nguyên Sa có lẽ không tin như thế nên trong bài thơ dưới đây, với những người còn ở lại, ông vẫn nêu ra câu hỏi : “ Bao giờ ? Bao giờ ? ”

VĂN

Thằng Chúc bây giờ nằm trong nhà
tù

Thằng Thịnh bị mang đi làm nông
trưởng

Thằng Văn lang thang những bờ biển
xa

Em nó ở nhà bán báo vỉa hè

Buổi sáng gặp nó tôi mua hai tờ

Nó nhìn tôi cười hỏi thăm anh nó

Tôi nhìn nó cười rồi bỏ đi làm

Buổi sáng đi làm, buổi chiều đi làm

Chủ nhật ở nhà thứ hai đi làm

*Niềm đau đất nước mỗi ngày một
đau*

Câu hỏi đã lớn mỗi ngày một lớn

Những đứa sát nhân, vu oan giá họa

*Những đứa chụp mũ, chụp mũ, chụp
mũ*

Mỗi ngày một tăng theo cấp số nhân

Bạn bè dần hết theo tỷ lệ nghịch

Chán cả làm thơ, chán cả ngâm thơ

Chỉ có câu hỏi, chỉ còn câu hỏi

*Trong óc, trong mắt, trong tay, trên
môi*

Bao giờ thằng Chúc ra khỏi nhà tù

Và những thằng Chúc ra khỏi nhà tù

*Bao giờ thằng Thịnh ở nông trường
về*

*Và những thằng Thịnh ở nông trường
về*

*Bao giờ thằng Văn cầm tay quê
hương*

*Và những thằng Văn cầm tay quê
hương*

Bao giờ thống nhất, bao giờ yên hàn

Bài hát ca dao vang trong lũy tre

Bao giờ, bao giờ, bao giờ, bao giờ ?

NGUYỄN SA

nhớ về Hà-nội

hồi ký của VÕ HỒNG

HÀ-NỘI CHUẨN BỊ

Tôi nếm mùi tản cư của Hà-nội vào tháng 10 năm 1940. Lúc bấy giờ Nhật đe dọa đòi chiếm Đông-dương. Những hồi còi báo động đầu tiên nghe kinh khủng hơn tiếng rú của Thần Chết. Hầm trú ẩn thì lại quá sơ sài. Trên bãi đất trống cạnh hồ Thiền-công, người ta đào những hầm hình chữ Chi, rộng bốn tấc và sâu không hơn tám tấc. Người đứng lẩn ngẩn dưới hầm (– gọi là hào thì thì đúng hơn). Trên bãi chợ hàng Da thì người ta không đào hào mà lại đắp hào cao trên mặt đất. Hào xây bằng gạch. Có còi báo động, kẻ mua

người bán và đồng bào ở mười đường phố lân cận, đội nón che ô, chen chúc nhau vào ngồi trong hào. Tôi có ý nghĩ thú vị : giá mình là phi công oanh tạc, ở trên máy bay nhìn xuống thấy cảnh tượng ngổn ngang và ngớ ngẩn này, chỉ thương hại vừa buồn cười mà không nổi bắn phá gì hết.

NHỮNG CUỘC TẢN CƯ LÝ THỨ

Những phi công Nhật không phải sinh ra để mà thương hại và buồn cười, cho nên khi cuộc đàm phán giữa Chính phủ Decoux và phái đoàn Nishihara bị bế tắc thì các trường học ở Hà-nội tạm đóng cửa, chúng tôi lên đường tản cư.

Đối với chúng tôi những học sinh miền Nam ra Bắc trọ học thì tản cư là

những dịp hay để được đi chơi đó đây. Tôi và một nhóm theo về quê bạn ở Hà-đông, làng La-kê. Thật là êm đềm khi rời bỏ đường phố rải nhựa và nhà cửa chen chúc để mắt mình được thoải mái vì màu mạ non, vì cánh đồng phẳng và thấp, vì con đường làng nhỏ quanh co heo hút. Đây, những bè rau muống. Kìa những ao bèo có cái cầu ván nhỏ bắc ra lòng ao. Ngoài cái thú tắm ao, chúng tôi còn được thú nhìn cô gái La-kê mặt trái soan, mắt bồ câu và yếm trắng áo cánh nâu non ngồi trên khung cửi. Nhờ những cái thú vẩn vơ vô hại ấy mà chúng tôi quên đi những bữa cơm chỉ có rau muống luộc, nước rau và cà.

TẢN CƯ HỤT

Khi Nhật găm gù ở ngoài biên giới

thì máy bay và bom Nhật là hung thần đe dọa. Khi Nhật đã chiếm đóng Đông-dương rồi thì hung thần hóa ra bạn mà tàu bay Hoa, Mỹ biến thành thù. Nhưng có điều ngộ nghĩnh là thù không ra hẳn thù mà bạn cũng không hoàn toàn là bạn. Người Pháp tuy phải hợp tác với Nhật nhưng vẫn ngầm coi Nhật là thù. Hoa kiêu sợ bom chui xuống hầm nhưng vẫn trông bom nổ trúng vị trí của Nhật, miễn là đừng đụng nhằm tài sản và sinh mạng của họ. Do tình trạng mâu thuẫn đó mà thỉnh thoảng dân Hà-nội nghe chuyện miệng cho nhau :

– Mấy hiệu buôn Hoa kiêu được nghe ra-di-ô đặc biệt của Trùng-khánh bảo 24 tháng 6 tàu bay Hoa, Mỹ sẽ sang thả bom Hà-nội.

Tin chuyện đi thật mau. Sáng tinh sương ngày 24 tháng 6, tàu điện vào Hà-

đông chật ních người. Ô-tô nhà bon bon chạy vào Hà-đông, lên Bưởi. Xe tay cũng mãi miết lọc cọc chạy theo. Đồng bệnh tương liên, người ở tàu điện vẫy tay chào người ngồi ô-tô, hoặc pha trò ý nhị cùng nhau. Vui biết mấy, khi người ta là thanh niên, gặp dịp vui đùa không cần dè dặt. Vả lại, trước cái Chết, hỏi ai còn tâm trí đâu mà dè dặt và dè dặt để mà làm gì ? Chỉ tội nghiệp cho mấy gia đình công chức phải tạm biệt nhau một ngày, một ngày mà họ sợ là thiên thu, là vĩnh viễn ! Chồng phải ở lại sở làm việc, vợ con ra đi tản cư, nước mắt ngập ngừng nhất là vào những ngày đầu chưa quen, người nào cũng mau nước mắt Nhưng may thay, mặc dù muôn người như một ai cũng hồi hộp mong chờ tiếng còi báo động hải hùng và tiếng dội bom long trời lở đất, thế mà thời gian cứ trôi qua, qua trong im lặng. Đến chiều, tàu điện lại hăm hở

chở đoàn người mắc lỡm này về Hà-nội. Sau đó hình như không ai đến tìm hỏi những nhà buôn Hou-kiểu có liên lạc chặt chẽ với Trùng-khánh kia. Nhưng chắc chắn là sau đó, dân chúng Hà-nội lại được nghe những tin rất bí mật và rất đích xác khác :

Mùng 9 thung 7, tàu bay Hoa, Mỹ sẽ sang ném bom Hà-nội. Tin đặc biệt của Trùng-khánh cho Hoa-kiểu biết để họ tản cư đấy.

NHỮNG HỒI CÒI BÁO ĐỘNG

Dù có chút ít lý thú thật, nhưng chạy tản cư mãi cũng hóa nhàm, nên các trường học mở cửa lại, chúng tôi lại hăm hở trở về học. Nhưng hăm hở là nói về phần hình thức thôi, chứ trong thâm tâm, thật

học chả được mấy. Vì không ngày nào là không có báo động. Mà cho dù không có báo động chẳng nữa nhưng tâm trí người học sinh không lúc nào là không hồi hộp mong chờ. Sự học, — và suy rộng ra sự làm việc rất ít kết quả. Những anh bạn lười thì rất thích hồi còi báo động. Còn gì vui hơn nữa ? Thầy giáo thường ngày vẫn nghiêm trang, giữa thầy và trò luôn luôn có sự cách biệt ấy thế mà “hạ” liền một hồi, thầy trò ngang hàng trong hầm trú ẩn, trước cái chết. Đó là chưa kể trò còn hơn thầy một bậc vì trò vẫn vui tươi cười nói huyền thiên mà thầy thì có ông mặt cắt không còn hột máu. Chẳng hạn thầy T... một ông thầy cũ của tôi hiện đang dạy lớp Nhì trường Tổng ở Ngân-sơn. Dù tổng thì cũng có hơn xã đôi chút đấy, nhưng trường Ngân-sơn nằm vào một chỗ dân cư chẳng đông đúc gì cho lắm. Ấy thế mà thầy T... những cú tưởng

rằng tàu bay nó chỉ lăm le bay đến phá trường và sở dĩ phá trường là cốt để giết cho được chính thầy. Có sẵn thành kiến ấy nên mỗi lần có tàu bay bay qua trường là thầy run tay, quíu chân, tái mặt, miệng đánh bò cạp v.v... đủ mọi phản xạ của bộ giao cảm trong chương mục “Sợ”.

Có lần xa tàu bay bay qua rồi quay lại. Có người la : - Tàu quảng.

Mọi người cúi núp xuống hầm. Riêng thầy T. thì nhảy phóc ra khỏi hầm rồi lom khom chạy vụt xuống bờ tre cách trường chừng mười thước. Thầy ngả nhoài xuống nấp. Tàu bay sát xuống. Thầy sụt thêm. Vẫn chưa kín. Vẫn chưa bảo đảm. Thầy tụt thêm... tụt thêm nữa. Rốt cuộc thầy nằm gọn vào giữa bụi tre.

Tàu bay đã xa. Thầy trò vào lớp đông đủ. Bài học bài làm tiếp tục. Chỉ riêng

lớp Nhì, học trò nhón nhác chạy lên báo cáo ông hiệu trưởng là thầy T... mất tích. Toàn trường đổ xô đi tìm. Kêu. Réo. Và mọi người chung hừng nhìn thầy T. lúng túng giữa bụi tre không có lối chui ra. Gai tre móc vào áo, vào quần, vào cổ vào tay, vào khắp mọi chỗ. Cặp mắt nhìn dáo dác khắp nơi, thân mình thì thu lại thật thấp, thật ngắn, thật gọn, thế mà không có một lỗ nhỏ nào đủ cho thầy chui ra. Có đứa đề nghị chạy đi kiếm cái rựa phá một lỗ trống cho thầy bò ra. Có nhiều đứa che miệng khúc khích cười (Chắc mấy đứa này thường ngày lười và dốt hay bị thầy phạt).

Ấy đó, ở một trường tổng nhỏ bé mà sự sợ hãi đã tới mức độ như vậy, huống chỉ là ở Hà-nội. Nhưng lúc bấy giờ chúng tôi ít để ý đến cái sợ mà chỉ nghĩ đến cái thú. Cuộc sống cổ điển bao giờ cũng dễ

nhằm. Những hồi còi báo động, nhiều khi đến nhằm lúc, đã khéo thổi tan đi không khí nặng nhọc của vài giờ học không thú vị. Riêng những anh bạn lười đang bị thầy hỏi bài mà chợt có còi báo động thì thật không có gì thú bằng. Hay gặp giờ kiểm tra, đề ra khó đang ngậm bút mà chợt có còi báo động thì có khác gì đang bị giặc vây mà được viện binh đến giải cứu. Vì thật ra, dần dần người ta quen với tiếng còi báo động, không sợ hãi gì nữa. Lý do dễ hiểu lắm : còi thổi báo động rồi còi thổi báo an, năm thì mười họa mới có tàu bay địch bay ngang qua.

Sau này, khi Chính phủ Trần Trọng Kim lên. Nhật có thể ở Đông-dương thì Nhật áp dụng phương pháp báo động khác. Không như Pháp, hễ có tàu bay địch bay qua không phận là đã lo báo động.

Nhật tiếc rẻ công, sợ phí thì giờ nên chỉ khi nào tàu bay địch bay về hướng thành phố nào thì chỉ thành phố đó báo động mà thôi. Thành ra công chức, tư chức và công nhân, học sinh cũng đỡ nhàn đi. Nhưng hễ nghe còi báo động là chắc chắn phải vắt chân lên cổ mà chạy cho sớm, không thể vừa nhõn nhõn vừa đi ra hầm vừa tán gẫu với đồng nghiệp như hồi xưa.

THĂNG LONG PHI CHIẾN ĐỊA

Ngày 14 tháng 10 năm 1943, bom rơi thật xuống Hà-nội, cải chính lời sấm truyền : “Thăng Long phi chiến địa”.

Những ông cụ già tin ở lẽ huyền vi của Hóa công, tin ở tài lý số của Trang Trình, từng ngồi khây móng tay ngâm

câu : “Thăng-long phi chiến địa”, lần này cũng hồi hải tản cư. Cả một thành phố lo tản cư rồi rít !

Giờ tản cư nhộn nhịp nhất là ban đêm. Đêm “địa lý” bắt đầu bằng bóng tối và kết thúc bằng ánh sáng. Đêm “tản cư” không thật thà như vậy mà đã ăn lấn vào buổi chiều hôm trước vài giờ và ăn gian của buổi sáng hôm sau cũng vài giờ. Giặc tàu bay hoạt động thường từ tám giờ rưỡi sáng đến bốn giờ rưỡi chiều. Trong suốt tám giờ này, thành phố gần như chết lịm. Đến phu xe, những người liêu linh nhất, những người tương đối còn vui vẻ vì làm tiền được nhiều nhất trong giai đoạn loạn lạc, cũng bơ phờ cầm càng xe đi nghêu ngao. Nhưng khi mặt trời gác núi rồi thì phải biết ! Trong mười sáu giờ còn lại, cùng với anh em phu xe, cả thành phố bùng sống dậy, sống vội vã, sống háo

hức, sống rung chuyển. Xe ô-tô lớn nhỏ, xe tay, tàu điện, xe đạp, xe bò, người đi tay không, người ôm xách, người gồng gánh bồng bế... thôi thì đủ hạng, đủ cỡ, chạy tếu nhau, va vào nhau, chèn nhau, đuổi nhau, rối loạn.

Khó có ai hình dung được cảnh buồn của phố xá Hà-nội ban đêm. Đèn đường bị bao đen gần khắp tòa ánh sáng vàng vọt. Hiệu ăn vắng khách. Rạp xi-nê chỉ là những khối bóng đồ sộ. Đường Cổ-ngư, đường Quán-ngựa có cây mọc hai bên, ngày thường là nơi hò hẹn, những đêm này thiếu khách hẹn hò. Nhìn những hàng cây im lặng chứa đầy bóng tối, người ta có cảm tưởng phong đã treo đợi, màn đã kéo lên mà diễn giả chưa chịu ra tuồng.

Đêm khuya chợt tỉnh giấc, người ta nghe tiếng xe bò kéo kệt, tiếng chân bò

nện xuống đường nhựa lập cộp, thông thả, đều đều. Lúc thái bình, đó là những xe của sở vệ sinh. Trong các đêm nay, xe bò không chứa những vật bẩn thỉu hạ cấp mà chứa toàn sập gụ, tủ chè, xa-lông bằng trắc, gỗ. Nếu có nhiều xe không chứa các món đồ gỗ đắt trên như trên thì ít nhất chúng cũng chở hòm xiềng, bàn ghế, dù tạp nhạp nhưng cũng là quý đối với chủ nhân, những người xoàng xĩnh hay nghèo nàn.

Trăng khuya sáng vắt. Xương xuống lạnh. Khi bắt buộc phải rời Hà-nội ra đi, sao tự nhiên thấy Hà-nội quá đẹp, quá thú vị, thấy đời sống ở Hà-nội thêm êm đềm, thêm quyến rũ.

Sự thật hay tưởng tượng ?

GIÃ TỪ HÀ-NỘI

Để góp phần với các ngành giao thông khác, sở Hỏa xa cũng hoạt động đặc biệt. Xe lửa chở người tản cư kéo nhiều toa, dài dằng dặc chạy rầm rộ trong đêm. Cả gian giữa nhà ga hàng Cỏ đầy nghẹt người đứng mua vé. Vai người này sát cạnh vai người kia. Một thiếu nữ đứng cạnh tôi, ý chừng sợ người chen lấn làm lớp mất cái giỏ đựng vật quý, đã cầm giỏ thẳng tay giơ cao quá đầu. Thì giờ đứng đợi lâu hơn dự tưởng nên dù mỏi tay cũng chịu, không thể nào bỏ tay xuống được vì từ vai xuống chân không có dư một chỗ trống đủ cho một cái giỏ.

Lúc chen chân lên toa tàu thì sự hỗn loạn có thể nói là cực độ. Trên sân ga còn đông người mà trên toa người đã ngồi đầy bực tam cấp. Lấy chỗ đâu mà lên ? Còn ai giữ trật tự nữa ? Những người

đàn ông níu tay vịn phóng lên ngõ cửa sổ. Những người đàn bà, những cô thiếu nữ lúc đầu còn bỡ ngỡ e ngại, rồi cuộc đều phải bầu vào những cánh tay đàn ông xa lạ để họ bế xốc hộ lên toa, theo ngõ cửa sổ. Không ai nghĩ đến câu “nam nữ thụ thụ bất thân” nữa.

Dù chật hết sức, chuyển xe cũng không bỏ sót một người nào ở lại sân ga. Thật là hình ảnh của cuộc đời thu nhỏ lại. Xã hội đầy dẫy người. dư người, thừa người, nhưng cũng khéo thu nhận hết mọi người chứ nào có bỏ rơi một ai

BIẾT BAO GIỜ ?

Tôi tạm rời Hà-nội ra đi vào đêm 16 tháng 10 năm 1943. Ngày trùng phùng tưởng rất gần, ai ngờ, đến nay hai mươi

năm hơn rồi, tôi vẫn chưa trở lại được cố đô. Bao nhiêu đổi dời, đổi dời ở ngoại cảnh và đổi dời trong lòng người, nhưng ngôi nhấm lại, hình ảnh căn phố ngày xưa, bóng dáng người yêu trong trắng vẫn còn làm lưu luyến lòng tôi. Không phải chỉ lòng tôi mà thôi mà là tấm lòng của biết bao nhiêu thanh niên đã rút lòng mình mà ra đi. Nhiều người đã đi mãi không về. “Tản cư”, chữ “Tản cư” hiền lành, than ôi, trong rất nhiều trường hợp đã đồng bộ hóa với chữ “Vĩnh biệt” !

VÕ HỒNG

TỦ SÁCH HÀNH TRÌNH

Đã có bán :

* NHÀ CHUNG truyện — Fehé-
ra de Castro

* CHẠY TRỐN truyện — Thảo
Trường

* HỒI CHUÔNG TẮT LỬA (in
lần thứ ba)

truyện — Thế Nguyên

Sẽ phát hành :

* VÂNG Ý CHA kịch — Fritz
Hochwal Der

* CỘT ĐÈN truyện — Thảo
Trường

NAM SƠN XUẤT BẢN

TRẦN DẠ TỪ

TỎ TÌNH TRONG ĐÊM

mùa hè 1965

*Mùa hè đã trở về quá lâu
Nhưng đâu còn ai để nói cho anh biết
Cuộc hội họp đã tàn
Những con ve đã chết
Và tất cả bạn bè anh
Đều đã lên đường
Vào chung một cuộc chơi kỳ cục

Cuộc chơi thật kỳ cục*

Nhưng

Em thấy không

Bên cạnh trò chơi

*Bên cạnh tiếng nô, tiếng la hét, tiếng
khóc*

Mùa hè vẫn tiếp tục

Những cánh tay trần vẫn tươi mát

*Và dàn phong cầm vĩ đại của mùa
hè*

*Vẫn lùa vào mái tóc bướng bỉnh của
cây cối và em*

Những chuỗi cười trong suốt

Khi anh ngửa mặt lên

Cành lá vẫn kêu réo không ngớt

Không ngớt, không ngớt

Cơn gió đục giã của tháng sáu
Mặt trời nồng nàn của mùa hè
Và không ngọt, không ngọt
Tâm hồn anh
Dưới tàn cây chi chít thống khổ và
hân hoan
Cũng òa lên tan tác

Rồi cơn mưa ào tới
Tối vội vàng như tiếng la chìm ng-
hỉm
Trên da thịt bất tỉnh
Và trong mưa, trong tiếng la vừa
chìm
Anh thấy rõ cơn mưa đã để lại ở cuối
trời

*Nơi con đường anh từng cùng em
Một vũng nước lấp lánh những hy
vọng*

*Hy vọng vẫn lấp lánh
Lấp lánh không ngừng
Dù tất cả bạn bè anh
Và ngay cả chính anh
Sẽ không còn
Trong cuộc chơi kỳ cục đang tiếp diễn*

*Nhưng mùa hè đã trở về quá lâu
Đã quá lâu
Đâu còn ai để nói cho anh biết
Vậy mà anh vẫn biết*

Anh biết hết

Những thống khổ đã nhàm

Những hân hoan đã xa

Những trò chơi đã mỗi một

*Và cả những điều mùa hè chưa nói
ra*

Anh cũng biết

Anh biết, anh biết hết

Nhờ một chiếc ngáp dài

Sau giấc mơ bê bối.

TIẾNG HÁT CỦA HIỀN

đoản tác của DOÃN QUỐC SỸ

1

Vienne ngày 15 tháng 1...

Anh Kha,

Nhà dàn cảnh, các chuyên viên và em đã tới kinh thành Áo quốc để lấy những ngoại cảnh, nội cảnh nơi này mà quay nốt những phân cảnh còn lại, trong đó có những phân cảnh chính quay lúc em lên hát tại đại hý viện Burgtheater (Le Théâtre du Château của Vienne. Em làm việc mê mải, không cả thì giờ thoải mái đi dạo thành phố Vienne một chút. Có lần lấy bãi cỏ xanh trên bờ sông Danube làm ngoại cảnh, em chỉ còn đủ ý

thức nhìn thấy màu xanh của cỏ em dẫm lên, và màu nước lấp lánh của dòng sông chảy xiết bên dưới, thế thôi. Có phen cảnh quay ở đường Karntnerstrasse em chỉ kịp thoáng nhận thấy đường phố này vui, thân mật như đường phố Tự-do, Sài-gòn. Mặc cho công việc bốn bề rồi mà lúc sửa soạn cũng như lúc quay, em cương quyết giữ bình tĩnh và tận dụng thì giờ của em. Em ôn lại lời đối thoại, em nhắm mắt tưởng tượng cảnh mình phải đóng, nét mặt mình phải có, rồi đóng thử, rồi khẩu lệnh “ Action ”, đóng thật.

Nhưng cuối cùng phải kể rằng hồi hộp nhất là lúc em đi vào Đại-hý-viện để quay những phân cảnh chính của “ Tiếng Hát Lạ Trên Kinh Thành Vienne ”. Tự nhiên em hồi niệm được hết những kiến thức của em về Vienne trước đây.

Em như đã có lần nhìn hình bà một tờ báo Pháp lớn, đã là ảnh bà mẹ già Áo ôm đứa con trai trong vòng tay, sau ngày thế chiến thứ hai vừa chấm dứt. Con hỏi mẹ :

– Vienne ra sao, mẹ ?

Mẹ trả lời :

– Vienne vẫn khiêu vũ như bao giờ, con ạ.

Ngày đó đọc những dòng chữ đó em nghĩ đến những luân khúc từng bừng trong hoàng cung, ánh đèn bên trên, sàn gạch hoa bên dưới mênh mông diễm lệ, em nghĩ đến những balleta trên sân khấu Đại-hý-viện này, màu voan trắng xóa luôn luôn gợi hình ảnh đàn bạch nga cao quý. Em nhớ có đọc một tài liệu nói khi nhà đại danh cầm Pablo Cassal lên

đây độc tấu violoncelle, ông nghĩ rằng nơi đây đã từng âm vang ngón đàn tuyệt diệu của Mozart, lòng chột hồi hộp run tay quá sức đến nỗi đánh rơi chiếc archet, văng từ trên sân khấu xuống hàng ghế đầu. Vậy mà cả rạp cứ im phăng phắc, một người đứng dậy nhặt chiếc archet, cung kính dâng lên cho nhạc sĩ. Rồi đợi... Bây giờ đến chính em dùng bối cảnh đó cho bài ca “Con thuyền không bến” của chúng ta.

Em yêu bài ca này biết chừng nào, em hằng nắm vững từng nốt nhạc, từng nhịp thở, từng nét cong của giọng uốn, ấy thế cũng thấy nghẹt thở và hồi hộp và đóng hổng mấy lần liền. Công việc đành tốp ở đấy và bọn em nghỉ cuối tuần. Em nhất định nghỉ xả hơi chuyến này, gột rửa hết mọi bận bịu trong lòng, hết mọi lo âu trong óc. Em bảo Karl đưa em đi xem

Vienne. Chúng em vừa đi vào vùng ánh sáng vàng lộng của lâu đài Schönbrunn mà người ta vẫn thường ví với lâu đài Versailles của Pháp, thì gặp hai anh em, một nam một nữ người Việt, anh bảo có vui không cơ chứ. Ông anh ngụ tại Ba-lê đã lâu năm, tốt nghiệp một ngành cổ học Đông-phương, cô em cũng mới tốt nghiệp cổ nhạc Việt tại Âm nhạc viện Sài-gòn, cả hai tới Vienne để thuyết trình hai buổi liền về nhạc cổ điển và kịch cổ điển Việt-nam. Đã lâu quá rồi em mới được gặp đồng bào để nói tiếng Việt, em chẳng thích gì xem Vienne nữa. Chúng em đồng ý thuê tắc-xi về một tiệm cà phê tại đường Karatnerstrasse. Karl nói :

Đến Vienne phải thưởng thức cà phê Vienne nức danh hoàn cầu chứ !

Em có thiết gì cà phê, nhưng trong tập quảng cáo nào của Vienne cũng thấy

khoe là sau cái năm lịch sử 1683 quân Thổ không chiếm được Vienne phải rút về nước, để lại trước cổng thành này những bao cà phê, thì kể từ đây việc hàng ngày “nhậu” cà phê là tác phong bất khả chuyển của Vienne.

Một bức thư trước em đã nói với anh đường Karninerstrasse này ấm cúng thân một giống đường Tự-do tại Sài-gòn, nhất là từ phía xa cuối đường cũng có mũi nhọn chót vót của một gác chuông nhà thờ - nhà thờ Stephansdom. Tới nơi em để Karl cùng người anh nói chuyện với nhau bằng tiếng Anh, em cùng chị bạn thủ thỉ nói chuyện bằng tiếng mẹ đẻ. Em còn thuê tạm một phòng liền với phòng chị bạn để tiếp tục tâm sự cho ấm lòng của cả hai. Rồi buổi tối hôm ấy, rồi buổi chiều hôm sau nữa, người anh diễn

thuyết về văn hóa cổ truyền Việt-nam tại một thánh phòng, chị bạn phụ diễn cổ nhạc. Cả hai cũng thành công rực rỡ, mỗi người về một phương diện. Lần trình diễn buổi thứ hai một nữ thánh giả người Áo khi nghe dứt bài hát Việt, đã chạy lên ôm lấy chị bạn rồi cả hai cùng khóc. Sáng thứ hai, hai người lên đường trở về Ba-lê, em trở lại với sàn quay. Sự thành công của chị bạn đã kích thích em và giúp em thành công nốt mấy phân cảnh chính và cuối cùng của phim “Tiếng Hát Lạ Trên Kinh Thành Vienne”. Câu chuyện hơi dài, em không thể nào viết được đâu, mà kể vắn tắt thì em không muốn, Vậy anh chờ dịp nào em trở về cố hương sẽ kể lại cho anh nghe.

Chiều mai chúng em đã rời Vienne nên em viết vội bức thư này để báo cáo

cùng ông “cố vấn” của em mọi tình hình tiến triển của công việc. Em hiện mệt bã người. Cho em ngừng bút.

Chào anh,

EM

Đặc biệt trên hai chữ “Chào anh” của bức thư này Quỳnh Hương có viết hai chữ gì mà nàng rập xóa đi mất. Tò mò Kha đem lá thư ra cửa sổ soi lên ánh sáng. Chàng bỗng thở dài cúi đầu. Đó là hai chữ “Hôn anh”.

2

Hai chữ “Hôn anh” được viết rồi rập xóa không đơn giản như Kha tưởng, mà có lịch sử của nó.

Hai anh em Quan và Hiền mà Quỳnh

Hương gặp ở Vienne là cơn một nhà triệu phú, nhưng cũng là một nhà cự cách mạng. Ông đã từng nằm cùng một giường với đảng trưởng Nguyễn Thái Học. Cuộc khởi nghĩa Yên-báy thất bại, ông thoát nạn trong khi Đảng trưởng và mười hai đồng chí khác lên đoạn đầu đài. Trong bầu không khí khủng bố ngập máu đỏ của thực dân Pháp, ông lui vào đời sống bình thường, ông lấy vợ rồi vùi đầu vào công việc mua bán cổ làm ra vẻ “cần cù, xoay xở, ngược xuôi” để che mắt thực dân. Nhưng sự “cần cù, xoay xở, ngược xuôi” đó vẫn đem lại kết quả ngoài ước muốn của ông, thoát đời sống vợ chồng ông dễ thở, rồi dư dả, rồi giàu, thời vận cứ thế bốc lên mãi với tuổi giờ, ông thành triệu phú với tiệm vàng Vinh Ký của ông. Tuy rằng ông không còn liên lạc gì với các đồng chí sống sót khác và những người nào còn tiếp tục hoạt động

hầu như cũng quên khuấy hẳn ông, nhưng trong thâm tâm không bao giờ ông quên cái chết dũng khí của các đồng chí đã lên đoạn đầu đài ở Yên-báy. Đứa con giai lớn – Quan – khi đỗ song bằng thành chung, thì ông cho sang Pháp học đồ tú tài bên đó, rồi vào đại học theo một ngành cổ học Đông-phương theo ý kiến của ông. Ngày di cư vào Nam thì Hiền – cô gái – mới mười sáu tuổi, kém anh chừng tám tuổi, cũng mới thì xong trung học đệ nhất cấp. Khi Quốc gia Âm nhạc viện được thành lập cô ghi tên theo học ngay khóa đầu tiên, và vẫn theo ý cha, cô chọn ngành cổ nhạc Việt làm môn chính. Theo ông Vĩnh Ký tiên đoán, tất nhiên về sau này nước nhà phải thành lập Nhà Văn hóa dân tộc để bảo tồn nền văn hóa cổ truyền. Hồi còn ở Hà-nội, ông luôn luôn bắt hai con về ở quê, một làng cách tỉnh Hà-đông không xa,

nằm giữa đồng ruộng ngút ngàn và bên một con sông nhỏ. Di cư vào Nam, ngoài cửa hàng lớn đường Lê Thánh Tôn, ông cũng tậu một trại quê trên con đường đi Thủ-đức để vợ và con gái ngày nghỉ về đây. Ông chủ trương phải cho con cái sống nhiều ở miền quê, chúng có gần gũi những người dân quê một sương hai nắng mới giữ được lương tri vững vàng. Lũ người chỉ quen sống ở thị thành – theo ý ông – bao giờ cũng dễ đơn bạc và ích kỷ. Ông hướng con cái trong việc học và trong nếp sống như vậy cũng là cách tỏ ra không quên các cựu đồng chí đã đổ máu cho dân tộc.

Tại Paris, Quan được tổ chức UNES-
CO mời đi mấy thủ đô Tây Âu diễn
thuyết về đề tài văn hóa Đông-phương
nói chung, Việt-nam nói riêng. Quan có
nhờ Hiền sẽ sang phụ diễn cho mấy màn

cổ nhạc Việt. Hiền được cha cho phép đi Paris và nàng đã sửa soạn hành trang theo đúng như ý anh đã dặn kỹ trong thư. Sự thành công rực rỡ của hai anh em tựa như bó đuốc thể vận hội khởi nhóm từ Paris, qua Bruxelles (Bỉ), Amsterdam (Hòa-lan), Tây Bá-Linh, rồi Vienne — nơi đây Quỳnh Hương gặp hai người.

Thế theo ý của Quỳnh Hương, Karl dùng dây nói của tiệm cà phê gọi giữ thêm một buồng sát với buồng của Hiền tại khách sạn, để hai người đàn bà đồng hương tiếp tục tâm sự.

Tất nhiên trong số thánh giả chọn lọc của kinh thành Vienne trong hai buổi thuyết trình đó đều có mặt Quỳnh Hương và Karl ở hàng ghế danh dự. Buổi đầu, sau mấy lời giới thiệu của ông đại diện UNESCO tại Vienne, Quan lên diễn đàn thuyết trình và diễn xuất về cái cười của

Việt-nam. Quan diễn thuyết bằng tiếng Pháp, có người dịch sang tiếng Đức. Anh là người trí thức, ăn nói có duyên, sâu sắc, anh giảng và trình diễn cho thính giả Áo biết về cái cười của Tây phương khác cái cười Đông-phương ra sao, và cái cười Việt nam có những điểm gì đặc biệt khả dĩ phân biệt với những cái cười Đông-phương khác, và cái cười ấy khi lên sân khấu thì có những điển hình gì.

Ra ngoại quốc gặp được một đồng bào xuất sắc như vậy, Quỳnh Hương thật kiêu hãnh.

Bài thuyết trình dứt, Quan giới thiệu thêm về nguồn gốc và ý nghĩa bài cổ nhạc Việt Hiền sắp hát. Rồi Hiền lên với chiếc trống nhỏ và đôi dùi. Hiền hát một bài Cò Lả, khi thì nhịp với tiếng trống rung, khi thì nhịp với tiếng khua ròn hai bên tang trống, khi thì Hiền dựng đứng một

chiếc dài giữa mặt da, tiếng trống vì thế thay đổi đi, nghe tấm tức nghẹn ngào. Hiền hát dứt bài, tiếng vỗ tay vang dậy phòng và kéo dài, khiến Hiền phải trở lại mấy lần cúi đầu cảm ơn, rồi phải hát lại lần nữa. Chị bạn trẻ người Áo ngồi bên Quỳnh Hương một lần đưa khăn tay lên chấm đuôi mắt.

Thật ra ở những nơi Quan, Hiền trình diễn trước đây — Bruxelles, Amsterdam, Tây Bá-linh — cũng đều gặt hái được thành công như vậy, càng về sau càng già dặn hơn, vì đầy tin tưởng hơn và vì diễn xuất với cả tấm lòng nhiệt thành của người nghệ sĩ phụng sự nghệ thuật, nên sự thành công lần nào cũng giữ được vẻ sắc bén tinh khôi của nhất kiếm chặt xuống lần đầu.

Buổi tối hôm đó, khi về khách sạn Quỳnh Hưng và Hiền còn ngồi tỉ tê nói

chuyện với nhau đến khuya lắm, và Hiền hát khê bài “Thu nguyệt tình hoài” mà nàng sẽ trình diễn hôm sau.

Chiều hôm sau Quan diễn thuyết về ca, vũ, nhạc cổ truyền và kịch cổ truyền Việt-nam (hát bội). Quan lần lượt nói về cách vẽ mặt điển hình, cách diễn xuất của từng vai điển hình, từng nhạc cụ cổ truyền và cả dàn nhạc cổ truyền. Kèm với lời diễn thuyết có chiếu phim màu.

Bài thuyết trình dứt, Quan giới thiệu một bài ca cổ truyền, bài “Thu nguyệt tình hoài” mà Hiền sắp hát. Quan giải thích về ý nghĩa đầu đề, ý nghĩa từng câu, tình cảm trữ tình man mác của toàn bài. Quan lưu ý thính giả Áo cách hát lắt léo của bài ca, câu nọ quẩn lấy câu kia với rất nhiều lời đệm xen kẽ. Hiền đã mang sẵn theo từ Sài-gòn đi một băng dàn nhạc bài ca đó, nàng chỉ sử dụng có chiếc trống

con, và nàng hát theo đàn nhạc đó với tiếng trống của nàng. Đặc biệt lần này mỗi câu thơ Hiền hát có dòng chữ ánh sáng Đức xuất hiện làm phụ đề để thính giả dễ theo dõi ý thơ và ý nhạc.

Cả thính phòng không một tiếng động nhỏ khi tiếng trống thiên tài của nàng vang lên, tiếng trống nhịp theo với tiếng phách, tiếng sênh, tiếng đàn, tiếng nhị, tiếng sáo. Và Hiền cất tiếng hát bài “Thu nguyệt tình hoài”, lời ca trôi nổi trên dòng nhạc. Tiếng trống của Hiền tức tưởi nghẹn ngào lướt trên lời ca, lẫn vào lời ca, ôm lấy lời ca như người thương yêu ôm lấy vết thương yêu đương. Những dòng chữ ánh sáng mang năng ý nghĩa trữ tình lấp láy thay đổi, tỏa ra hút lấy các hơi thở, làm nghẹt các con tim.

Nước chảy hoa trôi . . . lỗ làng . . .

Nhấn tin sang, có sao người chẳng
(có) thấy sang

(chừ). Hẹn (tình) ba, bốn, năm hẹn
(ơ í i i) mà để lòng càng xót xa

(cái) Nỗi đoạn trường (cho nên này)
thiếp phải lo xa (í ì i ... ới i i)

Tiếng trống nức nở đi theo tiếng
hát, đi theo từ đầu đến cuối như bóng
đoạn trường theo với hình đoạn trường.
Người nghe nhắm mắt lại, tiếng trống và
lời ca đi thẳng vào tim. Giọng Hiền thật
trong, thật dịu, thê lương mà đầm thắm,
hờn giận mà trình chuyên :

Nhấn tin sang người chẳng thấy sang

Hẹn ba, bốn, năm hẹn lòng càng xót
xa

Nỗi đoạn trường thiếp phải lo xa

Gió thu hiu hắt sương sa lạnh lùng...

.

Đương ở đời sống sáng chói lý trí, giữa guồng máy quay cuồng gay gắt, đám thính giả Áo chợt gặp những dòng trữ tình Á-Đông, những dòng chữ bồi hồi quện lấy tiếng trống, lời ca, dòng nhạc trở thành bàn bạc, linh thiêng, và biến thành bàn tay dịu hiền đưa họ về gặp lại cái thế giới hiền hòa rất quen thuộc xa xưa mà không hiểu sao họ quên khuấy đi mất :

Chân đơn gối chiếc lạnh lùng

Hai hàng châu là chiếc khăn hồng
chứa chan

Gặp chàng đây cho thiếp thở than

Suối khe nước chảy, trên ngàn thông
reo

Bữa cơm ăn thất thiếu ít nhiều

.

Dòng chữ ánh sáng tắt, dư âm lời ca, ý nhạc còn muốn tiếp tục nung chảy bóng tối, ánh sáng bùng lên ngổ ngàng, tiếng vỗ tay chỉ vừa thức giấc, thì chị bạn trẻ người Áo ngồi bên Quỳnh Hương đã vùng đứng dậy, chạy lên ôm lấy Hiền, hôn Hiền và cả hai cùng . . . khóc,

Sự thành công của Hiền không những chỉ kích thích và giúp Quỳnh Hương thành công dễ dàng trong những phân cảnh cuối của phim “Tiếng Hát Lạ Trên Kinh Thành Vienne”, tiếng hát kỳ diệu đó còn khơi mở trong tiềm thức Quỳnh Hương những kỷ niệm đồng quê đất Việt. Quỳnh Hương bỗng nhớ lại những ngày về quê ngoại, làng Mậu-dương, hương đồng thơm phức, cánh chuồn,

cánh bướm nhớn nhỡ, hơi nước mắt lạnh tỏa ra từ các mặt đầm, mặt ao. Vào hôm phân cảnh cuối cùng hoàn tất, tiếng hát của Hiền còn gợi Quỳnh Hương nhớ tới một đêm trăng mọc muộn. Không phải là ngày mùa lại sau một trận mưa lớn, nên chỉ mới mười giờ khuya mà cả làng Mậu-dương chìm trong tịch mịch tưởng như đi khuya khoắt lắm rồi. Trăng mọc muộn phía chân trời Đông, bóng tối căn nhà đổ xuống, nhưng ánh trăng lạnh cắt một đường viền vàng ngang đỉnh ngọn cây ngay phía trước. Cảnh vật vừa lặng lẽ thô sơ, vừa phức tạp bí ẩn, và lần đầu tiên nàng trinh nữ Quỳnh Hương mơ ước một bóng người con trai. Tình yêu sưởi ấm tạo vật, hay đúng hơn tình yêu tỏa ra hơi nóng thần thánh bảo vệ lấy đôi trẻ giữa thiên nhiên vô tình và mệnh mông hiu quạnh. Đi vào dĩ vãng, trong khoảnh

khắc thần kỳ. Quỳnh Hương tưởng như mình còn là trình nữ, nhớ lại buổi gặp Kha lần đầu cùng Hằng ở phòng trà Ly-ly, nhớ lúc Kha ôm mình nhảy bản slow khuya và cúi xuống hôn nhẹ lên môi... Trời ơi, Quỳnh Hương bỗng thêm Kha điên cuồng. Ngày nào cũng Kha đi Thủ-dầu-một về cũng ăn cơm trong căn phòng xính ấm áp nhà hàng Cheong-Nam, khi từ biệt trên vỉa hè Tư-do nàng có ý tưởng ngộ nghĩnh sẽ hôn Kha trước, vì chỉ hôn trước một người như Kha mới không sợ bị rẻ rúng. Tưởng tượng, nàng bỗng nhiên vít cổ Kha xuống hôn : Kha chác thoát bờ ngõ, rồi cười, nụ cười trong sáng của chàng, rồi tất nhiên chàng cúi xuống hôn nàng, thành thử cái hôn trước của Quỳnh Hương giống như cái hích khuỷu tay khiêu khích và nhắc nhở, cái hôn thứ hai mới là cái hôn cộng hưởng. Rõ hoài !

Nàng tự trách sao không thực hiện điều kỳ khôi rất đáng nên thơ đó khi còn ở Sài-gòn.

Vì vậy mà Quỳnh Hương đã tận cùng lá thư cuối cùng ở Vienne bằng hai chữ “Hôn anh”, nhưng khi nét chữ đã tròn trịa trên trang giấy, Quỳnh Hương mới sực nghĩ là rất có thể Kha lơ đễnh để bức thư lọt vào tay Miên. Tuy là cái hôn gửi, hôn tinh thần, nhưng cũng làm Miên... Dù chỉ mới đơn phương gặp Miên một lần, vào buổi đưa bà giáo đi để, mà Quỳnh Hương cũng cảm thấy không nên làm phiền lòng một người đàn bà như Miên.

DOÃN QUỐC SỸ

(Trích Quỳnh Hương, sắp xuất bản)

Quyên, dĩ vãng một Hà-nội

Tùy bút của DƯƠNG NGHIÊM MẬU

Quuyền yêu dấu. Anh đã từ hứa rằng trước khi đi anh sẽ ghé lại thăm em, nhưng những ngày cuối cùng thu xếp vụng về quanh quẩn chưa xong anh đã phải đi, vào sớm mai này, và anh không còn kịp gặp em từ biệt, anh buồn và trách mình, có thể em chẳng quan tâm và trách anh, vì ngày nay, chúng ta, mỗi đứa có một cuộc sống riêng rẽ và em đã quên đi gần hết, những gì anh gọi là kỷ niệm của hai đứa, đã dẫn mình, chấp nhận cuộc sống em đã lựa chọn trong những ngày tháng phân vân bứt rứt. Thôi thế đã xong, chắc một lúc nào

đó, ít giây phút ngắn ngủi lay động làm em chột nhớ và buồn, em đã tự nói với mình như thế. Đã xong, đã hết, đã kết thúc, chúng ta ngừng lại nhẹ nhàng êm thấm, mỗi kẻ chết đi được người khác làm cho một cái mồ, em chẳng cần ai, em tự ý, với hai bàn tay mềm yếu thu dọn và đắp điểm lấy cho mình một nắm mồ êm đẹp theo như ý muốn và anh đứng ngoài trông vào cay đắng thiết tha. Em đã xong rồi, còn một anh đây lơ lửng, lẫn khân.

Từ lúc lớn lên anh đã được khuyên nhủ nhiều lần, bằng nhiều cách, từ nhiều người thân yêu hoặc xa lạ: thu xếp lấy một cuộc sống. Thu xếp, nghe hai tiếng dung dị, đầm ấm làm sao. Anh đã nhớ và đôi ba lần hay hơn nữa thu xếp cho mình, nhưng những thu xếp ấy chẳng bao giờ xong hoặc thế này, hoặc thế khác, những lần thu xếp bao giờ cũng bỏ dở, nhiều

lần ngừng ngay ở ý chí bắt đầu. Nhưng lần này ít nhất anh đã thu xếp xong. Ba mươi tuổi không có một căn nhà để gửi, để bán. Không có một tài sản để cho thuê, cho mượn. Trong căn phòng tạm bợ, nhờ cây chẳng có gì đáng giá, mấy cuốn sách, ít tờ báo cũ, một chiếc va-li, chiếc giường gỗ, vài bộ quần áo. Ấy thế mà anh quanh quẩn. Thật là dễ dàng biết bao, nên chỉ việc thu xếp nó lại cho gọn rồi kêu xe mang ra bến là xong. Quanh quẩn lần khần bởi vì những gì có đó gọi lại với anh ngày tháng cũ, những gì đã qua, đã khuất, như đồng tro tàn sau một lần môi lửa. Trong lúc thu xếp, nơi đồng tro ấy vẫn còn những tàn lửa chưa tắt, những tờ giấy cũ chưa cháy, những kỷ niệm chưa nguôi. Bây giờ anh không muốn lần khần quanh quẩn nữa mà anh phải thu xếp, dứt khoát với cuộc sống cũ của mình. Chung quanh anh, cái gì

còn đó cũng gợi nhớ đến em. Anh cũng không ngờ nó âm ỷ đến thế. Một năm đã trôi qua rồi không còn một buổi từ hò hẹn, một lần dạo chơi, mà chừng như ở bên anh em vẫn ra vào, nằm ngời, vẫn nói cười, vẫn ca hát và vẫn sống vẫn thở. Có những lúc anh tưởng thốt tưởng như đôi tay em mềm ấm lần trên ngực áo, môi em ngọt nóng trên môi anh, vòng tay ngà ngọc ôm kín nghệt thở quanh lồng ngực, đôi mắt đen mọng lúc nào cũng rưng rưng như muốn hòa tan anh. Không còn nữa, em đã đi và anh đứng lại bàng hoàng. Bây giờ là đầu tháng tám, giữa mùa thu, áp ngày giỗ mẹ anh và gần đúng một năm ngày em đi. Ngày tháng có những cái mốc, như cột đá khắc quãng đường xa trên con đường cái quan. Mười một năm xa Hà-nội, mười một năm cúng giỗ mẹ ở miền Nam, và hơn nữa, mười mấy năm hơn anh và em

biết nhau. Nhớ lại khiến chúng ta ngạc nhiên đau đớn. Đêm nay ngồi viết thư cho em mà anh tưởng như mình đâu còn ở ngoài đó. Ở ngoài đó, phải rồi, ở ngoài đó rất xa, ngày em mới chín mười tuổi, cái tuổi nhỏ trí nhớ mơ hồ. Em chỉ nhớ muốn về Hà Đông sẽ ra Bờ Hồ lên xe điện, em chẳng thể nhớ xe điện chạy qua Văn Miếu, chợ Con Bò, Ô chợ Dừa, Thái Hà ấp, qua khu Nghĩa trang Quảng Thiện và ngừng lại ở bên con sông Duệ. Em có nhớ con sông Duệ chảy qua quê hương chúng ta, con sông nhỏ hiền lành cũng chảy qua Canh, Diễn, chảy ngang qua quốc lộ đưa anh về quê, con đường đưa qua Phùng để lên Sơn Tây.

Anh nhớ lại một chuyến đi Quảng Ngãi trở về, anh nói : ra Quảng nhớ quê vô cùng, em hỏi tại sao, anh nói vì đất, vì những lũy tre xanh, những con đường

làng đất bột. Em mở lớn đôi mắt dò hỏi, chùng như cố gắng vận dụng hồi tưởng, nhưng em đã không thể hình dung ra được, anh cố gắng mô tả nhưng vô ích, bởi vì có những cái người ta không thể nào mô tả bằng ngôn ngữ. Người ta muốn biết nó phải sống ở đó. Làm sao để anh mô tả con đường về Hà Đông trên chuyến xe điện vào một buổi sáng tháng tám, nền trời xám, những lũy tre lả ngọn màu úa chờ đợi mùa rét mướt, mép cỏ bên đường long lanh những hạt sương đêm và rất xa, cánh đồng khô, những lũy tre mong manh như nét vẽ đậm bạc trên một tấm tranh thu được phốt qua bởi ngọn bút lông chấm vào mực loãng. Em có thể hình dung ra phố xá tỉnh lỵ, khu tòa sứ sau chiến tranh ? Ở đó em đã quên không còn nhớ chút chi. Ngay cả những khung cảnh còn nhiều kỷ niệm, em nhớ không ? Em thử nhớ con đường

từ quê tới núi Trầm, nhớ những mỏm núi, những phiến đá màu gạch cua em đã chạy nhảy, em hãy lắng nghe tiếng em ríu rít cười nói mà âm vang từ vách đá vẳng ra. Anh còn như thấy em thu mình nhỏ bé bên bác ngồi trên toa xe ngựa nhiên nghe tiếng bánh sắt cọ sát, và tung tăng nói cười trên những mỏm núi. Từ đó đến nay đã mười mấy năm, có bao giờ em ước ao trở về đó, nếu được đứng trước cảnh cũ em sẽ nói cho các con của em nghe : Hồi xưa, bằng tuổi các con, mẹ đã đến chơi ở đây, anh lắng nghe cái giọng nói mai sau đó và anh nghĩ, sao nó bùi ngùi. Em còn nhớ những gì ? Nhớ ngôi trường Thanh Quan, những năm cắp sách đầu tiên, những giờ chơi giải gianh trên hiên lớp, nhảy dây trên sân trường, đánh ô ăn quan bằng những viên sỏi trắng thu giấu trong cặp da. Em còn nhớ một người bạn học nào đã cùng

nhau chia đôi chiếc kẹo vùng, những người bạn nay chắc đã có chồng con bận rộn ? Em có nhớ ngôi trường mấy tầng, có mấy lối ra vào, em có nhớ những con phố đã đi qua trong Hà-nội ấy, ở ngoài đó, rất xa. Em có nhớ mơ hồ đã theo người anh và những người bạn nghịch ngợm của anh mình buổi trưa ra bờ sông đứng chờ nơi cửa nhà máy nước đá, đợi những miếng nước đá vụn rơi mà nhặt bọc vào chiếc khăn mặt nhỏ mang theo, hay bỏ vào miệng nhai, tưởng như hàm răng sún đã rụng hết vì tê lạnh. Hay mùa sấu chín, lang thang trong những con đường nhỏ nắng rơi, nhà Bác-cổ lượm sấu rụng, những trái sấu lăn vỏ sần sùi hơi ửng vàng, những trái sấu nhắc đến làm chúng ta ứa nước miếng. Em còn nhớ căn gác có cửa ngó xuống của một rạp chiếu bóng và một góc chợ...

Bao nhiêu kỷ niệm, bao nhiêu hình ảnh của quá khứ dần trải trên trí nhớ anh, ở đó hình bóng em thấp thoáng, ở đó em bé bỏng dễ thương, ở đó em thơ ngây ngọt ngào, vị ngọt ngào của một trái cây vừa kết hứa hẹn. Những hứa hẹn mà anh đã không thu xếp để đón chờ hái lấy. Em đã đi.

Anh thử tưởng tượng, nếu anh và em còn ở trong thành phố đó, chúng ta lớn lên, nhưng anh không làm được việc đó, chúng ta đã phải rời đi, đã phải lớn lên ở một nơi khác. Có phải từ đó định mệnh đã bắt đầu rẽ sang một con đường xa lạ.

Nếu có ai hỏi chúng ta, vào lúc chúng ta rời đi, tại sao chúng ta đi, chắc chắn chúng ta sẽ phải trả lời : chúng ta đi theo gia đình, theo sự lựa chọn của những người có đủ lý trí. Chúng ta đã

đã đi với bao tiếc nuối những kỷ niệm, những bè bạn, những thân thuộc và một điều mà anh vẫn lấy làm đau đớn tự hỏi : định mệnh khắc nghiệt nào đã không cho chúng ta được lớn lên nơi chôn nhau cắt rốn. Chúng ta đã có một dĩ vãng không xứng đáng.

Anh nhớ mới hôm qua đây, lên xe, qua cầu, lên máy bay và đặt chân xuống Sài-gòn. Anh nhớ rõ chuyển xe nhà binh chống chất những túi vải, những mền chiếu, va-li, thùng gỗ, giường sắt, từ mờ sáng qua sông Nhị... nhớ ba anh đã ngậm ngùi với nét mặt đăm chiêu, nhớ chị anh đã khóc, nhớ đứa em nhỏ thơ dại vỗ tay reo khi chuyển xe qua đường phố... Sài-gòn, nơi chúng ta gặp lại nhau và chỉ gặp lại nhau vậy thôi, phải không em. Quyên yêu dấu của anh. Em còn nhớ gì tới thành phố thân yêu cũ của chúng

ta, những ngày cũ thơ dại như cành củi khô trên một dòng nước lũ. Có lúc nào em ước ao được sống trở lại nơi căn nhà nhỏ, căn gác phía sau trong khu phố Hà-nội, mỗi ngày cắp sách đến trường không quên xin một đồng bạc uống nước, ở đó người mẹ, người anh đùm bọc che chở. Em còn nhớ căn nhà, trên tường treo những tấm hình ba em giữ lại từ lúc còn sống. Chắc em cũng mong ước được về quê thăm bà nội, chú thím, cô bác trong làng quê cao lũy tre xanh, trong sân nhà những đợt cau mảnh mai ngắt ngững, ngôi nhà thờ, cây khế, cây ổi, bây giờ hàng cau có còn, cây trái có ai chăm sóc và ngôi nhà thờ có ai hương khói ngày giỗ tết ?

Đứng trên sân thượng nhìn xuống những mái nhà thành phố trong khu hàng Gai, hàng Đàn của Huyện, những

mái nhà cũ, màu ngói nâu và rêu phong, em hỏi : Anh biết những mái nhà kia có từ bao giờ, anh nói không, em cười, mẹ em bảo từ lúc sinh em, đó là những chiếc bánh đa nướng hơi quá lửa, em ngô ghê, lúc vừa biết em chờ để ăn những chiếc bánh đa đó, những chiếc bánh ngói. Hồi nào, trong một đêm đi dạo ở bến tàu, đứng uống sữa đậu nành, anh đã thấy một thứ bánh giống như viên ngói, bánh mặn chên mỡ và ngọt, anh đã mang về cho em : ngói ở Hà-nội mới gửi vào, vì trong Nam nhiều mỡ nên họ đã chên, thôi đi anh, cái gì cũng Hà-nội, Hà-nội, làm như cái gì ở Hà-nội cũng quý lắm. Các cậu trai Hà-nội xạo một cây, mấy cô gái miền Nam chót mê rồi ớn đến xương sống. Anh nghe câu nói chừng như xa lạ. Phải rồi, nay em là một cô gái sống ở Sài-gòn. Một Sài-gòn khác Hà-nội. Những viên ngói Hà-nội đã được chên mỡ ở

Sài-gòn. Anh đã chẳng còn em nhỏ bé tung tăng trong một bầu khí thân mật. Em lớn lên trước anh, mê đắm những môi, những mắt, những tóc, những ngực, những tay chân, mơn trớn, ve vuốt trong thực tế...

Em hỏi anh : Tại sao anh viết văn gì mà toàn những chuyện ở đâu mãi ngoài Hà-nội, trong này không có chuyện gì để viết sao? Hồi ấy còn em, anh đã nói : Vì yêu em như yêu Hà-nội. Câu nói đùa cợt ấy ngờ đâu lại là sự thật của tâm khảm anh. Có thể nói khác, vì Hà-nội vẫn ám ảnh anh, cũng như hình ảnh em những ngày tháng này. Những ám ảnh mang một tâm trạng luyến tiếc nhớ mong lay lắt trong cùng tận tâm não. Một ý nảy ra trong óc, một câu chuyện xuất hiện, ngồi vào bàn viết, thì cùng lúc những hình ảnh cũ của cuộc sống cũng sáng lên

theo, xứ là thành phố cũ thành nơi sinh sống, một căn nhà làm nơi trú ngụ và những đường phố hàng Đào, hàng Than, Ô Yên-phụ nhân vật phải đi qua. Cũng như một nhân vật con gái có mặt, thì hình ảnh em hiện lên cho anh tô vẽ nét đậm đà, vẻ buồn bã hay đáng tung tăng. Ở quanh đây những chuyện vẫn xảy ra, vẫn có những người con gái khác, nhưng Hà-nội và em đã ngự trị trong anh, xua đuổi tràn ngập những khung cảnh mới, những khuôn mặt lạ. Sự ngự trị nhiều khi anh tưởng không còn hay đã cố đánh bật, nó vẫn xuất hiện ngang nhiên, không sao kìm hãm được, nó thấp thoáng, ẩn hiện khi nhiều khi ít. Có ai dám chắc chắn rằng mình đã hoàn toàn quên lãng được quá khứ ? Có nhà văn nào tự cho trong tác phẩm của mình không hề cho nhân vật vay mượn cuộc sống, kỷ niệm của mình đã trải qua ?

Sau khi em đi rồi, anh tan loãng, nhưng trong nhận thức anh nhìn ra một sự thực : quê hương thời thơ ấu đã mất, cũng như em. Anh nuôi nấng con người mộc mạc của anh, vỗ về nó vào một cuộc tìm kiếm khác, em nhớ không : Thúy, cô em gái ngày nào mà anh nói cho em nghe, cô em gái miền Nam trong một vùng quê hương mới mẻ, trong cánh đồng ngút ngàn, dưới rừng dừa xanh biếc. Anh nói với Thúy, chính Thúy là cái tương lai anh tìm kiếm và là quê hương anh muốn được sống. Có phải anh đi tìm lại anh, tìm lại một quê hương bởi vì anh sợ anh không còn gì để tin, để bám víu. Người con gái ấy mang tên một giòng sông, bí ẩn, xa lạ, nhưng thân yêu tha thiết trong nét chữ, qua giọng nói. Cái tha thiết chân thật, cái chất phác đơn giản của miền Nam kín đáo, yêu thương. Anh đi nói gì với Thúy, anh nói cho Thúy

nghe những chuyện quê hương đã mất, những bất hạnh anh phải chịu đựng. anh muốn được nghe về quê hương Thúy, nơi đất đai nuôi sống những vườn vú sữa, những vườn cam, nơi Thúy tự tay trồng những gốc hoa ngâu thơm mát khiêm tốn, những nhánh thiên lý xanh có hoa vàng nhạt... và ở đó cũng những hạt giống mơ mộng nảy mầm, lớn lên trong trí não anh. Anh tưởng tượng ra cái khung cảnh đồng quê ấy, anh nhớ mong nó và lo âu với nó trong những tin chiến sự. Ở đó có một quê hương và một người yêu chờ anh. Nhưng anh vẫn lần lần khân quanh quẩn, anh vẫn chẳng thu xếp được cho mình. Quê hương mới ấy, hôm nào còn thanh bình, Thúy còn cắp sách đạp xe ra tỉnh học, thì hôm nay súng nổ cả đêm lẫn ngày — anh ơi cây ngâu, giàn hoa lý của mình có còn sống không — Những căn nhà đổ xuống, bốc cháy, rừng dừa xơ

xác tan hoang. Một quê hương đã mất, một quê hương chưa được đặt chân đang bốc cháy trong anh. Thúy đã bỏ học theo mẹ ra tỉnh, ba ở lại nhà trông coi đất đai đang đau đớn trong làn đạn, gửi thư cho vợ con nhét trong những trái cây mà Thúy lo âu một hôm nào sẽ phải đọc lời trời trăng trên một tàu lá.

Em đã nhìn thấy khuôn mặt hạnh phúc của em chưa ? Có phải em đã nhìn thấy? Anh chẳng tìm thấy đâu một khuôn mặt hạnh phúc, có lẽ mãi mãi như thế, anh chỉ nhìn thấy khuôn mặt chiến tranh đến đối diện anh. Khuôn mặt hung dữ một cách ngọt ngào, tàn ác một cách dịu nhẹ, thảm khốc một cách êm đềm. Phải rồi, chính nó quanh quẩn, bao vây, thít chặt lấy anh vào một chiếc túi, như người ta cho kẻ thù vào bao tải trôi sông, anh cũng vậy, chúng ta bị ném xuống

dòng thác lũ của định mệnh. Nhưng không, anh còn sức để chống trả với nó, dù cho biết đó là một cuộc chống trả tuyệt vọng. Anh muốn được nói với Thúy, anh không muốn là một kẻ lưu vong và mất Thúy như anh đã mất Hà-nội và mất em. Có phải đây là lần đầu tiên anh đã làm Quyên buồn và em nghĩ anh đã phụ bạc?

Quyên yêu dấu, quả là anh phải thu xếp, thu xếp tình cảm, thu xếp quá khứ của mình. Âm ảnh khắc ghi của quê hương và của em đã không làm cho anh sống được gì, nó đi làm anh tê dại bất động trong thực tế. Anh đã không hòa mình được vào cuộc sống sôi nổi đang dâng lên, anh đã không mang mình được vào một tương lai. Không phải như vậy anh quên quê hương, quên em mà anh phải tạo lại quê hương, tạo một tình yêu mới. Đó là một quê hương không phải là

quê hương trong trí nhớ, một tình yêu không phải là dày vò tuyệt vọng. Anh phải phá bỏ cái thế giới hư vô của kẻ tử tù trong ngục thất đen tối, thế giới âm ty của chàng Orphie gào thét tìm kiếm người yêu khuất mặt, thế giới đục tình bóng cháy thảng thốt của kẻ tuyệt vọng, thế giới ma quái ảo tưởng của những tên phù thủy, thế giới bại trận của những tên tướng tàn quân... Bởi vì anh còn phải sống với một tương lai không có em.

*

Quyên yêu dấu, sáng mai này anh sẽ rời khỏi Sài-gòn. Sài-gòn có em, làm cách nào để anh nhớ được Sài-gòn, nhớ được khuôn mặt của thủ đô ? Nhớ con đường Lê Lợi, Tự Do, chợ Bến Thành với những khuôn mặt xa lạ, những thời trang thay đổi mỗi chiều thứ bảy, những căn nhà thay đổi liên tiếp mỗi lúc một

cao hơn ? Nhớ tới bến tàu, hay đâu nữa ? Ở giữa ngay Sài-gòn mà anh không thể hình dung ra nó cùng với hơn hai triệu người xa lạ vẫn gặp nhau mà chẳng nhớ. Phải chăng vì Sài-gòn là thủ đô thương mại, một thủ đô trẻ đang ở trong tuổi lớn. sống buổi sốt vỡ da dậy thì của nó, như khuôn mặt cô gái chuyển từ năm mười lăm mười sáu sang tuổi đôi mươi, khuôn mặt của đổi mới, của vượt lên, nhưng cũng tàn nhẫn thô bạo. Cái tuổi cố gắng gột rửa, thay đổi quá khứ ? Nhớ Sài-gòn, anh sẽ nhớ con đường Thi Sách, Duy Tân, những con đường chạy trong khu Đồn Đất. Những con đường mà hai đứa đã đi qua nhiều lần, chắc em chưa quên. Anh nhớ những con đường không có chỗ nghỉ chân ấy hai đứa đã tâm sự, đã dự định gây dựng. Những thân cây ươn, những tán cây xinh đan ánh sáng lung linh lay động trên mặt đường, những

căn biệt thự thấp êm tĩnh, những lần đội mưa ẩn dưới gốc cây. Chỉ có thể, tưởng như những con đường không hề có một dấu tích nào của dĩ vãng, của lịch sử.

Anh nghĩ đến, mãi sau này, tại sao anh không hề hỏi anh : Nguyễn An Ninh có đi qua cửa chợ Bến thành, có phải thủ tướng Nguyễn Văn Thinh đã chết ở con đường Nguyễn Văn Thinh ? Khám lớn của Phan Văn Hùm nói ở chỗ này, nhưng nhà khám ra sao ? Dĩ vãng, lịch sử đã chẳng được ai nhắc đến cho nghe. Anh chỉ nhớ một lần đi coi triển lãm tại Nhà Văn hóa. một kịch tác gia đi đi lại lại trên tầng lầu nói : Hồi.... gặp ông Nguyễn Tuân ngâm pipe đi đi lại lại ở đây trong một buổi kịch, nay nhà hát đã chẳng còn là nhà hát ; và một lần khác đi coi chớp bóng ở rạp Casino Đa-Kao, một người nói : Thi sĩ Trần Huyền Trân xưa

làm thợ chiếu phim ở đây... Nơi thành nào Nguyễn Tri Phương đã bị thương, Nguyễn Lâm đền nợ nước, nơi nào tàu Pháp bắn súng đại bác vào... Có phải Sài-gòn đã làm mất dấu vết của những trang sử oai hùng ? Có phải vì anh, một người trai miền Bắc, đã chẳng hòa được, sống vào những hào hùng Sài-gòn đã có ? Và cũng vì vậy anh đã chẳng thể hình dung được Sài-gòn mà sớm mai này anh từ biệt ? Hay vì Sài-gòn không có những kỷ niệm đầm ấm thân yêu buộc anh vào với nó ?

Anh còn nhớ gì về Hà-nội. Bao nhiêu điều để nhớ, cổng thành Hoàng Diệu đã tuần tiết vẫn còn nguyên đầu đạn. Gò Đống Đa chất xác quân Thanh từ hơn một trăm năm vẫn sừng sững. Đền Bạch Mã thờ Sấm Nghi Đống mà Hồ Xuân Hương làm thơ đùa cợt được

các chú Ba Tàu hương khói vẫn còn ở đường hàng Buồm, đền Trấn Võ, chùa Trấn Quốc nơi Bà Huyện Thanh Quan, Nguyễn Du vịnh thơ vẫn còn soi bóng trên mặt nước Tây Hồ. Căn nhà 80 đường Quan Thánh, tòa soạn báo Phong Hóa, Ngày nay vẫn còn đó. Đường Ôn Như Hầu, dấu tích một cuộc đảng tranh đẫm máu còn thảng thốt... Nhất nhất, chỗ nào chừng như lịch sử một thủ đô dấu tích vẫn còn nguyên vẹn được nhắc nhở khiến chúng ta không quên. Phải chăng anh nhớ Hà-nội vì những dĩ vãng hào hùng của nó ? Hay bởi nơi đó anh đã sống tuổi ấu thơ và em còn thơ dại quần quít bên anh, một em trong sáng tinh khiết, một em chưa ra đi, chưa có cuộc sống riêng biệt ? Một Hà-nội trái ngược với Sài-gòn trong tâm khảm anh. Bây giờ trong Sài-gòn có em, nhưng em không còn của anh, và Sài-gòn xa lạ, ruồng rẫy anh đã

từ chối, xóa nhòa, lãng quên từ ngay khi chưa từ biệt nó, có phải như vậy anh đã phụ em những kỷ niệm khôn nguôi, phụ Sài-gòn nuôi nấng cưu mang mình?

Có lúc nào em chợt nhớ và ước mong được trở về Hà-nội ? Mỗi kẻ xa quê hương bất cứ vì một lý do gì cũng mong có lúc được trở về, từ một đứa nhỏ phải bỏ quê đi kiếm ăn xa, từ một đôi trai gái yêu nhau vì oan trái rủ nhau trốn khỏi sự thân thuộc (tại sao bây giờ anh lại không rủ em cùng trốn đi ?) Hay những kẻ rời bỏ quê hương vì đời sống tinh thần của họ, ra đi với họ đã có thầm nhủ sẽ trở về nhìn lại cảnh xưa, gặp người cũ mà hàn huyên. Tình quê hương vẫn là một cái gì tha thiết, đầm thắm khó quên. Dân Do Thái bị phân tán, đày ải bao nhiêu năm vẫn nuôi mộng phục quốc. Từ Thức, cái anh chàng phiêu đảng này trong thần

thoại được sống trên cõi tiên cũng còn nhớ làng cũ. Anh mong ước sao chúng ta được trở về Hà-nội sớm chừng nào hay chừng ấy, bởi vì anh sợ cái câu trả lời của một ông già cho Từ Thúc: “Tôi có nghe kể về một ông tổ ba đời có tên như thế đi vào núi và không trở về” sẽ đến với chúng ta một cách tương tự. Và khi ấy, liệu chúng ta có còn ao ước được sống giữa quê hương mà chẳng còn ai thân thích quen thuộc. Quê hương với ý nghĩa một mảnh đất lắm li chẳng là gì cả khi nó không còn ở đó một cuộc sống thân thiết với chúng ta. Trước khi lên đường, một người bạn thân nói với anh: “Sợ lúc yên tiếng súng, bạn bè anh em chết cả, sống một mình chịu không nổi, nên tôi ra mặt trận”. Câu nói mới thoáng nghe, ta tưởng bi quan rồi rồi, nhưng chính ở đó, trong hơi thở, trong mạch máu, thớ tim toát ra nỗi bi tráng của phấn đấu, toát ra

tấm lòng tha thiết yêu thương. Chúng ta sợ một quê hương chỉ còn là một tên gọi vô nghĩa đứng đưng, chúng ta sợ cuộc sống không còn gì để sống. Nỗi kinh sợ đó cũng là phần nào lý do ra đi của anh. Cuộc phấn đấu chẳng có ý nghĩa gì hết ngoài cái ý nghĩa bảo vệ cuộc sống của chính mình và kẻ liên đới. Những ý niệm về tổ quốc, lý tưởng, dân tộc... chẳng còn là gì nếu nó chẳng được làm thành bởi chính cuộc sống của con người, con người dựng lên nó, bảo vệ và sống với nó. Đời sống của anh cũng chẳng còn gì nếu mất em, mất Hà-nội mà không tìm thấy hình bóng của em, một quê hương trong con đường trước mặt. Con người sẽ kinh hoàng biết bao, và liệu có sống được khi nó được biết chắc rằng : phía trước đó không còn có gì nữa. Tất nhiên anh cố để không tin như vậy.

Quyên yêu dấu, chắc em còn nhớ, anh có nói với em, sau này em hãy lấy tên anh đặt tên cho một đứa con của em. Anh chắc sau này em sẽ chẳng bao giờ làm việc ấy. Có phải em còn lo sợ một ám ảnh, em cũng chẳng thể nào quên hết được những dĩ vãng từ trong Hà-nội cũ và những kỷ niệm với anh. Em cố quên thì hình ảnh nào còn sót lại sẽ sống muôn đời, sống trong huyền hoặc, sáng lên le lói trong vòng ký ức. Lúc em đã có cuộc sống riêng, gặp em, anh nói : em hãy sinh con gái và cho anh làm rể. Em nói : kỳ cục. Câu chuyện đùa ấy có lúc làm anh buồn, có phải trong nhiều năm nữa anh vẫn còn một ám ảnh sâu xa về em, cũng như một ám ảnh về quê hương, về Hà-nội?

Giờ này em đang làm gì, Quyên yêu dấu của anh, em có nghĩ đến anh không? Anh nghĩ đến một căn nhà yên tĩnh, một căn phòng ấm cúng, trong ánh đèn đêm em đang thiếp ngủ, để anh cúi xuống hôn từ biệt em trên vầng trán đã không còn phẳng, đã hết vô tư. Em hãy ngủ yên và mơ thấy nhiều mộng đẹp. Từ biệt em, Quyên yêu dấu của dĩ vãng một Hà-nội.

DƯƠNG NGHIÊM MẬU



200 NĂM NGUYỄN-DU

* NHỮNG TIỂU LUẬN CÓ GIÁ TRỊ :

GIẢN CHI. NGUYỄN HIẾN LÊ.
TRƯỜNG VĂN CHÌNH, LÊ NGỌC
TRỤ. NGUYỄN VĂN XUNG. VÕ
HỒNG. PHẠM VĂN ĐIỀU. ĐẶNG
TIẾN ...

* NHỮNG SÁNG TÁC ĐỘC ĐÁO:

NGUYỄN MẠNH CÔN. DƯƠNG
NGHIÊM MẬU. GIẢN CHI LÊ NHÂN
PHỦ. NHẤT ANH.

* TIẾNG THƠ LỤC BÁT :

TRÌNH BÀY NHỮNG BÀI THƠ
LỤC BÁT ĐẸP NHẤT TRONG VƯỜN
THƠ HIỆN ĐẠI.

THƠ CAO XUÂN TỬ

Ngôn ngữ mà một kẻ làm thơ tìm thấy sống như tấm gương hắt cầm trong tay. Nếu có ánh sang, ở đây là tài năng, mọi vật đều sẽ được hắt chiếu qua tấm gương đó. Như thế tất cả đều đã biến đổi. Ngay cả ánh sáng chiếu ra từ tấm gương cũng là một thứ ánh sáng đã biến đổi. Thơ của một người vì thế, có thể vượt thoát khỏi sự kiểm soát của chính hắt nhưng vẫn chói chang cái ý thức chủ quan. Giống như cái tia chiếu từ tấm gương lia nhanh trên sự vật.

Thơ Cao Xuân Tử sáng rõ ở chính các ngôn ngữ được xử dụng một cách hoàn toàn chủ quan đó.

VĂN

mùa thu mơ xứ

chân nhỏ long đong chim trời kiếp
kiếp xanh xao

nỗi vui xa muộn đã phai lời
mí mắt cong vương dây chiều ngủ lại
vàng cây vàng cả miền tôi

bướm tàn bỏ đi không hút nhụy
hoa đốm đen mũi nhắc tên người
gió diều cao mịn và đếm lá xôn xao
gầy thảng nhớ cho bấy cây ngủ lại
lời hứa xưa thoát về trên khuy áo

làn môi hơi mấp máy lấp tên người
đêm sáng sao đêm ngủ ngọt giấc
ngày

nổi ve vuốt hay mãi tìm chỗ đậu

này cỏ gai ời ngỗ trời đau mắt khóc
đan cho tôi móng tay rách rưới kẻ
chân mày

dù cuộc đời bỏ đi chưa hái nhựa
và không gian theo xanh lơ nhả lụa
nhớ trở về cho thơm mùa chim biển
biệt

người yêu ru giấc mạ lúa mượt tóc
mới.

thu ca

bóng tối tranh sáng vây quanh

nước trời thấm mưa ướt mãi

khỏi bờ quê hương lướt sóng khơi
thành

tháng chạp thẳng giềng khóc bờ đá
cũ

rừng chiều khép nép ru chuỗi ngày
mịn xanh

màu xanh mịn màng nâng giấc ngủ

và gió bốc hương hong canh bướm
lạc đàn

thôi — hãy trở về kiếp là lang thang
làn môi khô mòn mất chờ buổi sớm
thu

nâng niu ấp yêu trưa hè bóng cháy
mớ tóc nồng bão cát pha lẫn muối
mù

thôi — hay trở về kiếp chim bạc má
mưa ngâu về gõ cửa trên tim
ngợ ngàng thấm qua lớp áo đời thiếu
ngủ

giấc ngủ anh lồng trong giấc ngủ em.

cỏ yêu

cỏ yêu ơi, cỏ về nghe tim chảy
lời cao xa, lời của mộng trăm sao
ướp cho nhiều giọng mát gửi mây
cao
cho gió nhỏ vuốt tóc đời óng ả

cỏ kết chiều đá ngọc
cỏ say nhòa máng tóc
rời theo tôi lân la sớm tối
thắp đèn cây sao chói rừng dao cắt
xin đừng nhắc lối hẻm thiên đường
vì tình chỉ về trong đêm trăm mặc

và cỏ đàn áo cho người cuối đêm
cỏ yêu ơi — hẹn đôi thu hay đôi xuân
rừng sao thêm rêu đã mọc
hương mây quê hương say mềm
khuôn mặt
dấu tích sao mai chìm trong ngõ tối
sao hôm
và cỏ đàn áo cho người cuối đêm.

CAO XUÂN TỬ

Cỏ heo may Hà-nội

truyện ngắn của Y - UYÊN

Tôi chạy đến thì anh tôi đã bỏ đi. Một đám đông bu trước tiệm nước. Chiếc khăn bàn anh tôi ngời rũ xuống một góc được giữ lại bằng một lưỡi dao ngấp trên bàn. Người đàn bà chủ tiệm mặt tái xám, đứng chôn chân trước quầy hàng, tay nắm chặt mấy tờ giấy trăm thật mới. Mấy người nữ chiêu đãi đang cúi xuống chân bàn lượm các mảnh vỡ, hốt đồng bún bò lẫn mùi la-ve, lựa những chiếc nem nhớp nháp như bị mưa lên. Tôi quay trở ra, không có ý đi tìm gặp anh tôi, nhưng tôi cũng không về nhà. Thấy mẹ tôi chắc sốt ruột lắm.

Tôi ghé lại nhà cô út tôi. Cô hỏi :

– Anh cháu về chưa ?

Tôi đáp :

– Anh ấy đang ở trên đường về nhà.

Cô tôi lạ lùng :

– Cháu nói gì kỳ khôi, cô không hiểu.

Tôi lại bên chiếc đôn sứ góc nhà văn nhạc.

– Thấy thầy mẹ cháu, các cô chờ anh ấy hoài, có vẻ quan trọng, cháu cũng nói vậy cho có vẻ quan trọng.

Cô tôi bật cười, bổ cho tôi một trái táo. Chú tôi chưa về. Nhà đã bật điện. Một đứa tớ gái lên hỏi :

– Mợ dùng cơm bây giờ hay chờ cậu cháu ?

Tôi bảo cô tôi :

- Cô cho cháu ăn cơm tối nay.
- Cháu không gấp chứ ?
- Không.

Cô tôi bảo đưa tứ gái :

- Thôi chờ cậu mày về cùng ăn.

Hai cô cháu tôi ngồi đối diện nhau.

Tôi nói :

- Cho phép chịu đoãi chân cho đỡ mỏi.

Tôi dựa lưng vào băng ghế, hai chân đoãi dài trên mặt đất. Cô tôi ngồi lọt trong ghế, nom cô mập và lòng ghế hẹp hẳn đi.

- Đám giỗ hoãn lại một ngày là phải.
Anh cháu về kịp

Cô tôi nói như thầy mẹ tôi. Nhưng tôi không dám cãi. Tôi bảo mẹ tôi anh tôi sẽ không vui khi biết đám giỗ hoãn lại chờ anh. Mẹ tôi giận :

– Anh con nếu có lớn vớn trong đầu một đám giỗ, là đám giỗ anh ấy.

Cô tôi đoán được tâm trạng tôi, phân giải :

– Anh cháu về đúng ngày giỗ đủ mặt họ hàng, tết đến nếu làm biếng, không đi thăm bà con cũng được.

– Cô nói có lý.

Tôi nói nhưng thấy cô tôi không đúng. Anh tôi đâu có sợ làm phiền họ hàng bao giờ. Nguyên đời sống của anh đã khiến anh ít lên lạc với bà con, hưởng hồ anh lại tự biệt lập với tất cả. Một lần đã lâu anh bảo tôi :

– Thà vợ vất trong thực tại này còn hơn dựa vào những ung thối đã qua mà sống với một bình yên giả tạo.

Tôi không ưa những bất mãn, nổi nóng nhằm làm nổi mình hơn nhằm một biểu lộ cần thiết, nên tôi rất chịu anh tôi. Nghe anh nói, tôi giữ sự lễ phép của người em thụ huấn huynh trưởng.

Tối, chú tôi về. Hai chú cháu vừa ăn vừa nói chuyện – đúng hơn, tôi nghe – Tự Tình Khúc của Cao Bá Nha, mặc cảm dốt của một ông tướng đã thất thế, và Cô gái Đồ Long. Chú tôi kêu Kim-Durg là một thiên tài. Tôi thêm “một thiên tài viết kiếm hiệp”.

Chú tôi nhỏ hơn, thấp hơn cô tôi. Có lẽ vì vậy chú hay tỏ ra oai quyền với vợ và bọn học trò mà chú tự hào sống gần được tâm trạng chúng.

– Bọn chúng sinh nhằm cái xã hội này như những con ngựa bứt cương. Phải có đời sống bứt cương mới trị được.

Thì ra chú tôi là người “bứt cương”. Nói chuyện với chú, tôi vẫn có ngạc nhiên những đột ngột vì biết thêm một sự lạ ở chú như thế. Có lần chú nói đến những kẻ xoay như con thò lò sáu mặt, tôi hết hiểu nổi chú.

– Cháu có thấy bây giờ người ta đọc nhiều kiểm hiệp là để quên đi những cái đùi rời bỏ, những cái đầu chó tha trên một bãi trận, những vụ đảo chính... trên mặt báo mà dù muốn dù không mắt người ta cũng lướt phớt qua ?

Tôi đáp :

– Người ta đọc kiểm hiệp, còn nói viết và suy nghĩ về kiểm hiệp.

Tôi cười :

– Vừa rồi, chú có viết một bài về Trương Vô Kỵ ? Những anh hùng dự tưởng hay nổi khát vọng trăng sao ?

Chú tôi lắc đầu. Lắc đầu vì tôi cười, không vì từ chối.

– Bây giờ không ai có quyền sống xa đời sống đông đảo quanh mình.

Tôi xin cô một ly nước lọc uống rồi chào cô chú tôi về. Cô tôi đưa tôi ra cửa bảo tôi :

– Sáng sớm mai cô sẽ lên. Tết nhất đến nơi, nghỉ buổi nào thiệt buổi đó, nhưng ngày giỗ ông cha ai mà dám quên, không tư tưởng tới ?

Tôi kêu xe xuống Phú-lâm. Người bạn tôi – tên Thường đang ngồi đôn ở

vườn hoa sau nhà. Tôi bước dọc theo hiên sau, xuống con đường nhỏ đá sỏi. Mùi dạ lý hương sực nức. Thường ngồi trong tấm ghế nhựa đặt vào một lối rẽ nhỏ. Thường nằm tay tôi :

- Lâu lắm mới thấy bồ.
- Lâu lắm mới gặp lại anh.

Tôi đỡ cây guitare hawaiiienne cho Thường vào nhà lấy thêm ghế. Mặt trăng còn một vành nhọn nhưng đủ sáng những nồn mây trôi ngang trên vườn. Hàng dừa cuối vườn lòa xòa, lấp lánh ánh sáng tinh tú. Thường trở ra đặt hai chiếc ghế sát nhau :

- Cùng nhìn vành trăng muộn chiu chứ ?
- Chiu.

Thưởng đưa cho tôi một gói thuốc
Mỹ :

– Hút thuốc xem ?

Tôi từ chối :

– Hút thuốc tôi ít hút từng điều. Mà
hút liền một lúc bao thuốc của anh, đêm
ngủ nhức đầu, mơ gớm lắm.

Thưởng cười:

– Mơ gớm cũng bùng mắt dậy một
cái là hết. Sự thực còn nhiều cái gớm hơn
nhiều. Nếu không hút thuốc, hết còn gặp
những cái gớm ghê, cả Việt-nam sẽ từ
thuốc hết. Kể cả những đứa nhỏ đi đêm,
đốt than đầu thuốc là là trên mặt đất.

Chúng tôi ngồi hút thuốc. Con
đường nhỏ lộ hắt giữa những thân cây
thấp. Tôi bảo Thưởng cho nghe bản

“Đêm tàn bến Ngự”. Thường vượt trên phím đàn, hai gò vai rung và nhấp nhô. Tôi nhìn bầu trời cuối năm, thấy bầu trời cao nhưng vẫn quen thuộc. Trước kia tôi vẫn nghĩ hết tuổi lãng mạn, hết còn ưà trông trời. Nhưng tôi chỉ có cảm tưởng mình mình không yên tâm mơ mộng, còn bầu trời mây và trăng sao tôi vẫn ham. Có lẽ nào tôi như chú tôi, không còn biết nói về điều gì gần gũi để đến độ phải lục chống kiến hiệp của con cái truy nguyên ra ông Kim-Dung thiên tài : “Bây giờ không ai có quyền sống xa đời sống đông đảo quanh mình”. Chú tôi quả đã quá khôn khéo và thích ứng tự nhiên như thuyết của Darwin. Thực ra chú tôi không hề “bút cương”. Tôi nghĩ. Chú tôi vẫn là người tha thiết và nhiệt thành. Ở Hà-nội, tránh đám người làng quấy quả vì chuyện tị nạn, chú lên làng Bưởi mắc võng đọc Mark, vào Sài-gòn chú tin ông

Diệm như người tạo cơ hội cho những nhân tài tham gia việc nước, những thí dụ trong khi giảng bài, một nửa số thí dụ về đời ông Ngô. Từ ngày ông Ngô đổ, chủ sinh ra nghi ngờ tất cả chuyện xưa lẫn chuyện nay. Chú bảo chú đã bị anh em nhà Ngô lường gạt. Chú thôi không tham gia mấy đoàn thể của bộ Giác-dục. . Chú viết báo văn hóa trình bày nỗi nghi ngờ của mọi tầng lớp, viết về Trương Vô Kỵ với những danh từ triết học lẫn chơi. Chú vẫn nhiệt thành và vẫn đơn giản dù có muôn ngàn rắc rối do mình tạo ra. Dù mọi nghi ngờ phong phủ, mọi thắc mắc về nhân sinh của chú đã làm cho một học sinh muốn xin làm một tên đầy tớ để tỏ cái ân đã có người hiểu được lớp trẻ mình, chú vẫn bị cô tôi nhìn như một người dễ nổi nóng vì một đôi đĩa lau không sạch.

Gió càng về đêm càng mạnh. Trăng đã bị mây che kín. Bầu trời còn sao và hỏa châu. Chúng tôi im lặng trong ánh sáng chao chát hồng rực trên các cành cây trong vườn. Thưởng đờn lại bản “Đàn chim Việt”. Tôi đứng dậy vươn vai, hít mạnh mùi dạ lý hương. Thấy nhức đầu ngáy ngất, tôi bảo Thưởng :

– Mình đi ngủ là vừa.

Thưởng chiều ý tôi mắc màn ra hiên ngủ. Tôi thiếp đi tai vẫn mơ màng tiếng Thưởng. Lúc tôi tỉnh dậy, đầu tôi vẫn nặng, Thưởng đã ngáy đều. Tôi lại ngủi hương thơm dạ lý. Chắc anh tôi đã về nhà. Ngày mai có thể lại lăm chuyện lộn xộn. Tôi hình dung đến bữa cỗ như hình dung đến một thế giới đàn bà. Thế giới ở bên tôi từ bao giờ. Tôi đã sống đã vui và cũng đã có lần buồn vì một người đàn bà trong thế giới đó. Nếu gạt bỏ được ý nghĩ

nhớ đến Hà-nội là một trạng thái tinh thần suy nhược trước hiện tại khô cằn, tôi có thể nói tôi nhớ đến thềm Hương như một người đàn bà đưa tôi ra khỏi thành phố của thời thơ ấu.

Dạo đó Điện-biên-phủ đã tới hồi ngã ngũ. Thấy tôi lúc đầu còn tin năm cửa ô Hà-nội vững hơn những dãy núi quanh lòng chảo Điện-biên, vẫn còn nuôi ý định ở lại, với bác sĩ Hoàng-Cơ-Bình. Về sau, lúc đã nao núng, thấy tôi thấy Hà-nội quá xa cửa biển quá xa những con tàu vào Nam, gia đình tôi lật đặt xuống Hải-phòng. Đúng ra, gia đình tôi lúc đó đã chia hai. Chuyện di cư chưa nghe ai nói tới. Ông Ngô có được gia đình tôi nói tới cũng chỉ vì mấy câu khẩu hiệu viết ở nhà thủy tạ hồ Hoàn Kiếm : “Cụ Ngô thống nhất sơn hà ; Già Hồ chia xẻ nước nhà làm đôi”. Thấy tôi là tộc trưởng, gia đình

tôi lại không được khá như mấy bà cô tôi, nên chuyện chia hai gia đình lúc đó có vẻ hợp lý. Tôi, đứa em trai út và thầy tôi là những người sẽ vào Nam. Anh tôi với mấy đứa em gái và mẹ tôi sẽ ở lại, về làng phụng dưỡng bà nội tôi. Ba cha con tôi xuống Hải-phòng vào những ngày Hải-phòng nắng gay gắt nhất. Chúng tôi ở nhờ nhà một bà cô họ chờ nghe ngóng tình hình rồi mới đi. Suốt ngày thầy tôi đi gặp mấy người bạn nhờ họ giúp ý kiến. Tôi và đứa em hết ra tiệm sách kế bên rạp Kim.Chung mượn truyện về đọc, lại ra sau bếp nhìn qua hàng kẽm gai đến những con tàu vào ga. Người cô họ tôi, tuy chiều chúng tôi, ít muốn chúng tôi ở bên mỗi khi cô mở đài Thái-nguyên nằm trên giường nệm nghe : Chồng cô kháng chiến, cô chờ đón trong nỗi sung sướng bị kìm hãm. Một hôm có người trong Nam gửi ra cho cô một giỏ trái cây, cô bỏ

cho anh em tôi ăn rồi bảo :

– Tao vẫn mong chú chúng mày về để ăn măng cụt. Nhưng chú mày mà về tới đây. Nam Bắc thành xa lạ rồi còn gì. Chúng mày vào trong đó mặc sức mà ăn.

– Thầy cháu định vào Nha-trang gặp mấy người bạn rồi mới thuê xe ngựa qua sa mạc vào Nam.

Tôi nói, cô tôi nghe, có vẻ buồn. Cô hỏi :

– Anh em mày có nhớ mẹ mày không ?

Thằng em tôi khóc. Tôi nói :

– Không nhớ.

– Mày lớn rồi có khác. Ở làng, mày lấy vợ được rồi đó, cháu ạ.

Cô tôi tùm tùm cười. Tôi ngượng đỏ mặt. Những lúc có cô ở nhà, chúng tôi có những phút khuây khỏa như vậy. Cô tối đi khỏi, cửa nhà ngoài đóng im ỉm, hai anh em tôi vừa lạc lõng, vừa sợ hãi. Những lúc đó nếu ra sau nhà, nhìn những con tàu thì nhớ nhà thêm, nếu ngồi trong phòng thì bị con ở của cô tôi dọa nạt. Nó thường trợn mắt hỏi tôi :

– Sao bố con mày đại thế ! Hòa bình đến nơi còn kéo đi, Việt-gian hả ?

Tôi chửi nó, nó túm lấy gáy tôi tát như trời giáng. Thằng em tôi vừa khóc, vừa cào cấu nó trợ lực với tôi. Nó đá thằng bé sưng đùi, trầy ngực. Sau mỗi trận đánh, nó dọa :

– Chúng mày mà mách bố mách cô chúng mày, tao nhổ đờm vào thức ăn cho chúng mày ăn.

Lời đe dọa của nó làm chúng tôi sợ, tìm cách nói dối cô tôi, thấy tôi về nhưng về những vết tích do con ở gây ra. Một hôm thấy tôi về báo tin sẽ trở về Hà-nội rồi cả gia đình sẽ có máy bay vào Nam. Tôi chạy xuống bếp bảo con ở :

– Tao lại về Hà-nội đây. Mày có già đời cũng không bước chân được lên cầu sông Cái.

Con bé hùng hổ toan tóm lấy tôi, tôi chạy lùì vào nhà, trở mặt nó :

– Hai năm nữa thống nhất, mày chết với tao.

Chúng tôi đi một chiếc traction về Hà-nội. Qua cây cầu treo, tôi ngoái đầu lại thấy thù Hải-phòng. Dây Đông-triều trùng điệp xa lạ và thần tiên. Qua Hải-dương, những làng hai bên đường phát

phối những lá cờ đỏ sao vàng. Lúc đó tôi mừng vì được trở lại nhưng bắt đầu thấy mình đang quay về thành phố buồn, thiệt buồn. Tôi thoáng nghĩ đến chuyển xe ngựa cha con tôi định thuê băng qua sa mạc. Lúc đi, tôi không kịp thấy mình xa Hà-nội, lúc về, tôi thấy mình đang mỗi lúc một gần tháp nước khổng lồ nhiều bóng tối ở đầu hàng Đậu, đang gần những gầm cầu, những vườn bông và ga hàng Cỏ. Xe qua cầu. Tôi nghĩ giá được xuống xe chạy trên đường dốc dẫn xuống chỗ máy nghiền đá, chắc tôi sẽ có lại cảm tưởng khi về làng bước vào khu sân gạch bát tràng đen như da trâu.

Về Hà-nội, thấy tôi nghĩ ngay đến chuyện nhân người về làng mang bà tôi ra. Làng tôi đã bị chiếm. Có vài người trốn ra chờ di cư. Sau một đêm bàn tính với mẹ và anh tôi, mọi người chọn thím

Hương là người sẽ đưa bà tôi ra. Bà tôi vốn thương thím sẽ khó mà từ chối khi thím ngỏ ý mời bà đi Hà-nội. Thím lại có mấy người anh bộ đội, chắc chuyện ra khỏi làng cũng đỡ gặp khô khăn. Nhấn người về rồi, cả gia đình tôi chờ đợi. Riêng tôi, tôi thấy mong gặp lại thím Hương một lần cuối trước khi vào Nam.

Thím Hương có nước da thật trắng, thông minh và viết được đơn thuốc bằng chữ Hán cho chồng dặt vào túi đết khi chú tôi hết phép về cưới vợ. Tôi còn nhớ ngày cưới, chú nhất định mặc đồ quân đội đi rước dâu. Bà tôi đã giận dữ mắng chú :

– Bao giờ hết đánh nhau, vợ chồng mày sống khuất mắt tao, muốn làm gì thì làm. Bây giờ mày làm thế, người ta chửi vào mặt tao. Người ta lại bảo thời thế đảo điên, luân thường lộn ngược vì

bọn lính trắng chúng bay.

Chú Hương vốn thương bà tôi, thấy mẹ vừa giận vừa chực khóc, đành ậm ừ gượng gạo xỏ hai ống tay áo màu phân ngựa vào tấm áo the cũn cũn không che nổi hai ống quần kaki chật ống. Buổi chiều chú Hương đi, thím Hương không đưa tiễn, cầm cùi cầm cái chổi mo quét từng góc sân sạch. Tôi chưa ra Hà-nội, móc túi lấy từng cục pháo xiết, tung lên cao cho rớt xuống sân nổ lép lép. Thím Hương chốc chốc lại ngừng nhìn tôi cười gượng. Thím kêu điếc tai, kêu Hà-nội vui, kêu lá cây bưởi với cây táo ở ngoài bờ ao bay vào quét mỗi tay vẫn không sạch. Tôi bảo thím :

– Tết này thế nào chú cháu cũng về.

Thím lại cười. Nụ cười thím tinh như bóng thím lẩn khuất bên trăng tường

hoa trước cổng, bên những trụ gạch gắn những hình rồng phượng bằng những mảnh bát vỡ. Tôi ra dưới gốc táo, cầm sào khua lắc các lên các cành cây, lấy ít quả đưa các thím. Thím chùi từng trái táo vào ống tay áo, bảo tôi :

– Lớn lên chắc cháu đỡ khổ hơn chú cháu.

Tôi về Hà-nội ít lâu, thím Hương mang mo và lá dong ra cho gia đình tôi và mấy người cô gói giò gói bánh. Buổi chiều, thím dẫn tôi đi mua một tấm foulard, một cuốn truyện Kỳ-Phát rồi dẫn tôi vào rạp Bắc-Đô coi phim “Về miền Tây” có Roy Roger.... Lúc về qua gầm cầu hàng Giấy, thím mua máy khoan bánh chúng rán về cho mấy đứa em tôi. Sáng hôm sau thím về từ lúc ngoài phố vẫn còn chập chờn ánh đèn của những người đổ thùng, Tôi chít khăn foulard đạp xe ra

đầu phố kêu xích-lô rồi tiến thím ra bến Nứa.

Hồi chú tôi chết mất xác ở Điện-biên-phủ, đường từ chỗ xe hàng đậu dưới cây gạo chắn đê về làng tôi lúc nào cũng có một bọn con-măng-đô hợp với phòng nhì đón người lột tiền, hăm hiếp, nếu chỉ có thấy mẹ tôi và các cô tôi nhờ một người vợ lính đưa về. Tôi nhớ mẹ tôi đã thuật lại bà tôi chửi chú tôi bất biểu đến hết cả nước mắt. Cũng từ đó, làng tôi thành xa xôi. Bà tôi và thím Hương thỉnh thoảng được một người buôn bán xuôi ngược, gặp thấy mẹ tôi nhắc tới.

Thím Hương đưa bà tôi ra vào buổi sáng chủ nhật. Căn nhà gia đình tôi ở tạm lộn xộn những đồ đạc. Bà tôi bảo thấy tôi nhiều bạn :

– Chúng mày cứ an tâm mà đi. Tao

ở lại với con Hương. Mẹ con tao ra thăm chúng mày một lần cuối rồi chiều nay về làng.

Thầy tôi gắt :

– Bà muốn nó sống tới già với bà sao ?

Bà tôi cương quyết :

– Nó như con gái tao. Rồi ra tao sẽ gả chồng cho nó.

Khi các cô tôi tới khuyên dỗ, bà tôi xoay chiều :

– Tao vào Nam, con Hương cũng đi với tao.

Thầy tôi giận mặc quần áo bỏ đi. Có út tôi nhỏ nhẹ :

– Kể là mẹ mang chị ấy đi cũng chẳng

sao. Nhưng còn thầy mẹ, anh em chị ấy ở lại, mình cố tình mang chị ấy đi, chị ấy cũng khổ, họ hàng chị ấy cũng buồn, mà mình lúc nào cũng phải nghĩ ngợi.

Các cô tôi mỗi người một điều, bà tôi nghe họ, khóc ròng. Tôi bảo thím Hương :

– Thím ra hồ Ha-le (Thiên-quang) với cháu một lát, xem mẹ cháu có bán được nhiều chưa.

Thím ngần ngại nhìn tôi :

– Cháu không biết bao giờ mới gặp lại thím, thím cho cháu đi chơi với thím chiều nay.

Thím lấy nón, lại bảo bà tôi :

– Con ra hồ xem chị Cả bán bàn ghế một lát.

Tôi và thím đi về phía hồ. Bờ hồ ngổn ngang những bàn ghế, giường tủ.... Người bán nhiều hơn người mua, nom vội vã, nhẩn nhó. Người ta câu bừa cá ở hồ lên, mặc mấy người cời trần từ trong nhà thủy tạ đi thuyền ra quét măng. Đám người coi câu cá la ó trả lại đến lúc chiếc thuyền quay vào mới thôi. Họ đứng dung nhìn những người đứng bán đồ đạc, bàn tán với nhau về cái chết của Đỗ đình Đạo, về mấy chiếc G.M.C thì nhau đâm vào khu Khâm-thiên.

Mẹ tôi đã bán gần hết các thứ mang ra, đang ngồi ngơ ngẩn trên mép cái bàn còn lại. Thím Hương nói với mẹ tôi ít câu rồi giục tôi về.

– Về nhà bây giờ buồn chết, thím cho cháu đi coi chớp bóng một lần cuối.

Thím Hương thở dài. Những con

đường từ phía hàng Cỏ ra bờ Hồ thật vắng. Những ngôi nhà tây cổng đóng im ỉm. Nom vào sân nhà Đầu Xảo thấy rộng mênh mông. Bờ hồ. Rạp Moderne vắng người. Thím tôi mua vé, tôi ngắm hình Victor Mature mù hai chân bị xiềng đẩy cái cối xay.

Lúc về, hai thím cháu tôi lên Khâm-thiên, dặn xe hàng sớm mai ghé qua nhà đón. Thím Hương bảo tôi:

– Lớn lên chắc cháu đỡ khổ hơn chú cháu.

*

Anh tôi đã về nhà. Lúc tôi trở về, mấy người cô tôi đã tới đông đủ. Bàn thờ đầy hoa quả, bánh trái. Mẹ tôi đang tẩy mực, thấy tôi, mẹ tôi ngừng lên rồi lại cúi

xuống. Tôi bỏ vào nhà, nghe có tiếng mẹ tôi vọng theo :

– Con với cái, hư đốn hết cả.

Tôi lên lầu. Anh tôi đang ngồi đánh bài với mấy đứa nhỏ.

– Anh về bồi nào ?

Tôi hỏi và thay quần áo.

– 12 giờ đêm qua.

Anh tôi ngồi chính ình giữa giường nệm, át hẳn mấy đứa nhỏ. Mắt anh mờ hơn trước, râu anh lởm chồm khắp má. Tôi rất khó hình dung lại hồi anh còn cắp sách, những cuốn triết hoặc cần cù tô từng nét chữ Hán cho đậm nét.

– Hôm qua chú đến tiệm nước kiếm ta ?

– Không.

Anh tôi đứng dậy, vươn vai, người anh nhún nhảy trên nệm.

– Ta chờ chú về đi ăn sáng.

Bọn trẻ reo lớn :

– Phở Tàu Bay nghe anh ?

Anh tôi quờ chân vào gầm giường kiểm đôi giày :

– Ờ ờ, phở Tàu Bay.

– Đi tắc-xi cho lẹ nghe anh ?

– Ờ, thì đi tắc-xi.

Tôi hơi ngượng vì tiếng đáp của mình. Tôi bảo anh :

– Phở Tàu Bay đông lắm, làm sao lên nổi.

– Đông thì găng chờ chờ sao.

Bọn trẻ lại reo. Chúng đun đẩy nhau theo sau anh tôi bước xuống cầu thang. Rửa mặt xong, anh bảo mẹ tôi :

– Trưa nay con mắc kẹt xuống Thủ-
đức thăm một người bạn. Mẹ nhớ để
phần xôi chè cho con.

Mấy người cô tôi cười ồn ào. Cô út
tôi nói :

– Lính gì mà như con nít. Nếu sợ mất
phần xôi chè, đi chơi làm gì nữa. Ngồi
canh bên bàn thờ, chắc ăn.

Mẹ tôi như biết chúng tôi ưa sinh
chuyện, cãi lý, bao giờ cũng thông thả
trả lời. Về thông thả của bà vừa bắt chúng
tôi phải kìm lại nổi hổi hả hoặc nóng
nảy, vừa khiến những lời bà nói thành
rõ ràng bên tai chúng tôi. Bà cũng muốn

tỏ ra không quá chú trọng những quyết định của con cái tuy lúc nào bà cũng ngầm đặt trong đầu chúng tôi bà là người có những quyết định sau cùng. Những phỏng đoán này không cần thiết cho tôi. Những việc làm theo ý bà hoặc trái lại, tôi đều làm trong im lặng, thản nhiên. Tôi vốn sợ những ồn ào co rút lại thành những tiếng động rời rạc rơi thêm vào đời sống eo xèo của mình. Nhưng anh tôi thì không. Anh ưa gây gổ với bà như thể đó là một hình thức để biểu lộ mình còn có gia đình, còn được sống giây phút với gia đình. Anh cãi cọ với bà cả những lúc anh muốn trêu chọc bà. Mẹ tôi cả những lúc đó cũng dễ giận con. Bà khó lòng bỏ được ý nghĩ mọi người trong gia đình này đã sinh nhằm vào những ngày giờ xung khác. Trước kia tính nghiên khác của bà nhằm bao bọc hạnh phúc cho con cái, mặc dù những đòn roi của

bà chúng tôi cũng nhìn thấy con mắt dịu dàng. Bây giờ, hạnh phúc đó không còn thuộc về bà nữa. Cũng không thuộc về chúng tôi như một độc lập được giành giật. Tính nghiêm khắc của bà trở thành một cái vỏ ốc rỗng ruột. Chúng tôi nhìn cái vỏ ốc đó, mừng tưởng có hồi mình được sung sướng.

– Không đi đâu cả. Mà về ăn giỗ hay mà về và để đi thăm bạn ?

Mẹ tôi nói. Anh tôi cười lớn :

– Máy thứ vật đó đâu có đáng công xin phép nghỉ.

– Mà kiêu bạc vừa vừa chứ ! Con trai mà cãi lại mẹ, mà chưa thành nhân đâu, con ạ.

Anh tôi có vẻ ngượng, nhưng vẫn cười :

– Giỗ chạp là phần của mấy bà ăn nhằm gì tới tụi con trai.

Dứt lời anh tôi quay trở vào. Con giận của mẹ tôi đã tới lúc hết kìm nôi, bà vút mấy con mực xuống chậu nước bắn tung toé, đứng dậy :

– Mày định xức với cả mẹ mày nữa đấy hả ? Mày không sợ người ta chửi vào mặt mẹ mày sao ?

Anh tôi yên lặng vào nhà châm thuốc hút, chờ mấy đứa nhỏ thay quần áo.

Chúng tôi đi ăn phở rồi sang cà-phê Nhân uống. Anh tôi nói:

– Tao chán cái cảnh này lắm rồi. Bao nhiêu năm nay vẫn những bộ mặt ấy, vẫn những câu chuyện ấy quanh đám giỗ ấy. Tao không muốn về nhà cũng vì vậy.

– Đằng nào mọi việc cũng coi như đã xong. Anh nói, mẹ buồn.

Tôi nói gượng gượng. Tôi vốn ít muốn thuyết phục người khác, và không ưa nghe người khác thuyết phục mình.

– Không ai giận gì mấy người đàn bà...

Anh tôi lắc đầu với một thằng bé đánh giấy. Tôi cười nhớ lại câu chuyện nói với chú tôi tối qua.

– Nhưng đời sống của những người ... vào với họ, thật hồng.

Tôi nóng mặt :

– Anh nói ôm đồm quá.

Anh tôi nhú mắt. Mắt anh nhìn sắp nhưng tôi vẫn bắt kịp cái quắc sáng của anh chạm mạnh vào mắt tôi.

– Tao không nói tuyệt đối. Tuyệt đối chỉ có ở giảng đường, ở những thằng cổ chấp, không có trong sinh hoạt. Có lẽ nào chú lại không hiểu tao nói gì, nói đến những ai.

Anh tôi nói như một người bị ám ảnh, không cần biết câu nói của tôi có ăn nhằm gì với nỗi thôi thúc ồn ào trong người anh.

– Tao không chịu được những bộ mặt trí thức thất bại lộ ra cả trong việc theo vợ đi ăn giỗ, nói chuyện thời thế và Hà-nội. Họ khôn khéo ăn nói những thứ mọi người đang thích ăn thích nói để che lấp nỗi nhớ tiếc vốn là mầm sống của họ. Họ không nhớ một mình Hà-nội, cũng không nhớ Hà-nội như tình cảm của một chiến bại, hoặc cao hơn, một nỗi nhớ cần nhiều cố gắng thực tại để bù đắp sự thất bại còn dây dưa chưa biết đến bao

giờ. Họ còn thương nhớ cả những nếp suy nghĩ của mình nữa. Trước tình thế này, họ nên khuất mắt, đừng luẩn quẩn bên chân những người vừa mới lớn lên đã phải nhào vào chống đỡ những sụp đổ do họ gây ra.

Tôi yên lặng nghe anh tôi nói. Những lời anh nói, nghe thật quen thuộc. Chỉ còn vẻ nóng nảy dồn dập vẫn là của anh. Không bắt được khối nóng đó, không nhìn anh, tôi chẳng còn gì để phân biệt mình đang nghe anh hoặc một người bạn nào đó. Những lúc xa anh, nghĩ đến anh chốc lát, khối nóng đó cũng hiện ra kèm theo. Lúc thoát bắt gặp, khối nóng nồng nàn lôi kéo cả những khó chịu đã qua của tôi. Nhưng trong một lát, khối nóng chỉ còn trong ý niệm, thoát hẳn những màng tượng của cảm giác, anh tôi cũng tan biến theo. Khối nóng, dù tôi

có nghe ngóng, chờ đón cũng vẫn loăng đi, mặt mũi, hình dạng anh tôi, dù tôi cố tìm một điểm. đặc biệt, như cái nốt ruồi ở xế bên mũi, con mắt kéo dài, gãy góc ở gần đuôi để suy ra toàn thân anh, cũng không hề hiện rõ. Nhưng anh tôi lại có ý luôn luôn muốn xây đắp cá tính. Anh biết chọn chi tiết để tự mô tả. Lưỡi dao ngập trên mặt bàn, “mười hai giờ đêm qua”.

– Nếu gạt bỏ phương tiện ưu thế, lúc này không ai có quyền buộc tội ai. Ai cũng muốn giành giật tuổi trẻ cho mình, dù tuổi trẻ đó quá bận rộn về nhan sắc mình chẳng nữa.

Tôi nói. Anh tôi nhìn tôi chờ tôi tiếp hay đo lường nhiệt tình của tôi lộ trên mặt tôi.

– Không phải vì vậy mà thái độ nghi ngờ có chỗ đứng tốt. Nên thành thực để thấy nhau dễ thương hơn trước phút có người gục ngã.

Anh tôi uống, nhắm mặt. Tôi đẩy cho anh đĩa đường. Anh trút hết vào ly, khuấy mạnh. Anh uống một hơi, trả tiền rồi kéo chúng tôi ra khỏi tiệm. Trời gay gắt, không một dấu hiệu tết sắp tới.

– Chú đưa tụi nó về.

Anh tôi nói và ngoắc một chiếc tắc-xi.

– Anh không về ?

– Chiều tao về. Tao không muốn nhìn những bộ đồ lớn ngói chật nhà nói chuyện bằng cấp và Hà-nội.

Tôi bực mình :

– Anh cố chấp quá. Nói đến Hà-nội không là một cái tội.

– Hà-nội có làm thầy mẹ quên được tao đi lính không ?

Mấy đứa em tôi đã mở cửa, lên xe. Tôi bảo anh tôi :

– Hà-nội có đầy rồi. Nhiều đêm thầy mẹ nhớ anh, nghe nghóng không ngủ được. Thầy mẹ dậy nói chuyện Hà-nội.

Một quân nhân cười chiếc Vespa chạy bên kia đường, thấy anh tôi, chạy chậm lại.

– Thăng hôm qua gây lộn với tao đó.

Anh tôi nói, giơ tay vẫy, chạy xuống đường. Tôi bước lên xe, thấy anh tôi ngồi đằng sau người nọ chạy về phía Sài-gòn. Tôi nghĩ tới nay sẽ rủ anh tôi xuống ăn mì . . . Tôi nhớ tới thím Hương. Nỗi nhớ

của tôi không vì một chiều mùa đông mua bánh chưng rán ở gầm cầu hàng Giấy, không vì tháp nước sừng sững đầu hàng Đậu, không vì những chiếc lá táo, lá bưởi rơi đầy sân, rơi suốt buổi chiều chú Hương ra đi. Tôi nhớ tới thím vì không hiểu có lần nào thím nói với anh tôi :

– Lớn lên chắc cháu đỡ khổ hơn chú cháu ?

Những ảo tưởng về tương lai tuy chưa xót nhưng bao giờ cũng đáng phần khởi hơn những ảo tưởng về những chuyện đã qua, dù đẹp nhưng tính và chết như bóng thím Hương trên bức tường hoa, bên những trụ gạch đất hình rồng phương bằng các mảnh sành mảnh sứ.

Y UYÊN

ĐANG IN :

Lá rụng về cội

Truyện của TRẦN CHÂU HỒ

Bìa của TRẦN CAO LĨNH

Màn Ảnh xuất bản

về thăm tuổi nhỏ

NHÃ CA

*Mùa hạ đông đưa những chiếc cánh
dài trên cánh đồng*

Gió đã mang đi xa những cọng rơm

*Và cây sầu đông với đôi mắt kính già
vẫn soi những ổ chuột bỏ trống*

*Tổ chim cũng không còn, đôi vợ chồng
chim thở than*

*Trên xác thân mùa hạ, cánh đồng khô
giọt nước mắt không thở, không nói năng,
không nhìn ngó*

Đó là lúc tôi về

vô cùng ngỡ ngác.

Tuổi thơ tôi cũng từng băng cánh đồng
Như vì sao vùi trong mình đêm
tối vùi kỷ niệm trong cọng rơm khô
Và dầm mình trong giọt nước mắt của
ruộng đã chìm mất
đã khô trong một trời nhòa máu
Nhưng nơi khu vườn còn đủ mặt tất
cả
Những cọng rơm khô, giọt nước mắt
của ruộng
Vối là vàng, của mục và giẻ rách
Đang dần thành một ngôi mộ cao
Có khô kết tên cô bé
Tên cô bé mảnh mai và tội nghiệp

*Làm cho tất cả đều bao quanh khóc
lóc*

Gió không ngừng kể lẽ dài dòng

Bầy mối thì đùn mãi và khóc mãi

Dế mèn cử nhạc buồn

Còn cây hoàng lan úp mặt nước nở

Tôi đứng nhìn và hỏi, hỏi mãi

Không một ai nhìn tôi

Không ai nói

*Tôi nhìn ngôi mộ hoang và vòng tên
kết cỏ khô,*

dấu tích của bạn bè xót xa con bé

*Con bé thì đâu còn nữa, chỉ còn cái
tên*

khô cứng

*Rồi trong đất đen, tiếng vó ngựa của
chàng*

hiệp sĩ lóc cóc

*Cũng như những lông chim, những
hạt mận, những viên sỏi với móng tay cầu
bần mà cô bé đã đưa lên miệng cắn rồi
nhả ra*

Bây giờ biến thành ngọc thạch

lóng lánh mà không ai đào thấu.

Chúng tôi về khóc mãi

Bây . . .

Chúng tôi sẽ nằm sấp mũi
cây hoàng lan nổi
Chúng tôi sẽ bay quanh mãi
lũ bướm và con chuồn chuồn cùng nói
Chúng tôi sẽ đàn mãi
Bầy mối và giẻ rách nói
Và chúng tôi sẽ lóng lánh mãi
những hạt mận, những lông chim nói,
những viên sỏi cũng nói.

Còn tôi, tôi đã về
tôi đứng đó
nhưng ban bè đã la mặt tôi, vẫn khóc
lóc và

vẫn không nhìn thấy.

*Và mùa hạ vẫn đông đưa những chiếc
cánh dài trên cánh đồng*

*Đu từ chiếc áo quan của mặt trời đỏ
xâm.*

Hãy nói cùng tôi

nói giùm tôi

chim, chim ơi.

NHÃ CA

Hà-nội trong trí nhớ

tùy bút của

NGUYỄN ĐÌNH TOÀN

Mùa thu trở về cùng với trận bão kéo dài trong mấy ngày đã làm cho những buổi sáng và chiều tối Hà-nội rét như đã bắt đầu mùa đông. Người di cư rút đi nhiều, thành phố trở nên vắng, nhưng thỉnh thoảng lại có từng đoàn người lũ thủi từ các vùng quê xa vừa thoát được sự ngăn chặn của Việt minh lên tới Hà-nội bỗng bế gánh gồng nhau đi về phía tòa Thị-chính, ở đó họ sẽ được những xe nhà binh chở sang phi trường Gia-lâm để đáp máy bay vào Nam. Sự giá lạnh đột ngột của thời tiết cùng với

không khí chia lìa sau những năm dài chiến tranh dữ dội, làm cho Hà-nội có một vẻ u ám dễ sợ. Mưa trút xuống thành phố từng cơn lớn lúc tôi lại từ biệt Hạnh. Nước chảy ào ạt trên các cống, phố hàng Ngang, hàng Đào những căn nhà cửa khóa bằng từng chùm xích lớn, người ta đã bỏ đi. Nước mưa đầy trong những rãnh đường rầy xe điện, tiếng chuông leng keng nghe rất buồn và rất nhớ, trong toa xe thấp đèn ánh điện vàng nhợt nhạt soi những người ngồi ngó ra ngoài, mặt mũi ngơ ngác, trên cao chiếc cần xe xiết trên giây điện xẹt những tia lửa xanh sâu mãi lên phía chợ Đồng-xuân. Tôi đi xuống mé bờ hồ. Nhà Thủy-tạ trông âm thầm và nhòa dưới mưa, những bức tường rêu ướt, gió thốc mạnh trên các vòm cây cao, đền Ngọc-sơn và xa hơn nữa tháp Rùa mù mịt trong mưa bão như nhìn thấy sau một tấm lưới, mặt hồ sóng lớn, mưa túa

xuống rào rào không còn trông rõ màu nước. Những cây dương liễu nhỏ vắn mình muốn trở gốc vươn dài thêm mãi, gió vuốt thẳng những chiếc lá nhọn ướm đầm bay tới, bay tới, giống những ngón tay xanh của con gái. Tôi muốn đi qua các phố, thật nhiều muốn thu nhận tất cả Hà-nội trong một cái nhìn của đêm cuối cùng ở lại. Khách sạn Lữ-gia với những tầng lầu lấp cửa kính nhìn thẳng xuống hồ. Cầu Thê-húc vừa được làm lại màu sơn đỏ còn mới. Những quán nước bên hồ không có khách đã ngủ im. Đêm sa xuống cùng với sự rét mướt, ánh đèn trong công viên Chí-linh không đủ soi rõ những lối đi bên dưới. Nhà kèn có hình dáng của một chiếc lăng kỷ niệm. Nhà hàng Taverne Royale với dãy bàn ghế kê ở ngoài hiên, vài người khách ngoại quốc đàn ông và đàn bà ngồi trước những ly rượu hay bia màu nâu và màu vàng. Dãy

hàng bán hoa bên góc hồ không thấp đèn, không có người bán đóng kín cửa, Chiếc bọc chỉ đường của cảnh binh giữa ngã tư Tràng-tiền và nhà Godard. Nhà Hát lớn ở cuối đường xa, nơi những người Hà-nội mặc quần áo đẹp đi xem kịch đêm mở mùa. Mùa kịch thường được báo bằng những tấm biển kẻ chữ bột màu để giữa lối đi bên bờ hồ Gươm bị nước mưa làm cho nhòe nhoẹt, Tiếng Trống Hà-hồi của Hoàng Như Mai, Lôi Vũ của Tào Ngụ. Bên Nước Ngũ-bồ của Hoàng Công Khanh. Những bọc thêm xám rộng bước lên hiên rạp, lối đi vào trải thảm đỏ. Khu công viên đầy bóng lá làm thành sự cách biệt cho khu rạp hát bên ngoài.

Hạnh hỏi, anh đi những đâu mà ướt hết thế này ? Tôi bước vội vào trong nhà và bảo Hạnh đóng cửa lại kéo gió. Anh

đi nhìn Hà-nội. Hạnh treo hộ tôi chiếc áo mưa trên móc. Em ăn cơm tối chưa ? Hạnh đáp chưa. Anh ở lại ăn cơm với em nhé. Anh sẽ ngồi với em chứ không ăn. Em ăn một mình đi kéo dài. Tiếng nói của tôi âm trong căn phòng nhỏ gây sự xúc động kỳ lạ cho chính mình. Tôi ngồi nhìn Hạnh ăn từng miếng nhỏ. Hạnh pha cho tôi một tách cà-phê. Tôi xẻ lại cho Hạnh một phần. Tôi nói, Hạnh uống phần cà phê này chắc đêm không ngủ được. Anh sẽ cho Hạnh một liều thuốc lá nữa. Hạnh kêu, trời, anh muốn biến em thành cái gì đây. Anh muốn nhìn thấy em ăn, uống và hút thuốc lá. Anh sẽ nhớ em bằng những hình ảnh ấy. Hạnh nói : anh đừng làm em không còn đủ can đảm. Lúc chúng tôi lên trên gác thượng nhìn xuống chợ Hôm, Hạnh châm điều thuốc tôi đưa cho. Nàng ho sặc sụa. Trời vẫn mưa bên dưới phố, nóc chợ bên dưới

trông cũng rữ rượi như khuôn mặt Hạnh lúc bấy giờ, Tôi hôn Hạnh và ngửi thấy mùi cà phê và khói thuốc trong miệng nang. Làm thế nào em có thể đi với anh ? Đừng nói với anh như vậy và anh không thể có ý kiến. Em không thể quyết định việc đó một mình. Tôi nói, dầu sao sớm mai anh vẫn đợi em. Anh cũng không muốn đi một mình. Hạnh khóc, em làm thế nào được. Ba em nhất định không đi, mẹ em thì bây giờ gần như không cử động gì được nữa. Mẹ không muốn mang cái thân vô dụng ấy đi đâu làm gì. Ba em thì coi như việc không tham dự vào cuộc kháng chiến đã là một sự phản bội. Bỏ đi bây giờ là làm thêm một sự phản bội nữa. Anh tiếc là anh không thể nói gì với bác. Anh vừa lớn lên. Chúng ta thất bại vì nhu nhược và những tội lỗi giả dối như thế đó. Chúng ta không tạo nên nổi cả tội lỗi thật nữa. Chúng

tôi ngồi xuống chung một chiếc ghế lớn bắc ra sát ngoài thêm sân trời. Mưa vây kín khu phố, nhưng căn lầu đối diện một vài nhà mở hé cửa sổ còn hầu hết đều đóng kín, gió cuộn mưa ném đi từng cơn lớn, những xấp ngói đen ngập nước, gió thốc ngược trên những ngọn cây dưới hè đường, cành lá rơi gãy bị cuốn phăng không kịp nhìn thấy. Một chiếc xe vận tải nhà binh chùm mui kín chạy như bay xuống phía Bạch-mai. Tiếng động cơ và nước bị xé trên mặt đường lẫn với tiếng gió rú, cả căn gác rung lên. Hạnh không bỏ điều thuốc. Nàng đốt và tôi nhìn thấy mặt nàng bằng ánh than đỏ của đầu điều thuốc. Tôi nhớ đến những buổi lễ giao thừa ở đền Ngọc-sơn mấy năm trước, Hạnh và tôi đi lễ cùng với gia đình nàng, khi chúng tôi lên được vào đến trong đền, mọi người đều tưởng không thể thở được vì khói hương. Hai má Hạnh cũng đỏ au

lên như thế, mắt nang ngồi sang. Có một chiếc cầu đã bị gãy một đoạn vì người đi lễ quá đông. Hồ Hoàn-kiểm nhìn thấy trong đêm sương mù và hương thơm của các cô gái làm cho Hà-nội ngây ngất bằng cái tơ nồn của những cảnh lộc mới. Màu sắc, hương vị và hình ảnh đảo lộn trong một thứ giác quan kỳ ảo của tình yêu mới lớn của những tình yêu chưa nói ra nhưng đã nghe và đã hiểu. Tiếng chuông như lan mãi trên bãi cỏ đi dưới chân trên các cành phượng vừa thay lá, trên mặt hồ lăn tăn sóng, đèn Hà-nội như thắp lên từ dưới đáy nước, mỗi con sóng là một giầy đèn, những lâu đài ánh sáng reo vui nhẩy múa, vẫy gọi, những xâu chuỗi ngàn ngàn màu sắc trên chiếc cổ đêm Hà-nội, trên ngực hồ mềm sau áo sương, trong hoi thở của vương vất mùi trầm hương, mùi phấn đánh mặt và mùi sáp môi đàn bà. Những buổi đi chơi như

thế Hạnh thường cười, tiếng cười trong vắt. Tiếng cười ấy thường còn bay đầy trong giấc ngủ của tôi. Hà-nội như thế mơ mộng hơi một chút giả dối, nhưng chung thủy. Ở Hà-nội con giai mới lớn ít thay đổi người yêu, vì khó kiếm người yêu. Mùa thu Hà-nội buồn nhưng rất đẹp, như Hạnh bắt đầu chứng đau tim. Buổi sáng trở dậy thấy cây lá trước thêm xao xác gió may, người ngoài phố bắt đầu mặc những thứ áo ấm màu sáng người ta thấy thu về từ ngày thứ nhất. Chiến tranh đã làm cho Hà-nội co rúm thịt da trong những đêm xanh xao sợ hãi. Mặc dầu thế. Hà-nội tưởng vẫn còn có thể bay bằng những tà áo nữ sinh buổi sáng đạp xe đến trường dưới những hàng me và sấu rơi hoa và lá vàng đầy trên lối đi bên cạnh rạp Ciroa, trước của trường Đại-học, đường bờ sông, quảng phố chỗ tòa án nối liền với trường Bách-ngệ...

Tôi muốn được nghe Hạnh nhắc đến hết tên phố Hà-nội, Hà-nội phải được nhắc lại qua miệng người yêu, để tôi có thể ra đi mang trọn Hà-nội trong trí nhớ. Nhưng cà-phê, thuốc lá và cuộc chia tay tác dụng mạnh đến căn bệnh của nàng và Hạnh hoảng sợ. Trời rét mà hai bàn tay nàng vẫn ướt rướm mồ hôi. Hạnh nói, đêm nay chắc ba em không về, anh ở lại với em. Tôi nói, anh sẽ ngồi canh cho em ngủ. Lần thứ nhất và cũng là lần cuối cùng. Anh muốn nhìn thấy Hạnh ngủ. Đây là ước mơ những ngày đầu yêu nhau của anh. Nhìn người yêu ngủ, đó là một cách nhận người yêu của mình, lúc mới yêu em anh thường nghe nói như thế.

Đêm đã khá sâu nhưng trận bão vẫn không ngớt dìm Hà-nội vào trong cơn mê sáng trắng xóa. Anh để lại em với cơn bệnh và Hà-nội của những đêm thơ

mộng, những ngày mùa đông rét buốt sương xuống đến không nhìn rõ mặt người đi đằng trước mình. Hà-nội như một giấc mơ tuyệt đẹp của quá khứ, mùa hè dân thành phố mặc quần áo trắng, buổi chiều đi hóng gió trên đường Cổ-ngư nhìn hoa phượng nở và ăn bánh tôm. Hồ Tây rộng, mát như vòng tay thần thoại ôm đầy thân thể người yêu, ôm thừa thãi bằng biển nước trong xanh, bằng những ngọn cao của vườn Bách-thảo, bằng giới hạn của những hàng cây xanh tím mãi đằng xa, lối lên Quần-ngựa, bằng âm vang của tiếng chuông chùa Quan-thánh.

Đêm, Hạnh không ngủ không thức. Chúng tôi bắc thêm một cái ghế khác và kê lại với nhau để ngồi. Hạnh khóc trong lúc nằm mơ thấy mình khóc và khóc thật. Tôi đánh thức Hạnh. Nàng ôm chặt

lấy tôi và nói với tôi bằng tiếng nói của Hà-nội. Hà-nội ở trong giọng nói người yêu, trong những cái hôn âu yếm, trong sự thèm muốn hết sức ngọt ngào và sốt thương, trong đêm giông bão hiện tại và những ngày nồng ấm trong quá khứ, bằng những sợi tóc dài có những năm bốn mùa của Hà-nội, có con sông Hồng-hà đỏ phù sa mỗi tháng nước lên, nóc ô Quan-trưởng âm vang tiếng gọi của em mỗi lần đi qua em nghịch ngợm gọi lớn tên anh, có con đê dẫn ra ô Cầu Rền nơi có những người làm đậu phụ và nấu rượu trắng. Anh hôn em bằng những cái hôn của đêm già từ vĩnh viễn và không vĩnh viễn. Vĩnh viễn cho tình yêu chúng ta và không vĩnh viễn cho Hà-nội. Trong đêm có những lúc Hạnh phải xuống nhà lấy nước và nhắc giờ uống thuốc cho mẹ. Tôi ngồi lại một mình với Hà-nội. Hà-nội đã bắt đầu vầng vất trong trí nhớ với

mùi vị đặc biệt của

[thiếu trang 102, 103, 104]

Lá tươi đại học, thơ

Đông Hồ

Dem đổi sầu thương cho mẩn thương

Dem lòng tin tưởng lại văn chương

Trời thơ lại mở lòng âu yếm

Gió lộng cho tình cỏ ngát hương

Giấy lại thơm tho duyên Đại học

Mực thêm chan chứa ý Văn khoa

Vàng son mộng đẹp còn nguyên
mộng

Nụ - bán - khai còn, dễ hết hoa

Sớm hoa mai, muộn hoa cúc

Giữa thu mùa đợi trăng tròn,

VỊ THÊM CỦA LÁ

Đã có “Hoa nở Văn khoa” trường nhất (VĂN số 37, ngày 1 tháng 7, 1965) cho nên có “Lá tươi Đại học”, trường nhì. Trường nhất là mùa của hoa. Trường nhì là mùa của lá. Trường nhất là mùa của nắng hồng. Trường nhì là mùa của mưa ngọt. Trường nhất là màu của cánh hồng rục rỡ. Trường nhì là mùa của lá biếc êm đềm. Mà lá biếc là hoa thay từ màu hồng hân hoan ra màu xanh hy vọng. Hoa đẹp có một độ. Lá đẹp cả bốn mùa.

Trường nhất là mùa của hoa mai nở

sớm. Trường nhì là mùa của hoa cúc nở muộn. Sớm hay là muộn cũng đều là những nét của vườn Đại học diễm kiều. Hơn nữa, Trường nhì là mùa hoa đang độ bán khai, thêm vào đó, là mùa của Trăng tròn viên mãn.

ĐÔNG - HỒ

UNG THU

truyện dài của

THANH TÂM TUYẾN

CHƯƠNG III

(tiếp theo⁵)

Mùa đông già xám cô đơn, Đồng không bước chân ra khỏi nhà. Sức khỏe suy nhược không thiết đến trường ; không còn bè bạn tu tập, phớt xá khuất hẳn; con đường từ nhà sang chỗ ngồi đọc sách vào mùa hè bên bờ hồ sau đình trơn ướt gió thốc mưa buốt. Quanh quẩn hết

⁵ Xem từ VĂN số 31

nằm trùm chăn trên giường bật đèn xem sách, trí óc viễn vông ngoài vùng lạnh giá xâm tới, lại xuống nhà ngang ngồi hơ tay trước bếp, chuyện trò với mẹ và u già. Cơm lại được dọn riêng với bát đĩa được đánh dấu. Mỗi buổi sáng và chiều, thuốc tiêm vào người nhóm một chút hơi nóng say làm cho mắt mờ đi, tim hồi hộp, thở dồn ; thỉnh thoảng hết thuốc, nghe khỏe khoắn nhẹ nhõm hơn. Những lúc ấy, Đồng vào ngồi trước bàn viết, soạn những tờ giấy trắng định làm thơ, nhưng một lúc chỉ chép lại những câu thơ hỗn độn mình đã thuộc : A quoi bon ? . . . La vie est variable comme l'Europe... Trên cây đình trước mặt mọc sâu chuỗi kỷ niệm của Nga tặng; mẹ nhìn thấy đã hỏi : Ở đâu câu có ? Đồng đáp : của một cô cho con. Bà cụ nhìn bằng cặp mắt âu yếm. Hồi Thượng đế chưa bao giờ quen biết, mắt người to hay mắt người buồn...

Đồng cười thích thú lấy mình vì câu thơ tự chế biến.

Một buổi sáng, anh Thái về nhà dẫn theo một người đàn bà, ẵm một đứa con nhỏ. Anh nói :

– Vợ của Đạo mới vào.

Mẹ Đồng ngồi trên phản ngắm nghía con đầu rồi òa khóc hỏi :

– Còn nó đâu ?

Chị Đạo đáp :

– Nhà con còn ở ngoài, chỉ có con với cháu vào thôi.

Chị mang về mặt ngơ ngác của người lạc đến xứ lạ, nước da xanh mái ngả nước, người gầy gò, còn ghi rõ dấu vết nơi vừa rời bỏ : quần áo rách rưới, tay tải chứa những vật dụng lính Tây cho,

chân di dép cao-su tím bầm. Đứa con trai chừng hai tuổi, mới chập chững biết đi khóc ré, bà nội vội đưa tay đón đưa lên ngang tầm mắt như muốn nhìn thấy bố nó. Anh Đạo gửi thư về xin mẹ và anh Thái nuôi hộ vợ con cho đến ngày độc lập, thư viết trên một mảnh giấy ca-rô nhỏ xé trong sổ tay chữ lí nhí, nhắn hỏi Đồng : đâu không còn đi học, chưa lấy vợ, hãy ra ngoài với anh. Đồng bảo: Con đi một chuyến xem sao ; Mẹ tưởng thật cau mặt : Cậu đi thì chết sớm. Từ ngày chị Đạo về, thế giới của Đồng thu hẹp thêm, chỉ còn vào trong buồng riêng. Mẹ mãi tíu tít với cháu nội, bớt phần săn sóc Đồng càng khiến Đồng được yên một mình, một mình để nghĩ ngợi đến cái chết. Chưa đầy một tháng, chị Đạo lột xác, trở thành một thiếu phụ khả ái. Trong câu chuyện giữa hai chị em, chị không giấu vốn chị là đào hát, chị gặp

anh Đạo trong khu Tư. Chị chưa muốn về thành, nhưng vì con mà chị phải vào, ít lâu nếu có dịp chị lại trở ra với chồng. Ở trong này bơ sữa dễ hủ hóa, chị nói. Chị thích được thuật lại những chuyện kháng chiến, một thời gian chị đã làm công tác địch vận ở Nam-định. Chi khuyên Đồng nên nghe lời anh Đạo, rất có thể Đồng có dịp được gửi sang Trung hoa hay Liên-sô, Đồng chỉ nghe và cười ừ hử. Anh Đạo hiện là chính trị viên tiểu đoàn, hai vợ chồng một năm gặp nhau một hai lần là nhiều. Có lẽ chị không hiểu nhiều về chồng. Đồng nghĩ thế. Đồng thuật cho chị nghe về anh Đạo, những kỷ niệm giữa hai anh em trước ngày kháng chiến. Anh đỗ Diplôme trước năm cách mạng và chưa chịu đi làm ngay, về nhà nghỉ chơi một năm. Suốt ngày hai anh em không sang hồ tắm, lại rủ nhau về nhà đánh cờ hoặc anh lấy xe đèo Đạo vào

Bách Thảo hay ra Cổ Ngư nằm trên cỏ nhìn trời nước. Anh cũng hay hát và đọc thơ ông ổng vang nhà. Lúc anh đi học trường lục quân Trần Quốc Tuấn, viết thư về cho Đạo, nhà tản cư trên Phú-thọ, anh còn ký biệt hiệu là Hoài Kinh. Anh nhớ Hà-nội mà. Đạo ấy anh Đạo yêu chị của Hà, gia đình cùng tản cư... Chị Đạo cười :

– Tạch tạch sè quá. Hết rồi, bây giờ hết rồi.

Đồng không cái. Có thể như thế, mọi người đều đổi thay, trừ mình. Mình vẫn bị vây ngập trong những giấc mộng niên thiếu, giòng nước đỏ phù sa chảy xiết cuốn trôi tập giấy viết những bài thơ đầu tiên nhưng không cuốn nổi những âm vang còn lại trong hồn. Mùi cỏ dại thơm trên đồng ướt sương. Đồi chè, cây rừng, những buổi sáng ảm, Hà và tiếng hát trong

veo trong một bầu trời nắng thượng du ;
những con đường đất như không người
đặt chân tới và những nương sắn xanh.
Chị Đại mang về những hình ảnh khác,
cũng như Cảnh tìm đến chốn khác với
tưởng tượng của tôi. Etered edelessent,
tôi vẫn là thế. Ăn Tết xong, chị Đạo xin
phép mẹ trở ra với chồng nhà phải thêm
người giữ đứa cháu nhỏ. Đồng nhẩn chị
Đạo :

– Chị hỏi anh xem còn nhớ kinh đô
không ?

Chị Đạo dặn :

– Nếu chú khỏi chú nên ra.

– Không, tôi ở đây đợi mọi người về
tụ họp.

Mùa xuân còn mới nguyên, thành
phố có vẻ thay đổi nhiều. Không hiểu

vì đã mấy tháng Đồng mới lên đến phố hay vì dư âm của mấy ngày tết còn để lại. Mưa bụi bám trên áo, Đồng bỏ tay trong túi quần đi lẫn với đám đông trên vỉa hè. Lẫn trong những màu áo phụ nữ và y phục tề chỉnh của thanh niên. Đồng khám phá gặp những gương mặt ngỡ ngán với quần áo cũ kỹ, những mầu nấu quê mùa lạc lõng của những người mới hồi cư. Những nhà đổ nát hai ba năm trước đã biến mất từ lúc nào, thành phố đông hơn, đang cố gắng xóa mờ những dấu vết chiến tranh. Đồng hút lại thuốc lá sau mấy tháng kiêng cử, hơi thuốc nồng đậm. Đồng nghĩ đến một người để chuyện trò, một người để có thì mình ngồi im nghe tiếng nói. Có ai không ? Trên bảng dán báo của phòng thông tin, Đồng nhìn thấy ảnh ông bố Nga trong một buổi lễ. Souvenir, Souvenir que me

veux-tu⁶ ? Giọng âm trầm trong cơn say của Thạch. Người lạ đứng cạnh thúc vào mạng sườn Đồng rồi nhe răng cười.

– Không nhớ tôi à ? Nhai đây ?

Đồng nhìn khuôn mặt dài, cặp mắt nhỏ hơi lác chỉ nhớ mang máng.

– Quên hả. Học cùng với nhau ở Sinh-tử. Nhớ thằng Thạch không ?

Đồng gật đầu. Nhai nói huyền thuyên, mừng rỡ rủ Đồng về nhà chơi. Nhai hỏi có gặp Thạch không. Đồng nói gọn :

– Nó bị động viên. Còn cậu ?

– Inapte définitif. [Dứt khoát không phù hợp]

Nhai cười hênh hệch xấu xí.

– Cũng như tôi.

⁶ Ký ức, ký ức bạn muối gì ở tôi ?

Nhai dẫn Đồng về phố hàng Bè, đi vào một cửa hiệu bán sơn ta, — những thúng chum nâu đen, màu sơn nâu đỏ đặc quánh – lên gác. Gia đình Nhai đông người, gian gác bề bộn chật chội, mới hồi cư đầu năm ngoái, Nhai đang học rút để bắt kịp những năm chậm trễ.

– Cậu học đến đâu rồi !

– Văn khoa.

Nhai đưa Đồng ra đứng ngoài ban-công, trông xuống phố, chỉ khoe với Đồng những nhà hàng xóm có con gái đẹp.

– Đến chơi với tớ luôn, tớ giới thiệu cho... Xế cửa là một lớp học tư tập nập suốt ngày, nhiều nữ sinh. Phố này tập trung các hoa khôi Hà-nội.

Đồng tựa tay vào lan can, nhìn được

suốt phố vào giờ vắng vẻ.

– Nếu gặp Thạch, rủ nó đến chơi với tớ...

– Đời sống với Thạch hiện tại đã quá cách xa với đời sống của Nhai. Chúng ta chỉ có chung một vài kỷ niệm của thời ấu thơ mà thôi – Ngay với tôi cũng vậy, có lẽ tôi cũng đã mất hẳn đứa bạn thân nhất.

– Tớ định ra thư viện học cho tĩnh, lại gặp cậu...

Đồng cười, nghĩ đến thật đã xa xôi thời bốn đứa gặp gỡ hàng ngày ở phòng đọc sách. OÙ sont les neiges d'antan ? [Tuyết ngày xưa đâu rồi ?] Quá khứ rất gần bị đẩy lui thành dĩ vãng, tôi phóng đi trong thời gian và tưởng như sắp đến ngày cuối.

Những ngày đầu tháng hai, Đồng đi chụp lại phổi, phổi lại đã làm sẹo. Khô-

ng thuốc lá, cà phê, không thức khuya, không đọc sách, không làm việc nặng quá sức và nhất là không gần đàn bà, tránh nghĩ đến đàn bà... Ông bác sỹ già, mắt lấp lánh hóm hỉnh sau cặp kính dày, miệng tùm tùm. Ra khỏi phòng khám bệnh, Đồng buồn bã ngơ ngẩn. Tôi sẽ làm gì với một thân thể lành mạnh ? Tôi chờ đợi cái chết và nó không tới. Đi vài bước, Đồng đứng lại mua thuốc lá, giá thuốc là đã tăng, không thể chia đủ cho bốn đứa. Trời buổi sáng nắng nhẹ cao, lớn vờn những cụm mây trắng. Chuyển xe điện chạy bằng băng trên lối quành. Sáng mát trong như sáng năm xưa... Cỏ mùa thơm mãi dấu chân em...

Đồng quyết định đi làm. Mỗi buổi sáng. Đồng đạp xe lên hiệu chụp ảnh do Nhai giới thiệu, trông nom giấy tờ sổ sách thu xuất, trưa nghỉ lại chỗ làm việc,

chiều mới về nhà. Cửa hiệu lớn nằm một góc đại lộ, tầng dưới của một tòa nhà ba tầng, hai tủ kính chiếm dài hai mặt phố, vừa chụp ảnh vừa buôn bán máy móc và phim. Đồng ngồi trước một bàn giấy với sổ sách, thỉnh thoảng thay chủ giao thiệp với các bạn hàng. Nhai thường ghé thăm, ngắm ảnh phóng lớn của các thiếu nữ trưng bày, khách chụp ảnh phần đông là phụ nữ, những anh lính Tây, lính Maroc, pạc-ti-dăng... Từ chỗ ngồi, Đồng nhìn những tàn cây xanh che khắp mặt đường mỗi khi rảnh rỗi, quan sát những người ở các tầng gác trên phải đi ngang qua cửa hiệu để lên cầu thang sau lưng Đồng. Mỗi buổi chiều Đồng đạp xe lẫn vào đám học sinh, cả nam lẫn nữ, thông dong quen lãng và thường ghé vào ngồi trên đường . . . một lúc trước khi về nhà. Trên đường về Đồng nhận ra những người bạn đồng

hành ở mỗi khúc một : khi đám học sinh đã tản dần ở các ngã tư, còn lại trước Đồng hai nữ sinh, một ở Kỳ Đồng một ở hàng Đầy ; nếu về theo ngã Quan Thánh sẽ gặp một cô thợ may ở vườn hoa hàng Đậu, cô ta đi ngược đường vào phố Tiên Tsin. Đoạn đường còn lại, Đồng thổi sáo trong các phố vắng, hát nhỏ một mình, nghe như đầy đủ hoàn toàn. Như kẻ si tình đã được gặp mặt người yêu. Một buổi chiều đi làm về. Đồng gặp Thạch nằm trên vông. Thạch cười ha hả :

– Cậu ký đã về. Cậu ký Đồng.

– Quan một, ẹa va !

Thạch không đổi khác mấy, trông vui vẻ hơn. Thạch đến từ chiều, bà cụ đã hỏi thăm hết chuyện, vừa bồng cháu vừa thuật lại cho Đồng nghe thay Thạch. Thạch ở Hưng-yên về, được nghỉ phép

một tuần lễ và sẽ ở lại chơi nhà. Đồng hỏi :

– Thật không ?

Sau bữa cơm. Đồng rủ Thạch ra ngõ chơi. Giờ này tàu điện đã hết. Ngoài đường vắng tối, quăng chạy ngang đình làng không có nhà ở sát, như vùng ranh giới giữa hai khu vực: ngược lên phố là khu quán rượu bán cho lính Tây, xuôi đến cuối đường tàu là phố của người buôn bán quanh cái chợ họp bên vệ đường. Trong tối Đồng nghe được tiếng sóng hồ Tây vỗ vào bờ đá sau đình. Vẫn chưa chết. Đồng nói bằng quơ không rõ về bạn hay về mình. Trời đen mắt như thạch. Ánh đèn mờ yếu từ một vài ngôi nhà kiểu cổ nên qua hắt ra đường. Đồng không dùng được lên tiếng hỏi :

– Liên đâu ? Hà đâu ? Phương đâu ?
Nga đâu ?

Cũng như thế, có gì phải hỏi, thật là thừa. Thạch hơi ngửa mặt lên, điều thuốc lập lòe chênch chếch ra.

– Không biết.

Đồng ân hận đã gọi câu chuyện, nó không thích tâm sự. Đột nhiên Đồng nghe tiếng Thạch :

– Tôi chỉ ở được với Liên nửa tháng. Dạo mới ở Nam-định về... Chưa đến nửa tháng. Bây giờ không biết Liên ở đâu ?

– Buồn nhỉ ! Vì sao thế ?

Thạch thôi không nói nữa. Đồng nhìn những phiến đá lún trên mặt đất, chỗ họp chợ, Tiếng gió thổi rất xa ở trên cao. Ngược trở về, Đồng lắng chuyện

nhắc đến Cảnh và An. Thạch nói :

– Thằng An anh hùng gớm. Không hiểu bây giờ nó làm gì. Cậu không gặp lại nó ?

Đồng đùa :

– Có khi cu cậu bốc đồng được mấy tháng sau lại lóp ngóp bò về. Có khi bây giờ nó đã vào Sài-gòn cũng nên.

Thạch cãi :

– Cậu coi thường nó quá. Dù sao bọn mình đâu đến nỗi thế.

Có lẽ sự xa cách khiến Thạch . . . với An hay đứa bạn đã đi biệt khiến Thạch công bình và thương yêu hơn. Đồng nói :

– Giá như nó, thằng Cảnh hay cậu chết, tôi cũng chẳng biết...

– Yên chí. Trong tờ khai khi khẩn cấp báo tin cho ai, tôi khai tên cậu đấy.

Đứng lại trên đường sắt, Thạch nhìn ngược lên xem đám đánh nhau trước một quán rượu, tiếng kêu la chửi rủa tục tằn không có tiếng vang một lát rồi tắt ; người ta lại đi vào trong các quán thấp để lại những ánh đèn sáng trơ rọi ra ngoài. Đồng bảo mai sẽ lên xin nghỉ một ngày để đi chơi. Thạch hỏi :

– Chơi đâu ?

– Cậu thích đi chơi đâu ?

Buổi tối khi đã vào giường Thạch vẫn còn hút thuốc. Đồng hỏi :

– Cậu thấy tương lai thế nào ?

– Chẳng thấy gì cả, mù tịt... Đứa nào cũng mù tịt. Chắc chẳng bao giờ còn hợp

mặt được đông đủ. Một bữa nào sáng ra nhặt xác ngoài đồn, tôi trông thấy thằng Cảnh hay là nó vào đồn nhìn thấy xác tôi. Có thể như thế lắm chứ...

Đồng nhắm mắt lại, trên màu đen của thị giác thấy những chấm xanh đỏ bay tung với những đường vòng rối rít. Không còn cách gì kết hợp được chúng nữa ư ? Đồng nói khẽ :

– Có khi cậu gặp ông anh của tôi...

Thạch hỏi :

– Ông Đạo hả ? Cũng không biết chừng. Cậu thấy đứa nào phải ?

– Đứa nào cũng có lý.

– Chính thế. Thế mới đau. Thằng Cảnh không hiểu nó có thấy thế không ?
Tôi giận cái thói dagmatique⁷ của nó.

⁷ ngớ ngẩn

Đồng dàn hòa :

– Không, nó cũng hiểu. Hôm nó gặp tôi trước ngày đi, nó còn tiếc không có cậu.

Buổi sáng, khi Đồng thức dậy, đã thấy Thạch nằm trên võng hút thuốc. Thạch đùa nói nằm ở đồn quen, thiếu tiếng đại bác nên không ngủ được. Đồng bỏ xe đạp ở nhà, đi tàu điện lên phố với Thạch. Trong khi Đồng vào hiệu, Thạch đứng bên vỉa hè nhìn bọn nữ sinh trên đường đến trường. Thạch nói :

– Trông con gái Hà-nội vẫn cứ đủ đôn.

Đồng cười :

– Anh khô tính quá. Con gái đẹp là đủ. Cái gì nữa cũng là thừa.

Thạch quay lưng bước đi, hỏi :

– Đi đâu bây giờ đây.

Đồng hỏi Thạch còn nhớ Nhai không. Thạch gạt đi hẳn :

– Bạn cũ, chán lắm. Tôi với cậu đi đảng này.

Thạch đưa Đồng xuống cho Hôm, đến nhà gái dĩ. Gian nhà cửa trước đóng kín lẩn vào trong dãy phố một tầng, đi vào cửa sau bằng ngõ chỉ một người đi lọt. Thạch hỏi :

– Cậu đã đi lần nào chưa ?

– Chưa...

– Tôi hỏi thật cậu đã biết đàn bà bao giờ chưa ?

– Cũng chưa.

Thạch nheo mắt chế riều và Đồng nghe má mình nóng bừng. Người mở cửa là một bà già. Sân và bếp trông sạch sẽ như môi nhà. Đi qua một cửa phòng đóng kín, Đồng theo Thạch lên đến phòng khách ngoài cùng. Hai người con gái, một ngồi một nằm ở sa-lông đọc truyện dưới ánh điện của một cây đèn đứng có chụp, vì cửa ngoài đóng kín mít. Cả hai người chỉ ngược lên nhìn khách mới vào, rồi lại cắm cúi đọc, người đang nằm trở mình quay mặt vào lưng ghế. Thạch bảo Đồng ngồi xuống ghế và hỏi :

– Bà chủ đâu ?

Người con gái ngồi đối diện với Đồng, hạ quyển truyện xuống.

– Chị em đi vắng.

Nàng có gương mặt dài, đôi mắt lặng

lẽ, người thon cao giống như cô thợ may Đồng gặp ở vườn hoa hàng Đậu. Thạch tự nhiên bảo :

– Thôi. Có hai em còn tốt hơn. Giới thiệu cho quen với.

Người ngồi là Mai, người nằm là Tuyết. Lúc ấy Thạch mới ngồi xuống mép chiếc ghế dài, vòng tay lật quay Tuyết :

– Làm gì mà giấu mặt gớm thế. Cho anh xem một tý.

Tuyết vùng vằng, ngấm nguýt, nhưng cũng quay mặt ra ngoài nhìn Đồng cười, Đồng quay sang nhìn Mai cười. Thạch hất hàm hỏi Đồng :

– Thế nào ? Anh chọn đi.

Đồng lắc đầu. Thạch hỏi :

– Sao thế ?

Đồng chỉ tay vào ngực nói bác sĩ bắt kiêng. Thạch trần tráo :

– Cần gì. Định sống thêm mấy chục năm. Nghe nói bị thương vì đạn, chữa khỏi rồi cũng phải kiêng ít nhất mấy tháng không được gần đàn bà. Tôi mà bị cấm thể chắc là chết. Thà chết vì em còn hơn, phải không Tuyết ?

Đồng đuổi chân, ngả đầu vào lưng ghế nhìn trần nhà, nghe tiếng chân người đi qua ngoài vỉa hè. Nghe tiếng Thạch :

– Thôi để mặc cho nó mơ mộng. Nó là thi sĩ đấy, đừng tưởng đùa. Anh với em vào trong này.

Nghe tiếng Mai hỏi :

– Anh không đi...

Giọng khàn thật xấu không xứng với người.

– Còn một buổi nữa.

Đồng không đáp, với êm tĩnh lạ lùng, như một người bất lực. Mai bỏ xuống nhà dưới, Đồng tò mò quan sát khắp gian phòng. Chốc nữa ra ngoài chắc chắn Thạch sẽ chế riều sự nhút nhát của mình. Biết làm thế nào, Thạch sẽ không tin nếu tôi bảo chưa bao giờ tôi có ý nghĩ chiếm đoạt một người đàn bà. Đồng nhớ đến Phương, tự hỏi cái buổi chiều mùa đông tối sớm ấy nếu Đồng đã ở lại trong tay Phương. Điều quan hệ là sau hành động ấy...

Thạch trở ra phòng khách một mình, tuy vẫn cười nhưng không còn vui như lúc vào, ngồi xuống ghế hỏi :

– Thế nào ? Nhất định không ... đi vậy.

Thạch đứng lên ngay không đợi câu trả lời, thủng thỉnh đi trước đợi Đồng. Tuyết mở cửa bảo :

– Lần sau anh đến chơi nhé. Anh còn nợ...

Qua cánh cửa buồng hé mở, Đồng liếc nhìn vào chỉ thấy một chiếc giường với nệm gối trần trụi. Ra khỏi ngõ, Thạch tần ngần đứng trên vỉa hè không có quyết định. Đồng bỗng nhiều sợ hãi, ngượng ngùng, vì nghĩ Thạch còn ở lại một tuần lễ. Một tuần lễ và bây giờ chưa hết buổi sáng đầu tiên đã nhận ra sự xa lạ nhau. Tôi không còn điều nào chung với bạn, trừ những cái đã mất. Nó sống trong một thế giới khác chỉ thỉnh thoảng ngó lại phía sau thấy tôi, còn tôi, tôi vẫn nằm nguyên trong quá khứ kéo dài. Đồng muốn trở vào ngõ gõ cửa, và đi vào trong gian buồng với Mai hay với Tuyết

cũng được. Tôi phải làm những gì nó làm, nếu tôi muốn giữ lại được đứa bạn thân. Nhưng tôi không thể... tôi nhìn... tôi nghĩ... tôi mơ tưởng. Thạch quay mặt lại cười, không chế riếu, nụ cười kẻ cả :

– Kia kìa type⁸ của cậu đấy. Tôi biết quá.

Trên vỉa hè từ góc phố mới quành lại một thiếu nữ áo dài trắng tiến đến, dáng mỏng mảnh uyển chuyển, mắt ngược nhìn thẳng như không thấy người đứng cản lối. Thạch huyết sáo tán thưởng, bước xuống đường tránh lối, thiếu nữ đi qua như không hay biết .

– Ê. Áo trắng đơn sơ mộng trắng trong hả.. Merde⁹...

Đồng cười trừ.

⁸ loại

⁹ chết tiệt

– Không ngủi được Không thể nào ngủi được thứ ấy... Chết. Cậ sẽ chết, Đồng ạ.

Đồng nghĩ Thạch không biết chuyện tình của mình với Nga, không hiểu nó sẽ cười đến như thế nào nếu rõ. Đến phố Huế, Thạch nói :

– Không biết đi đâu nữa nhỉ ? Nếu không có cậu tôi có thể nằm suốt ngày ở đấy. Cảm giác ủ ê chìm khuất lạ lắm. Mình không còn gì phải nghĩ ngợi. Đàn bà là mối quên lãng hiệu nghiệm nhất. Đừng yêu. Yêu là hỏng bét. Nói theo kiểu thẳng Cảnh là mình bị aliéné [xa lánh] hoàn toàn.

Đồng cố gắng tưởng tượng tâm trạng của Thạch, cô đơn hoàn toàn, đứa bạn gái duy nhất đã bỏ đi, mối tình còn lại dư vị cay đắng của sự phản bội...

– Thôi, đừng làm bộ đi. Anh mới là kẻ chung tình lãng mạn hơn tôi. Anh không chỉ yêu ai ngoài Liên. Phải không ?

Thạch không cãi, chỉ đưa mắt nhìn Đồng trách móc và cười lên thành tiếng tự nhiên. Đồng sung sướng, bắt gặp lại người thân cũ. Thạch bỗng hỏi lại chuyện :

– Này, cậu rửa tội đấy à ?

Đồng ngạc nhiên không hiểu.

– Tôi thấy ở nhà có tượng Đức Mẹ.

Đồng à một tiếng :

– Của một cô bạn.

Có nên nói với Thạch đó là của Nga không ? Thạch đã gặp Nga lần nào chưa ?

– Mà tôi nghĩ có khi cậu rửa tội lại

hay. Trông có thể thành cố đạo được đấy.
Thánh thiện lắm, không đùa đâu.

Đồng hắt hơi liên tiếp, phớt xá rung
rinh trước mắt, rút khăn tay bịt miệng và
lau hai bên khóe mắt ướt :

– Không được. Đâu có thể như thế
được.

Thạch hỏi gặng :

– Sao không ? Với cậu có gì thay đổi
nào ? Tu es orgueilleuse . . [Cậu tự hào] Có
như thế cậu mới là cha linh hồn của tôi
chứ.

Đồng kéo tay Thạch sang bên kia
ngồi nghỉ, xuống đường sang quán giải
khát bày bàn dưới gốc đa già bên đền bà
Kiệu. Bàn ghế mộc thấp sơn xanh, cặp
kênh trên nền đất sạn. Trước đền Ngọc
Sơn mới mọc lên một kiosque¹⁰ bán sách

10 quầy hàng

báo ; ngoài cổng đền người ngồi bán vàng hương, mấy ông thầy bói, thầy đồ viết chữ nho với vài người nhà quê nghỉ chân đứng nhìn tò mò. Nhà Thủy Tạ ở xa đóng cửa kín bỏ không.

– Người tặng tôi cái ảnh ấy cũng lạ. Gia đình không có đạo, chỉ có một mình nàng... Có khi là cái mốt mới của mấy cô Hà-nội. Một lối trang điểm độc đáo biết đâu chừng. Nàng cô đơn.... Thì cô đơn cũng là một mốt. Cô đơn làm cho sâu muộn. Cậu không thấy nhìn người đàn bà để tang mình thấy đẹp mới chết. Dám có cô chít khăn tang để trang điểm.

Đồng im, nhìn vào trong kiosque, cô chủ quán với vành khăn trắng cuốn chặt trên mái tóc uốn đang cầm cái lau cốc lơ đãng quay mặt về mạn phố vắng. Đồng không ngăn giữ được :

– Nga đấy, Em gái của An. Cậu đã gặp Nga lần nào chưa ?

Thạch có vẻ chăm chú hơn đến câu chuyện :

– Tôi không biết mặt. Cũng may đấy. An nó có biết chuyện không ?

– Chắc là không. Có thể bây giờ Nga đã xin vào tu kín.

Thạch cười dễ dãi :

– Chưa chắc đâu. Đàn bà có cái kh-iếu bị kịch hóa là nhất...

– Nga không bằng lòng gia đình, nhưng vì là con gái, không thể làm được như An.

– Nói cậu đừng buồn. J'en doute¹¹. Cậu vẫn không chừa được cái tính lãng mạn.

¹¹ Tôi nghi ngờ điều ấy.

Đồng cầm thìa khuấy cốc nước chanh uống dở, nghĩ Thạch không còn muốn chia sẻ với mình những chuyện tình như thời niên thiếu :

– Còn anh ấy à, tu es trop cynique¹².

Buổi trưa Thạch rủ Đồng đi ăn cơm Tây, uống rượu vang. Trong hiệu người chủ tiếp đón khách xum xoe. Hơi rượu làm mặt Thạch ửng đỏ, cặp mắt dại đi như một con chó say nắng.

– Này Đồng này. Nhiều lúc ngẫm nghĩ tôi tự hỏi không hiểu bọn mình có phải là con vật không ? Thăng An này, thăng Cảnh này, cả cậu nữa. Tôi nhiều lúc nằm một mình trong đồn chẳng nghĩ đến ai, chẳng nhớ ai. Mỗi ngày tôi trông đợi bản khoản thấp thỏm cái gì cậu biết không ? Đợi buổi trưa có xe đi ngang đưa

12 bạn quá hoài nghi.

báo cho đọc. Tôi sống chung với những người không thể tưởng tượng nổi. Cái thằng Trung úy chỉ huy tôi là lính khổ đở lên. Suốt ngày thích nói chuyện chánh trị mới chết. Lính thì thật là ba đá. Có nhẽ... có, tôi có nhớ Liên. Nhưng nhớ thế thôi. Cậu thấy không ? Chúng mình chỉ có một mớ tình cảm vụn vặt. Tình cảm là cái gì giả nhất. Tôi nghĩ tôi thể là fatex¹³ mà không biết. Nếu quả thật tôi yêu Liên tại sao tôi không lồng lộn tìm mọi cách chiếm lại cho bằng được ? Chiếm lại bằng mọi phương cách... Nếu có thể chết được, như thế mới gọi là yêu, không tôi chỉ nghĩ, tôi chỉ nhờ tiếc rồi thôi. Mọi sự rồi qua đi. Phải không ? Tôi không có một hành động cụ thể nào tỏ lộ. Mình buông xuôi hồi để giữ lại một mớ tình chu như bọc song vậy. Cái gì đối với mình cũng thấp thoáng mờ nhạt vô

13 định mệnh

nghĩa. Tại sao vậy ? Cậu có thấy như thế không ? Nous sommes lâches. Objective-ment lâches¹⁴... Cậu nói đúng. Cynique¹⁵. Một thứ mặt nạ nguy trang sự hèn nhát. Chỉ có thể thôi. Mình chạy trốn sự thật đó.

Đồng nghĩ mình không nên thêm lời. Thật buồn, đúng. Thạch nói đúng nhưng vẫn còn, còn một cái gì đáng quý ở trong chúng tôi. Sự thành khẩn của chúng nó ? Sự thành khẩn cũng trở nên giả dối nếu trở thành cứu cánh của thái độ và hành động. Thật buồn, đáng buồn, hết, như thế là bị vây hãm trong những giới hạn tự mình dựng lên. Hè phố dốc thấp hơn cửa hiệu, trưa bắt đầu nắng, người đi ngoài chỉ trông thấy nửa thân. Thành phố vui tiếng. Đồng nhìn Thạch uống cà phê, trong hiệu ăn một người

14 Chúng ta là những kẻ hèn nhát. Khách quan hèn nhát...

15 hoài nghi

đều nói nhỏ, khách không còn vào thêm. Không khí vẫn loãng một cách dễ chịu. Thạch bảo :

– Về nhà ngại quá. Vào thư viện, chốc nữa đi xi-nê như ngày nào.

Phố Trường Thi mát và xanh rờn, trong vườn rộng êm tĩnh, cửa kính sáng trong. Phòng đọc sách đông hơn trước, nhiều gương mặt lạ. Thạch và Đồng bắt tay người thủ thư, cùng cười thay lời chào. Quạt trần quay chậm, không khí ngái ngủ. Thạch ngửa đầu vào lưng ghế ngủ rất nhanh trong khi Đồng còn vẫn vờ nhìn giá sách trước mặt. Ông già trông nom trật tự đã rón rén tới bên Thạch, ghé mặt xuống nhìn, tay nâng giữ cặp kính trắng ; Thạch vẫn ngáy phì phò. Đồng bảo khẽ :

– Nó mới đi xa về mệt, cụ ời.

Ông già nhăn mặt lắc đầu :

– Tay này biến mặt từ lâu, phần tử nguy hiểm hả ?

Ông cười nhặt tờ báo trên bàn, đi chỗ khác. Đồng không ngủ được, tìm trên giá sách để tự do một quyển sách về y khoa xem ảnh. Một chốc ông già quay trở lại bảo Đồng gọi Thạch dậy. Thạch ngồi thẳng lại, mắt đỏ hoe nhìn trân trân lên cửa kính trên đầu tường không chớp mắt. Có tiếng chim hót trên cây ngoài vườn và tiếng im ỉm của bóng nắng già. Thạch đứng dậy tìm mượn báo, xem chương trình chiếu bóng. Đồng nghe mình một khô người, muốn về nhà, Thạch bắt đầu nói :

– Chán quá, Hà-nội chán quá, thế này thì không ở được một tuần.

Buổi chiều qua hết trong rạp chiếu bóng với một phim tẻ nhạt. Chiều, phố nhộn nhịp dịu dàng nhưng đầu óc mệt nhọc ử ê.

Những ngày sau Đồng phải đi làm, Thạch ở nhà đi chơi một mình. Đồng không hiểu Thạch làm cách nào tiêu hết những giờ trống trải trong thành phố không còn mối ràng buộc nào. Thạch còn vài người họ xa nhưng cũng như Đồng, Thạch không thích lui tới. Có lẽ Thạch xuống nằm ở gian nhà trong khu chợ Hôm, cười đùa, ôm ấp, để khỏi phải mệt trí, đợi buổi chiều đến đón Đồng rửa bờ Hồ ngồi uống nước, nhẩn nha nhìn phố tối dần, đạp xe đèo Đồng về nhà. Cả hai đều hết chuyện nói, thù người hàng giờ. Một bữa Thạch bảo :

– Như cậu lấy vợ là vừa. Tôi về chơi còn được hưởng cái thú là trông thấy

hạnh phúc của cậu. Chứ cứ hai thằng trơ thân cụ nhìn nhau mãi chẳng ra cái thể thống gì.

Đồng bảo :

– Cũng có lý.

– Lấy vợ đẻ con là yên mọi chuyện.
Đâu vào đấy cả.

– Cậu bảo đảm được cho tôi là yên không ?

Vào cuối tuần, Thạch nói :

– Tớ đi Đồ-sơn chơi, chiều ngày kia về.

Đồng hiểu là Thạch đi với một người đàn bà. Chiều thứ bảy, ngày chủ nhật ấy Đồng quanh quẩn ở trong nhà đọc hai quyển truyện trinh thám của Thạch phát nhức đầu. Chiều chủ nhật, Thạch trở về

vui vẻ. Ăn cơm xong, Thạch rủ Đồng leo dốc sau nhà đi xuống Bách Thảo. Trời chạng vạng tối, cả một vùng cây cối âm u. Mặt hồ dưới xa như một vùng ánh sáng lạ lùng.

– Tôi gặp thằng An dưới Hải-phòng. Thạch đột ngột nói.

Đồng sửng sốt :

– An ? Nó sao ?

Con đường dốc thoải đá dăm kéo dài dưới hàng cây tối mất hút.

– Trông nó thảm hại không nhận ra được. Gầy, tái xanh, rách rưới. Như là nó nghiện.

– Làm thế nào nó nghiện nhanh như thế được ?

– Tôi đoán thế.

– Cậu gặp nó ở đâu ?

– Ở bến xe. Tôi vừa bước xuống thì trông thấy nó. Nó định lẩn mặt tôi nhưng không kịp. Tôi hỏi nó làm gì ở đây ? Nó trả lời quanh co. Tại tôi đi với một người đàn là nên không kịp nói với nó nhiều. Tôi hỏi chỗ ở của nó, hẹn sáng nay tôi về sớm tìm nó đi chơi. Nó cho tôi địa chỉ láo, tìm suốt cả buổi sáng không thấy...

– Sao thế nhỉ ?

Đồng tự thấy mình ngớ ngẩn. Thạch dừng bước móc bao thuốc lá đưa cho Đồng, đánh diêm châm thuốc. Đồng thấy mình đang đứng dưới chân dốc, trước mặt mở ra một vùng quang đãng hơn. Những đám cây ở phía bên kia hồ và sau lưng tối kín, những chuồng thú bỏ không sừng sững.

– Nó có hỏi cậu thế nào. Nó biết thằng Cảnh đi rồi. Nó cũng biết cả chuyện cậu với em gái nó nữa.

– Nó nói thế !

– Nó bảo với tôi thế, nó bảo nó tiếc các cậu không lấy nhau.

Đồng không tưởng tượng đến, không hình dung được hình dạng An lúc bấy giờ. Làm thế nào gặp được An ? Để Làm gì ? Gặp để nhìn, để thương hại trống không ư ? Một cái gì đi chết hẳn, Nga, Nga. Đồng như trông thấy vách tường đá xám trông mảnh chai xinh và màu khăn trắng chum trên đầu tóc Nga. Đồng với mẩu tàn thuốc xuống hồ, rớt trên một chiếc lá sen. Trong vườn chỉ còn bóng tối hoang mang dâng lên và sự im lặng sâu thêm của đêm dài.

– Trông nó thiếu não quá cơ. Mắt cứ lăm la lăm lét như thằng ăn cắp. Hết cả vẻ công tử. Nghĩ lại buồn ghê.

– Biết đâu chừng nó đang trở thành nhà văn ?

Thạch cười giọng cay độc :

– Hở, nhà văn. Nhà văn bản thủ hời hám. Không nhìn thấy gì hơn ngoài những tiếc nhớ mơ ước của riêng mình. Nó đáng bị ông bố nó sai lính bắt về đánh cho một trận rồi gửi sang Tây.

– Tội nghiệp nó cậu. Cậu nghiêm khắc quá không cho nó một cái chance¹⁶ nào hết cả.

– Y a pas de chance, pas de miracle¹⁷, nghiệp là coi như đi đứt. Tội nghiệp gì cái đứa con trưởng giả ấy cứ loay hoay

¹⁶ cơ hội

¹⁷ Không có cơ hội, không có lời kể nào.

mãi với mình không xong.

Những mái nhà li ti dưới thấp như những miếng băng đêm im lìm đông đặc. Đêm ấy Đồng thao thức, nghe Thạch ngủ say, tiếng mẹ vỗ về đứa cháu nội chốc chốc. Tội nghiệp, An đáng tội nghiệp. Có thể An yêu Nga, yêu em gái của mình và ghen với Đồng. Đồng bày ra một trường hợp bệnh lý và muốn phân tâm An. Nga cũng mơ hồ cảm nhận và nằng nghe thấy tội lỗi vây quanh mình. Và Đồng ngủ thiếp trong giả tưởng một cuộc chữa bệnh tâm lý cho An.

Sáng hôm sau. Đồng lại đưa Thạch ra bến Nứa lên xe về Hưng-yên, Thạch chui lên một chuyến xe đông, ngồi giữa những người nhà quê, rồi đến hiệu ảnh. Những ngày tháng ăn mòn dần tôi, cướp mất chúng bạn. Bây giờ tôi chỉ còn nhớ các tên hiệu máy ảnh, tên hiệu phim,

các món phụ tùng, các con số xuất nhập, tôi ghi nhớ những viên gạch vỡ trước hè, những thùng rác dựng dưới các gốc cây, nhận mặt thêm những khách hàng lui tới, những người qua lại ở tầng gác trên, những người quen mặt nhiều hơn ở ngoài phố, trên đường đi về ngày ngày. Tôi nhớ thêm vài thói lệ của những người trong gia đình nhà chủ, những cuộc giao tiếp thường tình bốn phận, những công việc phải làm trong một ngày. Những giờ rảnh rỗi, những ngày nghỉ, tôi nhớ chúng bạn, người yêu và tôi nhớ tôi. Rồi tôi sẽ trở thành một chiếc máy ảnh ghi nhận những cảnh tượng bên ngoài, những bức ảnh khi rửa quá thừa hoặc thiếu ánh sáng. Người duy nhất còn hay gặp gỡ là Nhai với những lo lắng vui buồn nhỏ nhặt về gia đình, thi cử, về người yêu nhỏ bé thú nhất. Thành phố này, đời sống này chông chênh ở đâu không biết,

những nơi tôi đi qua vẫn vững chắc bình thản. Sau mấy ngày rét ngọt của tháng ba, mùa hè đến dần. Những buổi sáng trong mát hơn, những buổi chiều rộn rịp hơn, những đêm tối dịu dàng hơn. Chiến trường bị đẩy lui xa, thành phố hớn hở hơn. Tôi quên dần căn bệnh. quên dần bằng những niềm nhớ chốc lát chúng bạn, người yêu cũ, tôi quên dần tối. Tôi di chuyển nhẹ nhàng thoải mái trong cái thế giới thu nhỏ, thu nhỏ mãi để sẽ biến mất, thành thời. Biến mất cùng những giấc mộng tuổi niên thiếu. Một ngày nào, bạn bè trở về không gặp, chúng nói với nhau :

– Đồng chết rồi. Chết như thế nào ?

Thạch cười sặc, tiếng cười vẫn cay độc không thay đổi.

– Nó chết vẫn còn là trai tân. Hai

mười ba tuổi chết vẫn còn tân. Ça c'est ridicule¹⁸. Mọc sà lù. Bú dù. Con khếch.

(Còn nữa. Kỳ sau đăng tiếp)

THANH-TÂM-TUYÊN

18 Điều đó thật nực cười.

LỜI CÁO LỖI :

Vì lý do kỹ thuật, chúng tôi buộc lòng phải gác lại tới kỳ sau một số bài :

– Tiểu thuyết mới của Alain Robbe - Grillet

– A. Schweitzer và Le Corbusier không còn nữa

bài của Trần Thiện Đạo và Đặng Tiến

– J.-P. Sartre dubi mát Ilya Ehren-bourg

Xin chân thành cáo lỗi cùng quý vị tác giả và toàn thể ban doc.



LỄ VẬT RA MẮT

Chàng Tú kếu vốn ngu hèn. dốt nát

Nên mới làm thơ nói khoác, chửi đời

Dăm ba vần ngổ ngẩn dở hơi

*Trong văn giới chỉ là anh đồ tồi, hạng
bét!*

*Này các bác lại thương, cho hành
nghề tán phét*

Chỗ anh em nào dám chối từ...

Ước mong sao ngài bút thật là cừ

Nhọn hoăn hoắt giống như mũi kiếm

Mũi kiếm vung lên, giữa làng văn
dũng chiến

Chuyên “chém đầu” thi sĩ với văn
nhân !

Nhưng... phải nhớ câu chủ nhiệm
dặn ân cần

Rằng : “Tuyệt đối cấm hung hăng,
ngổ ngáo

Rằng : “Đừng chửi văng tê, đừng tục
tằn, viết láo

Rằng : “Nhẹ nhàng, ba xạo để vui
chơi

Rằng : “Chính chị, chính em chó
đụng nửa lời,

Mặc xác họ, mình là người văn nghệ
!...

*Người văn nghệ : - Thưa ông, vâng
đúng thế*

*Trong làng văn có lẽ khối điều hay
Khối chuyện làm ta thẹn mặt đỏ mào
Vậy thì cứ lôi ngay ra mà quất.*

*Cũng thưa trước Kếu-tôi... hơi thành
thật*

*Nghĩ thế nào, nói trất, ít văn hoa
Chẳng nắng hồng mà bão mưa sa
Chẳng quỉ dạ-xoa lại kêu là tuyệt
đẹp*

*Tuy thơ Kếu dẽch hơn gì mớ tép
Nhưng “đánh” ai thì đánh bẹp, không
tha !*

Và... để áp dụng câu : tiểu trị gia...

Cụ chủ nhiệm, cây nhà, ta đồn trước

Rồi sau đó sẽ mời ra lần lượt

*Cả “đồng nhân bốn chí”, tổng thư ký,
vân... vân*

*Sấn tay áo lên “lòng lợn” Kếu tôi
mần*

Cạo rất sạch, thừa vâng nghề vốn dĩ.

CHÉM CHỦ NHIỆM BÁO VĂN

Ông ở đâu mà ông nhảy ra

Viết văn, làm báo cũng ba hoa ?

Đất này có lẽ đang cơn Vượng

Thân ấy hình như đã tuổi già

*Cổ lắm, trèo lên bong gối mất
Tham vào, húc mãi tróc xương da.
Thằng Phong¹⁹ phải gió hơi thâm đấy
Nó xúi ông trèo sút gối đa !*

TÚ KẾU

19 Trần Phong Giao, thư ký tòa soạn VĂN.



Quét sân đình

bài của MỖ LÀNG VĂN

CHUYỆN TRONG LÀNG

NHÀ VĂN SƠN NAM VÀ MÓN
THUỐC... TRỪ CÚM

Nhà văn Sơn-Nam, tác giả Hương
rừng Cà-mau, có một môn thuốc trừ

bệnh cảm rất tài tình. Nghĩ là Sơn-Nam chẳng muốn giữ kín để truyền lại cho con cháu làm một món gia truyền nên Mỗôi bèn đem mách anh chàng thư ký tòa soạn Văn. Môn thuốc của Sơn-Nam khá giản dị và có đủ yếu tố “linh nghiệm” để trừ tiệt chứng cúm, dù có là thứ dịch cúm từ nước Nga-la-tư truyền tới. Thang thuốc như vậy : hai bi buổi sáng và hai bi buổi tối.

Lúc Mỗôi “mách thuốc” cho Trần Phong Giao, có anh Nguyễn Mạnh Côn, tác giả Mối tình màu hoa đào, ngồi sửa bài gần đó. Nghe xong, anh gật gù, nhỏ nhẹ :

– Nhưng liệu có đúng lại nổi ở cái mức hai bi không chứ ?

Nghe lời vặn hỏi, Mỗôi còn đang cứng họng chưa biết trả lời ra sao thì họ

Trần đã mau mắn vừa khụt khịt lỗ mũi
vừa lắp bắp đỡ lời :

– À, cái đó thì phải hỏi nhà thơ Lê
Minh Ngọc, tác giả Hoa Thề, thì mới biết
được...

Thật khó vậy thay ! Khó vậy thay !

KHI ÔNG PHẠM DUY GIỚI THIỆU CÁC... GRANDS POÈTES

Nhạc sĩ Phạm Duy vừa tiết lộ cho
biết là nhân dịp có các nhà văn thơ Hoa-
kỳ sang thăm Sài-gòn và ngỏ ý muốn
gặp các nhà thơ lớn của nước Việt-nam,
thì ông đã giới thiệu cho họ hai grands
poètes là Tường-... và Du-Tử-Lê.

Khi nghe tin trên, ông chủ nhiệm
báo Văn bồng nhiên ngã lăn ra bất tỉnh.

Ai nấy đều tưởng là ông quá xúc động vì cái vinh dự lớn lao mà nhạc sĩ Phạm Duy đã dành cho hai nhà thơ từng có thơ đăng trên tập san Văn của ông. Nhưng, sau khi được nhà-văn-thầy-thuốc Ngô Thế Vinh cứu cho hồi tỉnh, ông Vương bèn lắc đầu, xua tay, nước mắt dàn dụa trên mặt, miệng lắp bắp như người hụt hơi, mà rằng :

– Xin chớ liệt vì miễn bàn. Miễn bàn ! Miễn bàn !

KHI ÔNG LÊ VĂN HOÀN MẤT XE

Ông Lê-văn Hoàn, đệ nhị thư ký trong ban Thường-vụ của Trung tâm Văn-bút Việt-nam, vừa mất trộm cái xe gắn máy mới toanh. Tuy mất xe nhưng ông vẫn đến dự các phiên họp hàng

tuần của TTVBVN như thường. Như thường ! Như thường !

Nghe tin ông Lê-văn Hoàn bị mất xe, tiểu thuyết gia Nguyễn Ngu-í, tác giả Khi người chết có mặt, mới sức nhớ lại mấy vụ mất xe “ly kỳ và rùng rợn” đã... xảy ra trong đời ông. Ông Nguyễn bèn đợi bóng đêm buông xuống, trèo tường vọt ra bưu cuộc Biên-hòa gửi một điện tín thượng khẩn, có nội dung như sau :

Người nhận : ông Lê-văn Hoàn, đệ nhị thư ký, ban thường vụ TTVBVN, Sài-gòn.

Nội dung : Thành thật chia buồn Stop Đúng thẳng ba-chìa-khóa rồi Stop Bắt lấy nó, bắt lấy nó Stop et fin

Người gửi : thám tử Ngê-bá-Lí, phòng tỉnh trí, dưỡng-trí-viện, Biên-hòa.

Được biết bưu cuộc Biên-hòa nói riêng và các bưu cuộc Việt-nam nói chung, không nhận điện tín gởi theo lối “người nhận trả tiền”, nên ông Ngu-Í phải bán đôi dép để lấy tiền gửi điện tín kể trên.

Thảo nào, trong kỳ “nghỉ phép” vừa rồi, khi dẫn nữ văn sĩ Túy Hồng tới thăm tòa soạn Văn (đúng ra phải gọi là cửa hàng tạp hóa Văn theo ông. Nguyễn Minh Hoàng nói là phải lẽ), Ông Ngu-Í lại đi chân đất. Khi người điên trở về tác phẩm mới nhất của ông Ngu-Í chẳng biết sẽ ra sao. Nhưng có điều chắc chắn là khi người điên trở về thế vào y cũng đi chân không (không giày không dép) trên những vỉa hè Sài-gòn.

KHI FRANÇOISE SAGAN NỔI TIẾNG

Nhiều nhà văn nhà báo chúng ta thường mắc phải cái tật là mỗi khi nhắc tới (để giới thiệu) một cây bút Việt-nam nào thì họ lại đem nhà văn nọ ra xếp cạnh những tên ngoại quốc, thường là những tên đã được “danh vang bốn bể”. Nhiều người đi trước đã bị “hố” khi làm việc đó. Vậy mà những người đi sau vẫn không chữa.

Mới đây một nhà văn phái nữ đã tỏ vẻ rất buồn rầu khi thấy một tờ báo nọ đem xếp cô cạnh tên Françoise Sagan. Nhìn cặp mắt long lanh ngấn lệ của cô mà Mỗtôi thấy... chua xót trong lòng. Bởi có hay hóm gì đâu cái thứ tác giả chuyên viết loại truyện “adult bed-time story” kia, và bởi vì có bền vững gì đâu cái danh tiếng chỉ nổi nhờ các... chuyên viên quảng cáo !

Cái ao ước lớn lao nhất của một nhà văn Việt-nam nào có gì khác hơn là, trước hết, y được là người V.N, viết văn V.N. Đem xếp tên y cạnh những tên tuổi lớn của văn đàn quốc tế, nếu không vì một hậu ý độc ác thì, ngẫm cho kỹ, cũng chỉ là một việc làm vô ý thức mà thôi !

MỖ LÀNG VĂN

KỠ TỚI :

LẬT CHỒNG BÁO CỬ

ĐIỂM MẶT DANH TÀI

HÌ HÌ... ĂN CẤP VẬT !

